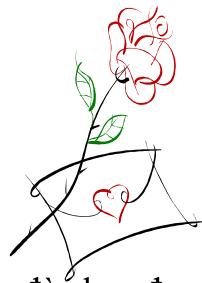


Lá Thư Tòa Soạn



Cùng quý độc giả thân mến,

Qua bao mùa Vu Lan, đặc san Tô Đinh Phước Huệ luôn khiêm tốn cống hiến quý độc giả những nếp suy tư dựa trên ý hướng phụng sự đạo pháp và xây dựng tình người. Chúng tôi thiết nghĩ, chỉ có tình người mới đích thực là chất liệu nuôi dưỡng tâm từ và đem lại niềm an vui hạnh phúc cho con người. Mỗi mùa Vu Lan về là nhầm thức nhắc cho người ta nhớ đến tình người muôn thuở đó.

Ai cũng biết, hiểu đạo là cội nguồn, là mạch sống chính yếu của con người. Một cội nguồn với biết bao ân tình chan chúc dịu ngọt yêu thương. Nó là một lê sóng đích thực mang tính chất nhân bản với muôn vàn thâm ân kính trọng. Đó là cội nguồn huyết thống tổ tiên, ông bà cha mẹ.

Vu Lan là mùa nhắc nhở mỗi người chúng ta phải luôn hằng tâm nhớ đến cội nguồn thiêng liêng cao quý đó. Là con người, không ai lại không mang nặng thâm ân cù lao giáo dưỡng sâu dày của các đấng sánh thành. Một ân đức sâu nặng tự như non cao bết cả.

*Cả một bầu trời gánh nặng mang
Công cha nghĩa mẹ sánh muôn ngàn
Mây trời khó phủ on nuôi dưỡng
Biển nước sao đầy nghĩa bảo ban
Tất tả ngược xuôi người lặn lội
Một mình vất vả tự lo toan
Thân gầy chẳng quản nuôi con lớn
Chịu cảnh phong sương quyết chẳng than!*

Dù sống trong bất cứ thời đại xã hội nào, lạc hậu hay tân tiến, bán khai hay văn minh, nông nghiệp hay công nghệ... hiểu đạo vẫn là kim chỉ nam muôn thuở, vì nó là ngọn hải đăng soi sáng chỉ hướng cho thuyền đời và làm thăng hoa trong cuộc sống.

Ngày nay, nhơn loại đang trên đà chạy đua mở rộng ngoại giới: từ chánh trị đến kinh tế; từ xã hội đến khoa học kỹ nghệ v.v... nhưng cánh cửa đạo đức tình người nội tại vẫn còn khép kín. Ngày nào cánh cửa này chưa được nhơn loại mở rộng ra, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn chuốc lấy những thảm họa khổ đau dài dài.

Mùa Vu Lan, ngoài việc để cho chúng ta tri ân và báo ân ra, nó còn đánh động thức nhắc lương tâm con người hãy mở rộng không gian tâm thức để lắng nghe tiếng kêu than của đồng loại, và hãy mở rộng vòng tay lớn để cứu thoát những con người bất hạnh, hiện đang lâm vào những thảm cảnh: chiến tranh, nghèo đói, bệnh tật, bán mình làm nô lệ, tù đày v.v... Đó là những tiếng kêu than trầm痛 của một kiếp người đang bị bức xúc khổ đau cùng cực!

Bức tranh xã hội ngày càng đen tối và nhơn loại hiện đang đi vào ngõ cụt của vô minh không lối thoát. Những tệ nạn xã hội mỗi ngày mỗi gia tăng. Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine vẫn chưa đến hồi kết thúc. Cuộc chiến tranh nào cũng mang lại những hậu quả lâm tang thương bi đát khổ đau cho nhơn loại. Nỗi thống khổ tang thương đó không riêng gì hai nước lâm chiến mà nó còn gây tác động ảnh hưởng về mọi mặt, nhất là vấn đề kinh tế suy thoái toàn cầu. Người ta cứ mãi lo chữa cháy trên bờ mặt, mà không ai thấy được tiềm năng phá hoại từ căn nguyên nội tại của nó. Căn nguyên đó là “**Tham, Sân, Si**”. Đây là ba yếu nhân vô minh chính, đã và đang gây ra biết bao thảm trạng đau thương cho mỗi cá nhân và đồng loại.

Mùa Vu Lan, thiết nghĩ mỗi người chúng ta, nên bình tâm lắng đọng tâm tư thiết tha quán chiếu để tìm ra phương pháp chuyển hóa trị liệu. Có thể, thì con người mới bớt

khổ và việc cử hành đại lễ Vu Lan mới thực sự có ý nghĩa thiết thực. Đó mới thật là mở rộng tâm từ, trân kính mừng Vu Lan Thắng Hội, trong truyền thống tâm linh cao đẹp của Phật giáo, mà bắt nguồn từ một con người chí hiếu khai phóng nhơn sinh của Tôn giả Đại hiếu Mục Kiền Liên.

Với tấm lòng bao dung rộng mở đó, mới thực sự mang lại sưởi ấm tình người và mới thực sự đón nhận mùa Vu Lan cao quý thiêng liêng trong sáng bằng sức sống nhiệm màu hòa nhịp trong ánh hào quang của chư Phật.

Kính chúc toàn thể quý độc giả thân thương

hướng vong trân kính về mùa Vu Lan trong tinh thần khai phóng, yêu thương, hy xả bằng tuệ giác sáng ngời với sinh thức vẹn tròn hiếu đạo.

Trân trọng

Ban Biên Tập



Tổ Đinh Phước Huệ

Thư Mời

Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Pl. 2567

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời: Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2567

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ vào các ngày như sau:

- Thứ bảy 26/08/23 - Lễ Dâng sớ cầu siêu Vu lan vào lúc 18:30
- Chủ nhật 27/08/23 - Đại lễ Vu lan Thắng Hội vào lúc 10 giờ 30 sáng
 - Lễ Cài bông hồng
 - Lễ Sót bát cúng dường Chư Tôn Đức Tăng Ni
 - Văn nghệ Vu Lan Báo Hiếu lúc 12:30
 - Lễ Truyền Tam quy - Ngũ giới vào lúc 13:30
 - Cúng thí thực thập loại cô hồn lúc 15:30

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng kính mời.

Ban Tổ Chức





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÚC ĐẠI LỢI - TÂN TÂY LAN

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Văn phòng: Chùa Quang Minh - 18 Burke Street, Braybrook VIC 3019. AUSTRALIA
Tel: +61393125729 +61395482215 Fax: +61393110278 Email: phuocan@quangminh.org.au

THÔNG BẠCH

ĐẠI LỄ VU LAN PHẬT LỊCH 2567

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử,

Vu Lan báo hiếu luôn là một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa mãnh liệt nhất trong đời sống tinh thần của những nước chịu ảnh hưởng văn hóa Phật giáo Đại thừa qua hàng ngàn năm qua. Trong truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ người trồng cây” của dân tộc ta. Báo hiếu, báo ân tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ là một trong những lòng hiếu kính tri ân quan trọng nhất trong cuộc đời của mỗi con người.

Ngày lễ Vu Lan báo hiếu của Phật giáo đã nghiêm nhiên trở thành ngày lễ mang đậm nét nhân văn, làm rạng rỡ đạo lý đền ơn đáp nghĩa của dân tộc Việt Nam. Lễ Vu Lan xuất phát từ sự tích của Bồ tát đại hiếu Mục Kiền Liên, đã cứu mẹ mình thoát khỏi kiếp ngạ quỷ (quỷ đói). Vu Lan trở thành ngày lễ hàng năm để tưởng nhớ công ơn cha mẹ và tổ tiên nói chung, nhắc nhở mỗi người biết trân trọng những gì mình đang có, nhắc nhở bốn phận làm con phải luôn nhớ đến công ơn sinh dưỡng của cha mẹ mà làm những việc hiếu nghĩa để thể hiện tình cảm, lòng biết ơn.

Kể từ khi Phật giáo được truyền vào Việt Nam, ngày lễ Vu Lan (Rằm tháng Bảy) đã trở thành truyền thống của tinh thần báo hiếu, báo ân, phù hợp với tinh thần phụng thờ tổ tiên của người dân Việt. Ngày nay, lễ Vu Lan không đơn thuần chỉ có ý nghĩa tôn giáo thiêng liêng mà đã trở thành “lễ hội văn hóa tinh người”. Pháp hội Vu Lan còn có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc, hướng mỗi người trở về với cội nguồn dân tộc, về với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” với tổ tiên huyết thống.

Ngày lễ Vu Lan là một trong hai lễ lớn nhất của Phật giáo, nhằm báo hiếu công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, nay không chỉ là ngày lễ của các Phật tử mà đã trở thành một lễ hội văn hóa tinh thần chung của xã hội, mang đến thông điệp về lòng biết ơn và đền ơn như một biểu hiện và cùi xử văn hóa đáng được con người lưu tâm, thực hiện. Trong thời đại ngày nay, tinh thần đạo hiếu cần được đề cao, biểu dương mạnh mẽ hơn để truyền thống đó luôn được bồi đắp, ngày càng trở thành sức mạnh văn hóa đặc thù của dân tộc hôm nay và mãi mãi về sau.

Kính thưa chư liệt vị,

Mùa Vu Lan là thời gian tưởng niệm về cha mẹ hiện tiền hay người thân quá cố, mùa cúng độ cho sinh linh trong chốn u đồ, tối tăm đau khổ. Giới Định Tuệ là ba môn học vô lậu trong mùa An cư Kiết hạ của chư Tăng, sau ba tháng miên mật tu hành là sức mạnh cần thiết để chuyên hóa tự thân cũng như cúng độ sinh linh trong chốn u đồ đau khổ. Trí tuệ là nhận thức sắc bén của người con Phật, là nền tảng là đạo nhẫn để quán chiếu về vạn pháp vô thường thấy rõ sự thật, sanh tử là lẽ đương nhiên để giảm đi lòng sợ hãi, lo lắng và mưu toan.

Nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu Phật lịch 2567, Dương lịch 2023, thay mặt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan, chúng tôi thành tâm kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni, vạn hạnh trang nghiêm, tùy tâm mãn nguyện, Phật quả chóng viên thành.

Kính chúc quý đồng hương Phật tử một mùa Vu Lan hiếu hạnh tròn đầy và luôn sống trong nếp sống an bình hạnh phúc hằng tẩm mình trong ánh hào quang của chư Phật.

Nam mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát ma ha tát.

Hòa Thượng Thích Thiện Tâm

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành - GHPGVNTN UDL - TTL

Chín Chữ Cù Lao

*Tiết Vu Lan bâng khuâng nhớ cha, ơn dưỡng dục
Mùa báo hiếu người ngùi thương mẹ, đức cù lao.*



Mùa Vu Lan Báo Hiếu của người con Phật lại trở về trên quê Mẹ Việt Nam, cũng như đến với những người con của Mẹ Việt Nam đang sống rải rác đó đây trên khắp địa cầu.

Vu Lan về khiến lòng người thao thức khắc khoải, khi nghĩ về công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha, nhưng mình chưa đền đáp được là bao. Xót xa đau đớn tận cùng, khi cha mẹ đã hoá thành thiêん cổ từ lâu.

Người con hiếu thảo thật sự, thì không bao giờ hài lòng và cho rằng mình đã tận hiếu với cha mẹ. Dù cho bản thân đã hy sinh đã chịu chuộng hết mức với cha mẹ. Do đó trong lòng luôn thao thức khắc khoải phải làm sao để báu đáp ân sanh thành dưỡng dục của mẹ của cha.

Tử Lộ, một học trò của Khổng Tử, thuở còn hàn vi, Tử Lộ hết mực chăm lo phụng dưỡng, sớm thăm tối viếng, đồng đắp chăn bông, hè quat mát. Nhưng Tử Lộ không bao giờ cảm thấy hài lòng thoả mãn. Vì có những nhu cầu cần thiết, Tử Lộ chưa có khả năng thực hiện cho cha mẹ. Như là thuốc thang chu đáo những khi trớ bệnh, muôn dâng sơn hào hải vị, khiến cha mẹ được âm no hạnh phúc, hưởng thụ an vui hạnh phúc, với quảng đời còn lại. Đến khi Tử Lộ được làm quan, có khả năng phụng dưỡng cha mẹ như ý muốn, nhưng than ôi! Cha Mẹ đã qua đời. Do đó, Tử Lộ đã than thở rằng: Mộc dục tịnh nhi phong bất định, tử dục dưỡng nhi thân bất tại. Nghĩa là: Cây muôn lặng mà gió chẳng muốn ngừng, con muốn nuôi cha mẹ nhưng than ôi cha mẹ không còn nữa.

Công cha nghĩa mẹ, đã được kho tàng văn chương, thơ ca, ca dao, tục ngữ Việt Nam, đã chuyên chở những áng văn chương cao rộng, những vần thơ bay bồng mấy tầng trời xanh, chùm ca dao tục ngữ vừa bình dân vừa bác học đã hoạ lên giữa hư không tạo thành một bức họa trác tuyệt, khiến đất trời phải cảm động tán thán, như là:

*Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha,
Biển rộng mênh mông không đóng đầy tình
mẹ.*

*Đó ai đêm được lá rừng
Đó ai đêm được mây tầng trời cao
Đó ai đêm được vì sao
Đó ai đêm được công lao mẹ thầy.*

*Vời voi non cao ơn dưỡng dục
Mênh mông biển rộng đức sinh thành.*

*Nhớ ơn chín chữ cù lao
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình*

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng ai oi*

Trong kinh Thi (1) của Trung Hoa, có bài Thi trong phần lục ngã, Tiểu Nhã nói về Chín Chữ Cù Lao như sau:

Phụ hè sinh ngã, mẫu hè cúc ngã,
父兮生我，母兮鞠我，
phụ ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã,
拊我畜我，長我育我，
có ngã phục ngã, xuất nhập phúc ngã.
顧我復我，出入腹我。
Dục báo chí đức, hạo thiên vỗng cực.
欲報之德，昊天罔極。

Dịch nghĩa:
Cha sinh ra ta; mẹ nuôi nấng ta;
vỗ về ta, dưỡng dục ta; nuôi ta lớn lên;
trông chừng ta, trở về với ta, ra vào bồng bế ta;
Muôn báo ơn sâu, ơn đức của cha mẹ mênh mông như bầu trời”.

- **Sanh:** thường thì chúng ta thấy người Mẹ mang thai sanh con. Nhưng xét kỹ thì chúng ta thấy như câu: Cha sanh mẹ đẻ, hoặc cha sanh

mẹ dưỡng. Vì nếu không có tinh của người cha thì mẹ không thể mang thai. Cho nên gọi là Cha Sanh và nói cho đúng là tinh cha huyệt mẹ hoà hợp tạo thành ra bào thai trong bụng người mẹ. Và từ đó người mẹ phải nuôi dưỡng thai nhi trải qua chín tháng mười ngày, rồi lâm bồn khai hoa nở nhụy. Chính vì thế gọi là Cha sanh Mẹ dưỡng. Thời kỳ thai nghén là thời kỳ người Mẹ gánh chịu bao nỗi mệt nhọc khổ đau, đi đứng nằm ngồi đều khó khăn, ăn uống không được như ý khẩu vị. Đức Phật đã diễn tả điều ấy trong kinh Báo Phụ Mẫu Trọng ân như sau:

Điều thứ nhất, giữ gìn thai giáo,
Mười tháng trưởng chu đáo mọi bề.
Thứ hai sanh đẻ gớm ghê,
Chịu đau chịu khổ mỏi mê trãm phần,
Nếu con hiểu thuận xuôi mình ra luôn,
Bằng ngõ nghịch làm buồn thân mẫu,
Nó vẩy vùng, đạp quâu lung tung,
Làm cho cha mẹ hãi hùng,
Sự đau sự khổ không cùng tổ phân...
Khi sản xuất muôn phần an lạc,
Cũng ví như được bạc được vàng."

- **Cúc:** là nuôi dưỡng, nâng đỡ, săn sóc. Cha mẹ nuôi dưỡng, cực đến đâu bền vững chẳng lay, ăn đắng nuốt cay, để dành bùi ngọt đủ đầy cho con. Tảo tần sớm hôm mẹ nuôi con không lớn, đưa tám lung giày cha che chở đời con.

- **Phủ:** là vỗ về vuốt ve. Thuở còn thơ áu thì cha mẹ thay phiên ẵm bồng, khi con khóc thì vỗ về vuốt ve, lại còn khi ngủ, ướt mẹ nằm, khô ráo phần con. Khi con khôn lớn trưởng thành, khi gặp sóng gió cuộc đời vui dập cuốn trôi, thì cha mẹ luôn sẵn sàng bên cạnh để vỗ về an ủi, vuốt ve khuyên khích, để con sớm vượt thoát khổ nạn thương đau. Ngày nào con đau khổ không biết ngọt cùng ai, thì con oí! Hãy gọi mẹ đến bên con.

- **Súc:** là cho ăn bú morm. Con còn nhỏ thì mẹ phải sú nực nhai cơm, miễn con no ấm chẳng nhòm chăng ghê. Trước khi người con lập sự nghiệp, thì cha mẹ vẫn phải luôn nuôi nấng con cái.

- **Trưởng:** là nuôi dưỡng thể xác. Khi con thơ càng lớn, thì cha mẹ càng tát bật trong cuộc sống, tranh thủ phấn đấu, làm lụng kiếm tiền, để nuôi dưỡng cho con trưởng thành khôn lớn. Nào là cơm ăn áo mặc, làm sao cho xứng tầm với sự trưởng thành của con. Không cha mẹ nào muốn con cái mình ra đường thua với con

cái của người ta, đúng là:

*Mẹ cha gánh vác hy sinh
Mẹ cha quên cả thân mình vì con.
Cha một đời oằn vai gánh nặng
Mẹ một đời đôi dép lạc bàn chân.*

- **Dục:** là giáo dưỡng tinh thần - Khi con vừa được lớn khôn, cha mẹ dạy bảo cho con vỡ lòng, cho đi học mở thông trí huệ. Cha mẹ dạy dỗ con từ thuở còn tím thơ, dạy cho con biết nói tiếng ba tiếng mẹ. Dạy con từ thuở lên ba, mong con lành lợi, mẹ cha yên lòng. Dạy con biết lễ biết nghĩa biết hiếu, tiên học lễ hậu học văn. Dạy con biết kính trên nhường dưới. Cha mẹ chính là những nhà giáo đầu tiên trong cuộc đời con trẻ.

- **Cố:** là trông xem - nhìn ngắm - Lúc thuở bé thơ còn nằm nôi, cha mẹ luôn đứng ngắm nhìn con thơ khi ngủ, ngắm nhìn con những lúc vui đùa, nhìn thấy con lớn dần theo năm tháng, thì lòng cha mẹ lâng lâng với cảm giác sung sướng hạnh phúc. Khi lớn lên thì cha mẹ chẳng nỡ chia riêng, cho nên nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo. Mẹ già chờ con ngồi đếm lá rơi, đếm bao nhiêu lá mà con chưa về. Cha mẹ già mỗi mòn con mắt vì trông con đi xa trở về. Đặc biệt những đứa con xa xứ, xa quê, lang thang trên xứ người xa lạ, thì lòng cha mẹ lúc nào cũng lo âu nom nớp và mong đợi con về từng ngày.

- **Phục:** là quấn quít - săn sóc - thuở còn áu thơ cha mẹ quả luôn quấn quít bên con thơ, theo dõi từng cử chỉ hành động con thơ, để kịp thời tạo ra những điều để con hài lòng yên tâm. Đến khi trưởng thành với cuộc đời rồi, nhưng cha mẹ nếu có cơ hội quấn quít săn sóc thì cha mẹ không từ nan.

- **Phúc:** là ẵm bồng, gìn giữ - thuở mới lọt lòng đến 4,5 tuổi cha mẹ luôn luôn bồng bế con thơ và bảo bọc chu đáo. Khi con nóng lạnh bất thường, cả đêm cha mẹ trông hoài lo con. Dành cho con các cuộc thanh nhàn, thương con như ngọc như vàng, chẳng màng đau ốm cực thâm, miễn con vui sướng là cha mẹ cười.

Đúng là:

*Cố thụ là bóng mẹ cha
Cây non là cả vườn hoa tuổi hồng*

Tóm lại, Chín Chữ Cù Lao (Sanh, Cúc, Phủ,

Súc, Trưởng, Dục, Cố, Phục, Phúc), đã nói lên tất cả ơn nghĩa sanh thành dưỡng dục của mẹ của cha.

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*

Với chín chữ cù lao, không sao đáp đền. Vì vậy, Đức Phật dạy: “Này các tỳ kheo! Có hai người mà các thầy không thể nào đền ơn cho hết được, đó là Cha và Mẹ. Nếu có kẻ vai trái công cha, vai phải công mẹ, đi xa ngàn dặm, cung phụng đủ mọi thức ăn, đồ mặc, chăn nệm và thuốc thang, thậm chí cha mẹ có tiêu tiện, đại tiện trên vai đi nữa, cũng chưa trả được ân sâu cha mẹ. Các thầy phải biết, ân cha mẹ nặng lắm, bòng bế nuôi nấng, dưỡng dục đúng lúc, làm cho ta trưởng thành. Vì thế, mà biết ân đó khó trả. Do vậy, người con hiếu thảo muốn bão đáp công ơn cha mẹ đúng chánh pháp cần phải thực hành những việc sau đây:

- ♦ Nếu cha mẹ chưa có niềm tin, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm tin tưởng Tam Bảo.
- ♦ Nếu cha mẹ xan tham, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm bố thí.
- ♦ Nếu cha mẹ theo điều ác, phải khuyến khích cha mẹ hướng về đường thiện.
- ♦ Nếu cha mẹ theo tà kiến, phải khuyến khích cha mẹ trở về với chánh kiến.

Làm được như vậy là trả ơn cha mẹ đúng với chánh pháp, khiến cha mẹ không những được an vui trong hiện tại, mà còn gieo phước lành trong tương lai”. (Kinh Tương Ưng)

Là người con của Phật, nhân Mùa Vu Lan Hiếu Hạnh trở về, chúng ta hãy tinh tấn vâng lời Phật dạy, thực hành các pháp công đức, hồi hướng cho cha mẹ hiện đời tăng phước thọ và tăng trưởng niềm tin Tam Bảo ngày càng kiên cố, ngỏ hầu cha mẹ tu tập đúng chánh pháp, gieo nhân đoạn trừ ngã chấp, kết quả thoát ly khổ đau. Nếu như cha mẹ đã quá vãng, thì hồi hướng tất cả đồng thoát khổ luân, đồng sanh tịnh độ. Chẳng những vậy, chúng ta còn phải nghĩ đến cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp và rộng ra cho toàn thể chúng hữu tình trong khắp pháp giới ba cõi sáu đường, đồng thoát ly tam đồ, đồng kiến Tam Bảo, đồng tu chánh pháp, đồng thành Phật đạo.

An Chí

Ghi chú:

Kinh Thi của Trung Hoa, được kết tập bởi nhiều nhà hiền triết, văn học, thi sĩ và trải qua nhiều thế kỷ để thành hình một bộ sách được là Thi Kinh, là một trong năm bộ sách để thành hình triết học Trung Hoa gồm có: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

*Mỗi độ Vu Lan lại trở về,
Tôi ngồi nhớ mẹ thấy buồn ghê!
Trời chiều ảm đạm mưa ngâu đổ,
Nghe tiếng ênh ương kêu nao nè!*

*Mẹ mắt lúc tôi ở tuổi thơ,
Từ đây tôi phải sống bơ vơ.
Mỗi lần nhớ mẹ tôi ngồi khóc,
Dưới ánh trăng khuya mây phủ mờ.*

*Thôi thé là tôi mắt mẹ rồi,
Đời tôi nào khác đám mây trôi.
Đêm về nằm ngủ trên đầu núi,
Ngày lại đi rong dưới mặt trời.*

*Nỗi khổ chất chồng đeo đuổi luôn,
Đời tôi vui ít lại nhiều buồn.
Tuổi thơ mất mẹ, già vong quốc.
Nghĩ tới quê nhà lệ ứa tuôn!*



*trên
đất
khách*

*Đất khách đêm ngày vẫn ước mong,
Nước mình cộng sản sớm tiêu vong.
Trở về thăm lại mộ cha mẹ,
Thăm xóm làng xưa, ngắm ruộng đồng.*

*Hôm nay ngày đại lễ Vu Lan,
Nhớ mẹ đến chùa thắp nén nhang.
Nhìn ảnh mẹ hiền treo ở vách,
Lòng tôi đau xót lệ tuôn tràn!*

*Chánh điện hôm nay thật khác thường,
Hoa đèn nghi ngút khói trầm hương.
Người người lễ Phật cầu cha mẹ,
Chết được siêu thăng, sống thọ trường.*

*Chùa cảnh hôm nay đượm sắc buồn,
Vu Lan nhớ mẹ lệ trào tuôn.
Lời kinh hòa nhịp theo chuông mõ.
Siêu độ vong hồn thoát khổ luôn.*

Tuệ Tĩnh

Bông Hồng Cài Áo

sự tiếp nối đẹp đẽ của cha, mẹ nơi mình



Vài lời thưa trước: *Bông hồng cài áo* là một trong những tác phẩm nổi tiếng của Thiền sư Nhất Hạnh. Được sáng tác cách đây hơn 61 năm. Đến nay, tác phẩm ngắn này vẫn được đông đảo bạn đọc nhiệt thành đón nhận và đã được dịch, in ra nhiều thứ tiếng. Nhân mùa Vu lan Báo hiếu PL.2567, tập san Phước Huệ xin lược trích đoạn cuộc phỏng vấn của một báo địa phương với Thiền sư Nhất Hạnh bàn về ý nghĩa của Lễ Vu Lan,

.....

Hỏi: Được biết, sau khi tác phẩm ra đời, Thiền sư đã phát động phong trào cài hoa hồng để tưởng niệm về công ơn mẹ. Xin Thiền sư cho biết lần đầu tiên phong trào này được tổ chức là vào mùa Vu lan năm nào, tại đâu; Thiền sư có gặp sự trở ngại nào chăng khi đưa ra một nét văn hóa tuy đẹp đẽ song cũng rất mới lạ này?

Đáp: Tôi không hề có ý định phát động phong trào Cài Hoa Hồng để tưởng niệm về công ơn mẹ. Phong trào ấy tự động phát khởi một cách tự nhiên mà thôi. Điều đó cũng làm cho tôi ngạc nhiên. Hồi đó, năm 1962, sau chín tháng nghiên cứu về khoa Tỷ giáo Tôn giáo tại Princeton University, tôi về nghỉ hè tại Camp Ockanickon ở Medford thuộc tiểu bang New Jersey, Hoa Kỳ. Ban ngày tôi chơi và nói chuyện với thanh thiếu niên về văn hóa Việt Nam và đi chèo thuyền trên hồ, ban đêm tôi viết văn. Tôi đã viết đoạn văn *Bông hồng cài áo* trong một căn lều gỗ người trẻ dành cho tôi. Viết xong, tôi gửi cho các vị đệ tử của tôi trong Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn do tôi hướng dẫn. Bài này gửi qua chị Trương Thị Nhiên. Chị Nhiên và Đoàn Sinh viên Phật tử đọc xong rất cảm động nên quyết định đem chia sẻ cho mọi người. Họ bàn nhau chép tay ba trăm bản làm quà tặng cho những bạn bè của họ trong các phân khoa Đại học Sài Gòn. Mỗi bản chép tay đều có gắn thêm một chiếc hoa màu hồng hay màu trắng cho người còn mẹ, hay mất mẹ. Răm tháng Bảy năm ấy, họ họp nhau lại tại chùa Xá Lợi, làm lễ Bông hồng cài áo lần đầu tiên. Anh Tôn Thất Chiểu, một thành viên của Đoàn Sinh viên Phật tử đã gửi cho Hòa

Thượng Thích Đức Tâm, hồi đó đang làm chủ bút nguyệt san *Liên Hoa* của Giáo hội Tăng già Trung Phân. Tập san *Liên Hoa* đã đăng nguyên bài dưới tựa đề là *Nhin kỵ Mẹ*. Hòa thượng Trí Thủ, bồn sư của HT. Đức Tâm, đọc được đoán văn trên nguyệt san *Liên Hoa* đã khóc vì cảm động. Sau đó *Bông hồng cài áo* được in ra nhiều lần, một số các chùa bắt đầu tổ chức lễ Bông hồng cài áo. Từ đó, lễ Bông hồng cài áo đã trở thành một truyền thống. Tôi không nghĩ là đã có những trở ngại trong khi phong trào được lan rộng. Năm 1964, Nhà Xuất bản Lá Bối ra mắt độc giả quyển *Bông hồng cài áo*, in khổ óm dài để có thể bỏ vào bì thư gửi tặng bạn bè trong ngày Vu lan. Quyển sách nhỏ này đã phải tái bản nhiều lần. Năm 1965, đoàn cải lương Thanh Nga đã dựng và trình diễn vở tuồng *Bông hồng cài áo* và có mời tôi tham dự. Tại trong nước cũng như tại ngoại quốc, đoàn văn *Bông hồng cài áo* đã được dịch và in ra nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan, Trung Hoa, Nga và Lào.

Hỏi: Theo Thiền sư, giữa Ngày lễ của Mẹ trong văn hóa Nhật và ngày Vu lan Báo hiếu trong văn hóa Việt Nam có những nét tương đồng và khác biệt nào?

Đáp: Lễ Bông hồng cài áo tổ chức tại Làng Mai vào mùa Hè mỗi năm kể từ năm 1983 đã làm theo tinh thần Việt Nam, khác truyền thống Nhật. Lễ này không những để vinh danh người mẹ mà cũng để tưởng nhớ và vinh danh người cha nữa. Mỗi người được cài hai chiếc hoa hồng, một dành cho Mẹ và một dành cho Cha. Chiếc hoa dành cho Cha nằm hơi cao lên một chút để phân biệt với hoa cho Mẹ. Và anh sẽ cài một hoa hồng cho Cha khi cha còn sống, một hoa hồng cho Mẹ khi mẹ còn sống.

Hỏi: Không ít người thắc mắc tại sao Thiền sư lại chọn hoa hồng mà không phải là loài hoa nào khác? Phải chăng đơn thuần chỉ vì hoa hồng là loài hoa biểu trưng cho tình yêu?

Đáp: Mình nên hiểu chữ **hồng** trong bông

hồng là **đỏ**. Cài hoa hồng thì cài hoa hồng đỏ. Cài hoa khác như hoa cẩm chướng thì cẩm chướng màu cũng màu đỏ, không nhất thiết là phải có hoa hồng (*rose*). Và khi mẹ không còn, cha không còn thì được cài hoa trắng. Các đệ tử người Hoa của tôi khi làm lễ Bông hồng cài áo đầu tiên tại Đài Loan năm 1995 thì họ dùng hoa cẩm chướng màu đỏ và trắng cho buổi lễ cài hoa tưởng nhớ mẹ cha. Mẹ cha còn thì cài hoa cẩm chướng màu hồng. Mẹ cha mất thì cài hoa cẩm chướng màu trắng. Bất cứ hoa gì cũng được, kể cả hoa lan.

.....

Hỏi: *Là người rất quan tâm đến giới trẻ Việt Nam nói riêng và giới trẻ trên toàn thế giới nói chung, Thiền sư có nhẫn nhủ điều gì với các bạn nhân mùa Vu lan ?*

Đáp: Ngày lễ Bông hồng cài áo không phải là chỉ để tưởng nhớ công ơn mẹ cha. Các bạn phải biết thực tập nhìn sâu, tức là thực tập thiền quán trong ngày ấy. Phải thấy được những tài năng, đức hạnh và nét đẹp nào mà mình đã tiếp nhận từ cha và từ mẹ. Rồi thấy được cha và mẹ không phải là những thực tại có ngoài mình mà đang có ngay trong mình. Mình là sự tiếp nối của Cha, mình là sự tiếp nối của Mẹ. Và mình mang Mẹ, mang Cha đi về tương lai. Phải biết mỉm cười cho mẹ, thở cho cha và bước đi cho cả hai. Sự tiếp nối đẹp đẽ của cha mẹ nơi mình là biểu hiện cụ thể nhất cho lòng Hiếu.

Nếu bạn lỡ có những khó khăn với cha hay mẹ thì đừng nghĩ cạn là mẹ không thương, cha không thương. Có thể những vụng về trong quá khứ về phía cha mẹ đã tạo ra những lớp khổ đau đè nặng và làm khuất lấp tình thương ấy. Mình biết nếu có gì xảy ra cho mình thì cha mẹ sẽ khóc hết nước mắt. Và nếu có gì xảy ra cho mẹ hay cho cha thì mình cũng sẽ khóc hết nước mắt. Phải thấy rằng các vị đã có nhiều khổ đau và khó khăn mà chưa đủ khả năng chuyển hóa nên đã tự làm khổ mình và làm khổ lây đến các con. Mình cũng vậy. Mình đã khổ đau vì hiểu lầm, vì bức tức, và do đó đã lỡ nói những lời không dễ thương, có những phản ứng không đẹp đẽ với cha và với mẹ. Bên nào cũng chịu một phần trách nhiệm. Thấy được cái khổ của cha, của mẹ, mình tìm cách giúp cha và giúp mẹ. Minh phải biết nói lời hối lỗi đã không giúp được mẹ cha mà còn làm cho cha mẹ khổ đau thêm. Sử dụng pháp lắng nghe và ái ngữ để tái lập được truyền thông, để dựng lại thâm tình, đó là điều mình có thể

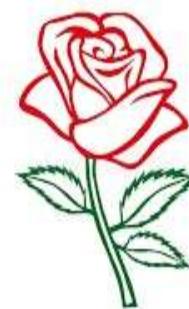
làm được. Tôi có nhiều vị đệ tử đã làm được việc đó, người Việt cũng như người ngoại quốc.

Có những người trẻ dại dột đã đi tự tử. Đó là một hành động tuyệt vọng, nhưng cũng là một hành động trùng phạt. Trùng phạt người đã làm mình khổ, trong trường hợp này, đó là những vị sinh thành ra mình. Ta sinh ra đời để thương yêu, không phải để trùng phạt. Chết như thế là một sự thất bại. Nếu bạn là Phật tử, bạn phải biết giáo pháp Đức Thế Tôn có công năng chuyển rác thành hoa, biến phiền não thành bồ đề, dựng lại tình thâm từ xác chết hận thù. Cha Mẹ là Bụt đó, đừng đi tìm Bụt nơi nào khác. Ngày hôm nay bạn nói được câu gì, làm được cử chỉ gì để mẹ vui, để cha vui thì làm ngay đi, đừng để tới ngày mai, sợ rằng muộn quá. Đọc *Bông hồng cài áo* để nhớ điều đó. Tôi chúc bạn một ngày Vu lan thật ngọt ngào, thật hạnh phúc, thực tập thành công.

Nếu bạn được cài bông trắng, nên quán chiếu là cha hoặc mẹ vẫn còn trong bạn và có mặt trong từng tế bào của cơ thể bạn. Đưa bàn tay lên nhìn, bạn sẽ thấy bàn tay ấy của bạn mà cũng là bàn tay của cha, của mẹ. Trong bàn tay bạn, có bàn tay của cha, của mẹ. Bạn hãy đưa bàn tay ấy đặt lên trán và sẽ thấy, đó là bàn tay của mẹ hay của cha đang đặt trên trán bạn. Thật là nhiệm màu.

Hân Tịnh

Lược trích bài phỏng vấn Thiền Sư Nhất Hạnh nói về Ý Nghĩa Lễ Vu Lan



Vu Lan là mùa hội lớn. Truyền thống Vu Lan đã có từ lâu đời. Theo sử liệu ghi lại là bắt nguồn từ thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế. Căn cứ vào Kinh Vu Lan Bồn đã cho chúng ta biết như thế. Theo Kinh Vu lan, nguyên nhân có ra là do Tôn Giả Đại Hiếu Mục Kiên Liên thiết lễ trai tăng thỉnh Phật và thánh chúng chứng minh, chú nguyện cho bà Mục Liên Thanh Đề. Vì gây tạo nghiệp ác nên bà phải chịu quả báo cực hình đau khổ nơi chốn địa ngục. Từ đó, mới có ngày đại lễ Vu Lan Thắng Hội này. Vu Lan là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là « giải đảo huyền », tức cứu cái khổ bị treo ngược. Ngày này còn gọi là ngày xá tội vong nhân, cũng là ngày mân hạ Tự tú của chư tăng.

Đối với dân tộc Việt Nam, dù người có niềm tin tôn giáo hay không, đối với ngày đại lễ Vu Lan, không ai lại không nhớ đến cội nguồn. Vì làm người ai lại không có gốc gác tổ tiên ông bà cha mẹ. Vì vậy, mà dân tộc ta rất tôn trọng đạo hiếu. Bởi hiếu đạo là cội gốc đạo đức nhân bản của con người. Sử ghi lại vào năm 1118 (năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9), vua Lý Nhân Tôn làm lễ cầu siêu cho Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, tức Ý Lan Thái phi để thể hiện lòng hiếu đối với mẹ. Từ đây, lễ Vu Lan đã được phổ cập sâu rộng đến mọi tầng lớp dân chúng và đã đi sâu vào lòng người Phật tử thể hiện lòng hiếu thảo đối với các đấng sanh thành.

Khi nói đến lòng hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ, người ta nghĩ ngay đến hình ảnh của một người con chí hiếu, mà lịch sử đã ghi đậm nét đánh giá rất cao. Người đó chính là Tôn giả Đại Hiếu Mục Kiên Liên. Ngài là một trong mươi vị đệ tử lớn của đức Phật. Ai cũng biết Ngài là vị đệ tử có thần thông đệ nhứt. Thần thông diệu dụng của Ngài không ai sánh bằng. Tuy nhiên, có điều, một người tuy có thần thông lực dụng quảng đại như thế, nhưng cũng không thắng nổi nghiệp lực. Ngài đã bị đám côn đồ đánh đập hành hạ tàn nhẫn cho đến chết. Đó là nghiệp quả mà Ngài phải trả. Song có điều, đối với các bậc tu chứng đạt đạo, thấu rõ được nguồn gốc sanh tử, thì việc trả quả báo coi như không có gì phải đau khổ như kẻ phàm

phu tục tử. Điều đó, thiết nghĩ chúng ta cũng nên lưu tâm suy gẫm.

Điều đáng nói ở đây là, nếu như thần thông mà có thể cứu được mẹ Ngài thoát khỏi chốn ngục hình đau khổ, thì Ngài đã cứu thoát mẹ ngài rồi, cần gì phải bạch trình với đức Phật. Chính vì không cứu được, nên Ngài mới bạch Phật và Phật đã chỉ dạy cho Ngài một phương pháp tuyệt hảo cứu thoát mẹ Ngài. Nói thế để thấy rằng, chúng ta đừng bao giờ ý lại vào thần thông hay ý lại vào người khác. Dù người đó là Phật cũng không thể một mình Ngài cứu thoát được. Mà phải nhờ đến sức chú nguyện của mười phương tăng chúng. Những vị này đều là các bậc thánh tăng và ít nhiều gì ai cũng có thần thông. Nhưng tất cả đều bất lực. Chỉ có vận dụng tâm thành với tâm thanh tịnh hướng đến hoán chuyển được tâm thức của bà Thanh Đề. Nhờ đó mà bà mới cai hồi ăn năn, hồi tâm chuyển ý, nên bà mới được siêu thoát. Như vậy, cho chúng ta một bài học rất thiết thực về luật nhân quả: ai ăn nấy no, ai làm nấy chịu và tất cả cũng chỉ là sự trợ duyên giúp sức phần nào đó thôi. Còn lại chính là do đương sự quyết định lấy.

Điều quan trọng mà chúng tôi muốn lạm bàn nêu ra ở đây là, vấn đề thần thông với những phương tiện hiện đại. Thần thông trong đạo Phật dĩ nhiên, là khác biệt với các loại thần thông của ngoại đạo. Bởi thần thông của ngoại đạo là do công phu luyện tập mà có. Và họ cũng chỉ có được năm thứ thần thông mà thôi. Ngược lại, thần thông trong đạo Phật là do sức tu tập công phu thiền định mà được. Đối với hàng Thanh Văn định lực của các Ngài rất mạnh. Nhờ định lực mạnh nên các Ngài mới có những thần thông diệu dụng biến hóa phi thường. Còn đối với các hàng Bồ tát, thì định lực của các Ngài không mạnh như hàng Thanh Văn. Bởi các Ngài dùng trí huệ để chiếu phá vô minh, nên sức định của các Ngài không bằng. Do đó, nên ta thấy trong hàng đệ tử xuất gia của Phật thì các vị A la hán phần nhiều là hay thi thoả thần thông độ sức tranh tài với ngoại đạo. Còn các vị Bồ Tát ít khi nghe nói đến.

Thường thì Phật và các vị chứng quả A la hán



Tuy Bút

đều có đủ sáu thông. Sáu thông gồm có:

1. Thiên nhãn thông, có năng lực nhìn thấu suốt khắp cả vũ trụ không bị chướng ngại giới hạn bởi không gian và kích thước của một vật thể, mà đối với con mắt thường của chúng ta không thể nào thấy được.
2. Thiên nhĩ thông, có khả năng nghe không bị chướng ngại giới hạn bởi không gian và cường độ của âm thanh. Có thể nghe được những âm thanh mà nhĩ căn thông thường của con người không thể nào nghe được.
3. Tha tâm thông, có khả năng hiểu được tâm niệm của người khác.
4. Thần túc thông, là năng lực biến hóa phi thường, tựa như vô ngại, có thể phi hành trên không trung hoặc du hành dưới nước, đi trong lòng đất, xuyên qua mọi chướng ngại vật như núi non và có thể biến hóa ra thiên hình vạn trạng.
5. Túc mạng thông, là năng lực biết rõ nhiều kiếp trong quá khứ.
6. Lậu tận thông, là năng lực siêu xuất tam giới nghĩa là dứt sạch hết vô minh phiền não, tự tại giải thoát.

Qua sáu thông đó, đối với quý thần và ngoại đạo, họ chỉ có được năm thông, còn Lậu tận thông thì họ không có. Vì họ chưa có đủ khả năng để đoạn trừ dứt hết phiền não lậu hoặc. Do đó, nên họ vẫn còn phải chịu sahaz từ luân hồi trong vòng tam giới. Chỉ có Phật và các vị A la hán mới dứt được sahaz từ luân hồi khổ đau mà thôi. Thần thông tuy là diệu dụng phi thường, nhưng nó cũng có giới hạn nhất định. Vì thế, mà đức Phật không bao giờ khuyến khích các hàng đệ tử của Ngài tu luyện để cho có được thần thông. Lắm khi Ngài còn quở trách những ai tự tiện sử dụng thi thoảm thần thông không cần thiết. Thần thông tuy đó là kết quả của một quá trình tu tập, nhưng chính nó cũng không thể đưa con người đến chỗ giải thoát hoàn toàn được.

Đối với nhơn loại ngày nay, làm gì có được năm thứ thần thông chớ đừng nói chi là Lậu tận thông. Một thông còn chưa có nói chi tới năm thông. Nghĩa là bản thân của con người không thể có được, mà tất cả phải nhờ đến những dụng cụ máy móc. Điều mà không ai có thể phủ nhận được, là những thành tựu của khoa học kỹ thuật ngày nay, nó cũng công hiến đem lại cho con người nhiều điều phép lạ kỳ

diệu. Có những điều thật kỳ diệu, cũng biến hóa phi thường, mà với bộ óc tầm thường của con người không bao giờ nghĩ ra được.

Bạn chỉ ngồi một chỗ thôi, không cần đi đâu hết, chỉ cần bạn có cái máy điện toán (computer), bạn cũng có thể thấy biết tất cả những gì xảy ra trên thế giới. Tuy bạn không có khả năng nghe như những vị chứng được Thiên nhĩ thông, nhưng bạn cũng có thể nghe được âm thanh rất xa. Bạn chỉ cần có một cái điện thoại di động cầm tay, thì bạn cũng có thể nghe khắp hết mọi nơi. Dù ở tận bên trời tây bạn cũng có thể nghe được. Đó là Thiên nhĩ thông nhon tạo. Còn Thiên nhãn thông, tuy bạn không có con mắt thấy suốt cả tam thiên đại thiên thế giới, nhưng bạn cũng có thể thấy khắp nơi trên hành tinh này mà không cần phải khổ công tu chứng. Bạn chỉ cần có một cái máy tivi và những thứ dụng cụ cần thiết giúp cho bạn thấy khắp tất cả. Như viễn vọng kính thấy rất xa. Chẳng những thấy thôi mà bạn còn biết tin tức khắp nơi xảy ra. Còn Thần túc thông hiện nay, đó là những chiếc phi cơ, phi thuyền có khả năng bay lên không trung, bay vào vũ trụ và bay vượt ra khỏi trái đất. Những chiếc tàu ngầm có khả năng đi dưới đáy biển, trong lòng đại dương v.v...Bạn đâu cần mất nhiều thời gian đi lại nơi này nơi kia cách xa hàng nửa trái đất. Thé thì, thần thông hiện đại cũng có năng lực diệu dụng phi thường.

Tuy nhiên, khoa học chỉ có thể sáng chế ra được ba thứ phương tiện thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông và Thần túc thông thôi. Còn lại ba thông kia, tức Túc mạng thông, Tha tâm thông và Lậu tận thông thì khoa học đành chịu bó tay đầu hàng. Làm sao khoa học có thể dùng một loại máy móc dụng cụ nào đó có thể đo đạc được dòng tư duy suy nghĩ tính toán của bạn? Nghĩa là không thể biết được từng tâm niệm của bạn. Như vậy, về lãnh vực tâm linh thì khoa học thúc thủ phải nhường lại cho tôn giáo, nhất là Phật giáo. Làm sao khoa học có thể biết được mạng sống của bạn trải qua nhiều đời nhiều kiếp? Làm sao khoa học đoạn trừ sạch hết vô minh phiền não? Xét như vậy, bạn thấy khoa học dù có tiến bộ đến đâu cũng chỉ về mặt chinh phục khám phá vật chất mà thôi. Và dĩ nhiên sự hiểu biết khám phá của khoa học vẫn còn trong sự dò dẫm mò mẫm, chớ làm sao hoàn hảo hết được. Song có điều bạn cũng nên biết, dù khoa học kỹ thuật chế tạo ra những thứ máy móc tinh vi, có sức vạn năng thần thông như

thế, nhưng bản thân của các nhà khoa học đó, thử hỏi họ có được an lạc hạnh phúc hay không? Hay là họ vẫn sống trong nỗi cô đơn pháp phồng lo âu sợ hãi và sầu khổ!

Rồi đến những người sử dụng những phương tiện máy móc đó, thử hỏi họ có hết khổ hay không? Và họ có thỏa mãn mọi thứ nhu cầu vật chất để đáp ứng cho họ hết hay không? Chắc là không ai tự thấy thỏa mãn và cũng không ai biết dừng lại. Như vậy, dù có phương tiện thần thông diệu dụng đến đâu, con người cũng không bao giờ nhỏ được cái gốc khổ triền miên trong kiếp sống! Chỉ có khi nào con người tinh thức biết dừng lại những mưu cầu tham vọng, những trực vật đua đòi, những dục vọng thèm khát, những đam mê đắm nhiễm, dính mắc ở nơi ngũ dục lục trần, thì chừng đó con người mới thật sự có được an vui hạnh phúc. Nói gọn hơn là không còn những lậu hoặc phiền não, thì con người mới thoát khỏi những ràng buộc sanh tử khổ đau.

Hướng vọng Vu Lan cũng chính là hướng vọng ở nơi tâm thức của chính mình. Hướng vọng đê nhìn thấy rõ bản chất của khổ đau. Vì từ ngũ Vu Lan có nghĩa là cõi trói, tức là cùu cái khổ bị treo ngược. Hầu hết chúng ta đang bị vướng mắc vào cái khổ treo ngược. Ngày nào chúng ta còn sống trong vòng si mê điên đảo, còn hơn thua tranh chấp phải quấy; còn đấu đá chém giết lẫn nhau; còn vận dụng vũ khí nguyên tử, mưu mô xâm lược chiếm đoạt tài nguyên của nước này nước nọ v.v... thì ngày đó chúng ta vẫn còn mắc vào cái khổ bị hành hình treo ngược. Khác nào như Tôn Hành Giả bị cái “Niền kim cô” của Tam Tạng xiết chặt vào cái đầu đau nhức rên la lán lộn thảm thiết. Con khỉ ý thức của chúng ta cũng thế. Vì nó quá lanh lợi hung hăng, tính toán gian xảo, dùng mọi mánh khóc thủ đoạn độc ác, với mục đích là đe thủ lợi tất cả về mình, ai chết mặc ai chẳng chút tiếc thương. Thật là quá tàn ác! Chừng nào con người chuyển hóa được con khỉ ý thức này mà nó chịu nằm yên, thì chừng đó may ra thế giới loài người mới được an ủn, sống chung hòa bình.

Xét ra, bà Thanh Đề bị cái khổ treo ngược hành hạ, nhưng bà còn có được cái diêm phúc lớn lao, còn có một người con chí hiếu, còn có đức Phật và những vị thánh tăng. Tất cả cùng nhau tận tâm giúp sức đánh động được cái tâm thức cõi trói cho bà. Ngẫm kỹ lại, chúng ta thì sao? Ai có đủ năng lực giúp sức cõi trói cho

ta? Năng lực đó không phải là Phật, cũng không phải là các hàng thánh tăng, vậy năng lực đó là ai? Một câu trả lời ngắn gọn chính là giáo pháp của Phật, có khả năng giúp cho ta cõi trói chính ta.

Tuy nhiên, giáo pháp tuy có khả năng như thế, nhưng cũng chỉ là phần trợ duyên bên ngoài. Điều quan trọng thiết yếu là chúng ta phải nương nơi lời dạy đó của Phật, rồi tự mình hãy mạnh dạn đứng lên mà tháo gỡ cõi trói những ràng buộc ở nơi chính mình. Tất cả đều do chúng ta định đoạt lấy. Không có một bàn tay thần thánh nào can dự vào có thể cõi trói hay thay thế khổ đau cho ta. Không có ai vào từ ngôi thay thế cái tội lỗi của ta gây ra. Ta gây tạo nghiệp nhân bất thiện, thì chính ta phải lãnh lấy cái quả báo bất thiện đó. Luật nhân quả rất là công bằng. Không ai có thể cao bay xa chạy mà có thể tránh khỏi. Kinh nói: “*Dù trải qua trăm ngàn kiếp, chỗ tạo nghiệp không mất, khi nhân duyên đến rồi, quả báo phải chịu lấy*” (Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ).

Hiểu thế, thì nhân ngày Vu Lan chúng ta hãy quán chiêu thật sâu vào tâm thức, một mặt, chúng ta cố gắng gia công gạn lọc chuyển hóa phiền não, mặt khác, chúng ta cũng nên tu tạo tài bồi thêm phước đức. Nghĩa là chúng ta góp phần vào việc thật hành qua những công tác từ thiện xã hội để cùu thoát những con người đang bị cái khổ treo ngược bức bách hành hạ họ từng giờ từng ngày. Đó là chúng ta áp dụng tinh thần tự lợi và lợi tha. Chúng ta cố gắng tu tập học theo công hạnh của Bồ tát, vì lợi ích cho tha nhân. Có như thế, thì việc đón mừng đại lễ Vu Lan Thắng Hội của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa và mới thực sự mang lại sức sống niềm tin vững mạnh làm lợi ích cho mình và mọi người. Đó cũng là chúng ta khéo biết thể hiện cung cách tâm hiếu và hạnh hiếu đối với tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta, rộng ra là khắp cả chủng sanh. Bằng không, thì chúng ta cũng chỉ thiết lễ kỷ niệm suông theo truyền thống xưa bày nay bắt chước làm theo mà thôi.

Tịnh Đức



Cây muối lǎng

Tôi lại viết và cứ muôn viết mãi đề tài này. Và đây là lần thứ tư mà tôi đã viết. Tôi nhớ rất kỹ lần đầu tiên tôi viết là vào năm 1953. Đạo đó tôi còn là một học tăng của Phật học đường Nam Việt, cấp đại học. Nhơn sau buổi giảng của tôi vào chiều Chủ Nhật tại Hội Phật Học xong, vì mùa Vu lan, đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt cũng là chủ bút Nguyệt san Từ Quang, yêu cầu tôi viết một bài cho tờ báo. Tôi không có khiếu về văn chương, nên viết lách là điều bắt buộc đối với tôi. Tuy nhiên vì một yêu cầu không thể không đáp ứng, do đó mà câu chuyện bắt đầu ... bài chung quanh về vấn đề chữ Hiếu và Mẹ.

Mẹ tôi qua đời trong mùa Vu lan năm tôi đúng 19 tuổi và thân phụ tôi viên tịch cũng trong mùa Vu lan năm tôi đúng 45 tuổi. Từ bao nhiêu mùa Vu lan qua rồi, lòng tôi ray rức xót xa, hồi tưởng lại những lỗi lầm của mình đã tạo trong lúc chưa hiểu đạo và cũng trong lúc kiến thức còn nông sơ, và tôi kể lại đây để những bạn trẻ đọc mà thấm thía!

Thuở bé, tôi vốn là đứa trẻ ốm yếu, thường bệnh hoạn, nên mẹ tôi là người chịu khổ nhất đối với tôi. Tôi nhớ mỗi lần tôi đau, mẹ tôi phải mất ít nhất trên một tiếng đồng hồ về việc cho tôi uống thuốc. Vốn sợ thuốc mà lại hay đau! Một lần nọ mẹ tôi bắt buộc phải cạy răng để đỗ thuốc và do đó tôi cắn vào ngón tay trỏ của bà lủng sâu và máu ra nhiều, nhưng bà vẫn không thấy đau mà nhất định bắt tôi phải uống cho được. Sau khi uống xong liều thuốc, nhìn thấy những giọt máu đào từ ngón tay thân yêu của mẹ chảy ra, khiến tôi mềm lòng và từ đó tôi không bao giờ để mẹ bảo lần thứ hai và tự nhủ rằng: Từ nay mẹ bảo uống thuốc thì uống ngay, đâu là thứ thuốc độc uống xong rồi chết liền cũng được; chứ trước thì bệnh, mẹ bảo uống thuốc cho hết bệnh, lại làm như là mẹ bắt buộc mình uống thuốc độc không bằng!

Quê tôi vùng Cát Lái, cũng đồng ruộng mênh mông, cũng vườn dừa, vườn cau sầm uất. Gia đình tôi thuộc hạng trung nông, cha tôi cũng có vị thế khá trong hương thôn. Mẹ tôi lại là vợ kế của cha tôi. Mẹ trước mất đi, để lại ba người con đều trai cả. Khi mẹ tôi về thi người con cuối của mẹ trước mới lên ba tuổi. Lại có

hai người dì, em mẹ lớn không được tốt bụng và đó là nguyên nhân gây nhiều khổ sở cho mẹ tôi. Mẹ tôi sinh được bốn đứa, ba trai một gái, đứa em gái là đứa con được cha tôi thương nhiều nhất, nhưng chỉ 3 năm sau thì vắn số. Vì là con hai dòng, nên mấy người dì em mẹ trước sợ mẹ tôi đoạt hết gia tài về cho con mình, nên cố xúi mấy người anh tôi hành hạ, úc hiếp mẹ tôi nhiều điều, đủ cách; nhưng mẹ tôi là một hiền mẫu không vì lẽ không phải chính con mình sanh ra mà bạc đãi, hành hạ con chồng, cũng một mực thương yêu chịu chuộng đứa trước thế nào thì đứa sau cũng vậy, vẫn ăn học đồng đều.

Có một lần, buổi sáng đi học, mẹ tôi phát cho mấy người anh mỗi đứa hai xu, riêng tôi chỉ một xu thôi, em tôi chưa đi học, và như thế tôi là nhỏ nhất. Mẹ tôi bảo: hôm nay mẹ kẹt không còn thêm một xu nữa để cho con đủ số như các anh con vì con còn nhỏ nên phải chịu thiệt một chút. Tôi nhớ định không nhận và cũng nhất định không đi học, nếu mẹ tôi không cho đủ hai xu. Mẹ tôi ngọt ngào dụ dỗ không được, đánh đập cũng không lấy và hôm ấy tôi bỏ học, và cũng suốt ngày hôm ấy mẹ tôi buồn khóc không ăn cơm. Khi lớn lên, biết suy nghĩ, mới thấy mình thật ngu ngốc: học cho mình chớ nào phải học mướn cho mẹ, mẹ thiếu tiền mướn không đi, sau này nên người thì mình nhờ, chớ mẹ mình có lột vỏ theo mình để hưởng gì đâu! Lại khi không đủ hai xu để cho con thì lòng mẹ cũng héo hon, đau xót, nhứt là những lần roi trên mình con là những lần dao rách xé tâm can của mẹ. Có người mẹ nào muốn cho con mình thiếu thốn khổ sở bao giờ! Lòng mẹ bao la như biển Thái bình, biển Thái bình có ngày còn cạn chớ lòng thương của mẹ thăm thẳm nghìn trùng!

Năm tôi 19 tuổi và đang theo Thày học đạo tại chùa Ông Ngộ, tức chùa Tôn Thạnh tại làng Mỹ Lộc quận Càm Giuộc, nghe tin mẹ tôi đau, tôi xin Thày về nhà nuôi mẹ, vì nhà đơn chiết, chỉ có một em trai nhỏ dại ở nhà thôi. Nhắc lại việc tôi xuất gia cũng rất ly kỳ. Gia đình tôi mất hai người anh trước sau hai ngày, một anh của dòng trước và một anh của dòng sau.

Bây giờ tôi trở thành anh trưởng của dòng sau, và coi như là anh cả trong nhà, vì các anh trước tôi đã lập gia đình và ra riêng cả. Hồi tôi mới sanh đến năm lên ba, tôi vẫn ăn được duy nhứt toàn đồ lạt không ăn được cá thịt. Thường ngày mẹ tôi phải háp hồng khô cho mềm để

cho tôi ăn cơm. Cha tôi sợ tôi ốm yếu, lớn lên không làm gì được nổi, nên bắt mẹ tôi phải bằng mọi cách cho tôi ăn mặn. Mẹ tôi không dám cãi, nên từ từ tập cho tôi ăn tép rang đường thiệt ngọt, dần dần đến những thứ ít tanh, hôi. Ngày lớn lên đi học, trong xách cơm đi học hàng ngày của tôi luôn luôn là dừa khô kho đường, muối, hoặc đường thẻ, đường tán, không thì cũng tép rang đường. Năm tôi 12 tuổi, một biến trạng xảy đến, làm cha mẹ tôi phải một thời gian mất ngủ. Số là, dạo này hễ cứ đêm đến thì những bóng ma quái cứ hiện đến phá phách, luôn đêm này sang đêm khác, làm cho gia đình chúng tôi phải bị đắm chìm trong không khí lo sợ, hãi hùng. Chạy đã đủ thảy, cũng vô hiệu, thậm chí luôn cả bao nhiêu đêm, cha mẹ tôi nằm hai bên tôi, cha tôi thủ sẵn một con dao, hễ nghe tôi giục mình la hoảng, thì người quo dao lên khoảng không, để chực đuổi đi, nhưng đêm nào cũng như đêm này, bọn ma quái cứ hiện đến phá quấy luân. Mãi đến ba tháng sau, cha tôi mới chợt nghĩ đến việc cầu Phật, vì hết cách chữa trị. Ngày xưa, cha tôi tu theo Tịnh độ tông, nhà thờ Phật đê trên trang cao, mỗi lần lên đốt hương, phải bắt thang gỗ, và nơi thờ kính tôn nghiêm đó, cha tôi có treo một xâu chuỗi ngắn 18 hột. Người cầu nguyện với Phật thỉnh xâu chuỗi xuống, đeo vào cổ tôi, và lạ thay, kể từ hôm đó cảnh phá khuây không còn nữa.

Đến năm đúng 14 tuổi, thì tôi được xuất gia theo thầy học đạo. Tôi mà đi tu được thì ngoài sự hy sinh tình cảm sâu đậm của mẹ tôi, còn thêm sự dấn dắt của bà nội tôi nữa! Nội tôi đã già nhưng rất sùng đạo, hàng tháng, ngày 14 và 30, tháng thiếu thì 29, nội tôi luôn luôn có vài bình bông trang hoặc thọ, và vài nải chuối, hoặc ít trái cây lên chùa sám hối và ở lại chùa đến khuya còn theo thầy công phu, chúc tán. Mà như vậy thì không đêm nào Nội tôi không dẫn tôi theo và nền móng xuất gia của tôi bắt nguồn từ đó.

Nhà tôi trước chỉ ăn chay kỳ, mỗi tháng 10 ngày. Nội tôi thì trước ở với người chú út của tôi, mãi khi chú tôi qua đời sớm, thì bấy giờ bà mới chịu về ở chung với gia đình tôi, cha tôi là con trưởng. Trong thân tộc tôi ít có người nào sống được quá 50, ngoại trừ Nội tôi thọ 81 tuổi, cha tôi (tức Hòa Thượng Thích Đạt Kiến) thọ 85 và người cô ruột kế út cũng thọ đúng 81 như Nội tôi. Riêng Nội tôi thì ăn chay và tu từ khi ông nội mất lúc 45 tuổi, nên khi về ở chung với chúng tôi, thì bà được dọn riêng và

ăn riêng hoặc rau luột, nước tương hay cà kho, đậu kho vậy thôi, vì có một mình bà cụ nên không bày biện.

Một hôm nọ, cha tôi đang cùng gia đình ăn uống vui vẻ với мам cơm mặn có canh, có cá thịt, bỗng ông nhìn sang мам ăn sơ sài của Nội tôi với chiếc thân già lặng lẽ, ông bỗng buông đũa, nước mắt dầm dia, nói với mẹ tôi: Từ nay gia đình ta ăn chay, không thể nuốt trôi khi mẹ già ăn uống khổ cực và cô quạnh như vậy. Thế là từ đó mẹ tôi đổi nghề nấu bếp ...

Ngày mẹ tôi thọ bệnh, vì gia đình không có ai, tôi phải giã từ thầy tổ, về nhà đóng vai trò con gái để nuôi bệnh cho người. Mẹ tôi vì quá vất vả trong cuộc sống, để không phải mang tiếng mẹ ghẻ, con chồng, lại tảo tần làm lụng không nghỉ để dành dụm cho con, nên mới gần 50 bà đã kiệt sức và mẹ tôi mang chứng bệnh nan y. Tất cả công việc nấu nướng, chợ búa thậm chí tắm rửa, giặt giũ cho mẹ tôi, tôi cũng làm nốt và làm rất thành thạo.

Bệnh mẹ tôi càng ngày càng thêm nhiều, sức khoẻ của người càng ngày càng sút giảm mà công việc của tôi càng ngày lại càng thêm. Có một hôm, sau một giấc ngủ say vùi vì mệt nhọc, tôi bỗng giục mình đến toát mồ hôi, một cảnh tượng hãi hùng, mà cho tới mãi bây giờ tôi mường tượng như trước mắt: Mẹ tôi nằm chèo queo ở một góc giường, chiếc giường tre dùng cho người bệnh đã cháy một vùng tròn và cháy sém lên trên hai lớp mền nỉ! Tôi kêu thát thanh và cha tôi cũng chạy đến để dập tắt vừa hơ hám cứu chữa cho mẹ tôi. Khi bà tỉnh lại, tôi hỏi tại sao mẹ không kêu, khi bà bị phát lạnh nửa đêm. Mẹ tôi bảo: thấy con đang ngủ say và vừa mới ngủ, sợ mất giấc ngủ của con rồi con sẽ không còn sức khoẻ, nên đi đốt lửa để hơ, nào ngờ ngọn lửa bốc cao, làm cháy cả giường, mền, trong lúc mẹ thì ngất xỉu. Đến giờ phút nguy nan có thể nguy hiểm đến tính mạng như vậy, mà vẫn chỉ nghĩ đến sức khoẻ của con mình, mẹ ơi, giờ phút mẹ mất rồi, con biết tim đâu ra bóng hình thân yêu và tấm lòng quảng đại ấy! Bây giờ lớn lên, lòng thương nhớ mẹ hiền tha thiết, muốn được cõi mẹ để sớm hôm hầu hạ, để được gần gũi tăm ánh sáng nhiệm màu qua tình thương của mẹ, thì không còn được nữa, mẹ hiền đã khuất bóng! Thật là: cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, con muốn nuôi mẹ thì bóng mầu từ đã sớm khuất

Lặng Điền

Mẹ



Ấ i đó đã từng nói một câu có đại ý là vì thế gian này có quá nhiều khổ đau nên Thượng Đế đã sinh ra người mẹ. Người mẹ sinh ra ta, chăm lo cho ta từng bữa ăn, giấc ngủ, nuôi nấng, dạy dỗ ta khôn lớn, yêu thương và dõi theo từng bước chân của ta trên cuộc đời này. Ai cũng có mẹ! Nhưng không phải ai cũng có diêm phúc được có mẹ đồng hành trong cuộc đời, có mẹ cận kề những khi đau ốm, có mẹ để nũng nịu, vòi vĩnh dù tuổi đã quá tứ tuần. Và không phải người mẹ nào cũng là người sinh ra ta.

Khi tôi còn nhỏ, bố mẹ bận việc mưu sinh nên thường đi làm vắng nhà. Tôi được nhiều “người mẹ” nuôi dưỡng lầm. Đó làdì Mỹ, chị cả của mẹ, người luôn là cô giáo nghiêm khắc với từng bữa ăn, giấc ngủ, giờ học của tôi. Đó làdì Bé, em út của mẹ, người luôn len lén giùi cho tôi viên kẹo, cái bánh khi dì Mỹ không để ý. Đó làdì Tâm, em kế của mẹ, người hay đưa tôi về nhà ngủ cùng mỗi khi tôi nhớ mẹ khóc. Đó là bác Ba hàng xóm, người luôn trông tôi sau mỗi giờ học cho đến khi mẹ về. Đó làma sơ Nuôi, người cô giáo luôn chở tôi về nhà sau giờ học trên chiếc xe đạp cọc cách. Tôi lớn lên trong sự chăm sóc của những “người mẹ” đó.

Rồi tôi cũng trở thành mẹ! Những “đứa con” đầu tiên của tôi chỉ thua tôi có vài tuổi. Đó làlứa sinh viên đầu tiên mà tôi hướng dẫn luận văn tốt nghiệp. Những “đứa con” mà tôi chăm bẵm cho từng ý tưởng, câu chữ trong bài luận văn, những đứa con khiến tôi bồn chồn, lo lắng, đứng ngồi không yên bên dưới khi chúng đang bảo vệ luận án ở trên bục giảng. Và hàng loạt những “đứa con” khác trên hành trình nuôi trồng người của mình.

Rồi những đứa con thật sự gọi tôi bằng mẹ! Những đứa con mà tôi rút ruột sinh ra. Đúng là có sinh con rồi mới biết lòng cha mẹ. Nhìn mẹ tôi lo lắng, thức trắng với những “đứa con” không phải do mình sinh ra này mà tôi thương mẹ quá! Và mẹ tôi trở thành “mẹ” một lần nữa, “mẹ” của những đứa cháu của mình. Con gái tôi thường nói “Khi mẹ vắng nhà, ôm bà Ngoại cũng như ôm mẹ vì trong grandmother có mother”.

Và có những “người mẹ” mà chúng ta thậm chí còn không biết tên, không biết mặt. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Bồ Tát Quán Thế Âm lại thường được dân gian gọi bằng cái tên trìu mến “Mẹ Quan Âm”. Mẹ cứu rỗi cho chúng ta, nhưng thường không hiện thân ra ở hình hài sáng loà đầy hào quang mà ở dưới những hình hài bình dị nhất. Đó là người bác sĩ bước vào phòng mổ khi chúng ta đang mê ngủ và rời đi trước khi chúng ta tỉnh dậy. Là cô y tá lặng thầm chăm sóc cho ta khi ta đau ốm trong bệnh viện. Là người ký vào tờ giấy hiến tặng, hay người hiến máu. Là những mạnh thường quân đi vào các vùng sâu, vùng xa, giúp xây đường, dựng cầu, mở trường. Là cô gái giang hồ hoàn lương hiện đang nuôi dưỡng hơn 300 đứa trẻ mồ côi. Là người Thầy tu đã ngoài thập tuần vẫn ngày ngày cặm cụi viết sách, giảng bài kéo nay mai không còn sức để làm. Và còn rất nhiều những người “mẹ” như thế, lặng thầm làm theo hạnh Bồ Tát, đóng góp phần nhỏ của mình cứu khổ, ban vui cho thế gian.

Ngày lễ Vu Lan là một ngày lễ lớn trong văn hóa Phật giáo nhằm tưởng nhớ, báo ân và báo hiếu công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Qua hàng ngàn năm với ý nghĩa đầy nhân văn như vậy, giờ đây lễ Vu Lan không chỉ là ngày lễ của Phật giáo mà đã trở thành ngày lễ báo ơn, báo hiếu của người dân Việt Nam. Lễ Vu Lan thường diễn ra vào ngày rằm tháng 7 âm lịch hàng năm, trùng với ngày Xá tội vong nhân của phong tục Á Đông, nên Vu Lan cũng được xem là ngày báo ân và báo hiếu cho cả người còn tại thế lẫn người đã khuất bóng.

Từ nhỏ, tôi đã được học và hiểu về ngày lễ Vu Lan như thế, một ngày lễ mà tôi rất háo hức, mong chờ mỗi năm. Tôi đặc biệt trân trọng và xúc động trong mỗi buổi lễ bông hồng cài áo. Tôi hạnh phúc, tự hào và biết ơn khi được cài lên ngực trái một bông hồng đỏ thắm. Tôi nghiêm túc giải thích cho các con biết ý nghĩa thiêng liêng của bông hồng đỏ mà tôi và các

con đang được đeo, cũng như sự chia sẻ và cảm thông với những ai phải cài bông hồng trắng.

Tuy nhiên, khi có dịp ngẫm nghĩ nhiều về cuộc đời, tôi nghĩ rằng ai cũng có thể được cài một bông hồng đỏ. Vì sao? Vì mỗi người trong chúng ta đều còn “mẹ”. Đó không chỉ người mẹ sinh ra ta mà còn là người “mẹ” đã có công ơn dùi dắt, giúp đỡ chúng ta qua một đoạn đường khó khăn nào đó trong cuộc đời. Làdì Mỹ,dì Bé,dì Tâm,bác Ba,ma-sơ Nuôi. Làngười bác sĩ,cô y tá,nhà mạnh thường quân,người Thầy,... Mỗi người một vẻ,một việc,nhưng đó đều là những hiện thân bình dị của Mẹ Quan Âm, là người mà chúng ta cần biết ơn và ghi nhớ.

Nhân ngày lễ Vu Lan, ngày lễ báo hiếu và báo ân,xin được tặng một bông hồng đỏ cho tất cả mọi người. Một bông hồng đỏ để nhắc nhở chúng ta về công ơn của những “người mẹ” theo tất cả mọi ý nghĩa sâu xa nhất. Một bông hồng đỏ để nhắc nhở bản thân hãy học hạnh của Mẹ Quan Âm để dang tay cứu khổ, ban vui,hãy là một “người mẹ” theo một nghĩa nào đó cho người khác. Nếu bạn là mẹ, hoặc đã từng chăm sóc ai đó như một người mẹ, đã từng giúp đỡ ai đó như Mẹ Quan Âm, xin được nhận từ tôi một bông hồng đỏ và lời tri ân sâu sắc nhất! Thời gian này luôn còn có Mẹ!

Trung Đồng



VU LAN KHÓC MẸ HIỀN

Trời vào Thu mây sâu ảm đạm
Ngày Vu Lan bi thảm buồn ghê!
Kiếp người sống gửi thác về
Sanh ly tử biệt nỗi nè, ai bi

Nay mẹ đã ra đi vĩnh viễn
Các con buồn lưu luyến khóc thương
Họ hàng đau xót khôn lường
Bạn bè thân thích tiếc thương đường nào!

Giờ Mẹ đã đi vào cõi mộng
Để các con trông ngóng đêm ngày
Biết chừng nào gặp lại đây?
Ngàn thu vĩnh biệt sâu ray rứt lòng!

Lúc Mẹ sống làm xong bốn phận
Lo chồng con, trọn sống với Cha
Bao năm gầy dựng cửa nhà
Nuôi con khôn lớn thật là khổ thay !

Con những tưởng đêm ngày gần Mẹ
Gia đình mình vui vẻ sống chung
Nào ngờ nổi gió đúng đùng
Mẹ mắc bạo bệnh, cuối cùng xuôi tay

Cõi âm dương từ đây cách biệt
Mẹ ra đi mãi miết không về
Cửa nhà vắng Mẹ buồn ghê
Cỏ cây héo úa, tư bẽ không vui!

Con tiễn đưa bùi ngùi tác dạ
Lá vàng rơi lá tả gió thu
Đêm khuya sương khói mịt mù
Hồn Mẹ phiêu bạt vân du trăng mờ

Cầu mẹ sớm lên bờ giải thoát
Được sanh về Cực lạc phuơng Tây
Con xin quỳ trước mẹ đây
Thành tâm dâng nén hương này Mẹơi!

Nay mẹ đã ra người thiên cổ
Còn ai đâu dạy dỗ trông nom
Mẹ từng móm sữa đút com
Chăm sóc con bệnh sớm hôm không rời

Công ơn Mẹ như trời bể cả
Biết chừng nào con trả cho xong
Ân mẹ canh cánh bên lòng
Tình thâm mẫu tử vẫn không phai mờ

Đồng Minh

Ba Tôi



Vu Lan đã trở thành một ngày lễ trọng đại trong văn hóa Phật giáo. Đây là dịp để chúng ta bày tỏ lòng tri ân và báo ân đến tổ tiên, ông bà, cha mẹ, thầy tổ, rộng ra cho đến quốc trưởng và muôn người vạn loại đóng góp cho sự sinh tồn của chúng ta. Hiếu dưỡng Phụ Mẫu, phụng thờ Sư Trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Phụ Mẫu và Sư Trưởng là hai ân trọng được nhắc đến đầu tiên. Nhìn mọi người chuẩn bị tổ chức mừng lễ Vu Lan, tôi muốn ghi lại vài hình ảnh của Ba.

Ba tôi bây giờ già lắm. Đôi chân rắn rời, bắp thịt cuồn cuộn nồi lên giành chỗ với những gân xanh quẩn quện như rễ của cây đa già ngoan ngèo trên mặt đất. Đôi bàn chân ba to dề vì quanh năm suốt tháng đi chân đất, gót chân nứt nẻ, thô nhám. Đối với tôi đó là đôi chân đẹp nhất. Đôi chân đó đã nuôi chị em tôi khôn lớn, giúp chúng tôi bước vào đời một cách rất tự tin. Bây giờ, cũng đôi chân đó, Ba chỉ còn đi được chậm rãi quanh quẩn trong nhà.

Lúc nhỏ tôi thường theo Ba đi thả câu. Những đêm tối trời, tôi nằm im trong khoang xuồng, nhìn những con đóm đóm lập lòe ánh sáng lấp tinh mà tôi đã bắt bỏ vào cái chai. Vào những đêm trăng sáng, xuồng trôi nhẹ nhàng theo dòng nước lăn tăn, lóng lánh ánh trăng, vạn vật nhuộm một màu trắng bạc của trăng. Lòng tôi lâng lâng trại rộng hòa với trời nước, cảnh vật, đã thâm nhuần và hun đúc cho tôi một tâm hồn yêu thiên nhiên và đầy mơ mộng. Sau này lớn lên sống qua bao phô thi phòn vinh, trong ánh đèn đầy màu sắc, tôi vẫn không quên ánh trăng thanh thoát, bình dị nơi quê hương đồng nội. Nơi đó, khung cảnh đó, tôi đã được Ba dạy những bài học lẽ phép đầu đời. “Con nhớ nghe con. Khi con đi đâu, ai cho con vật gì, con phải hỏi xin phép của Ba, Má. Ba Má cho phép, con mới được nhận nghe con.” “Đến nhà ai thì phải thưa, về thì phải chào. Trả lời phải dạ, thưa lẽ phép.” “Muốn cái gì thì phải hỏi xin, không được lấy mà không có phép. Tôi đó xấu lắm, không ai thương. Con nhó nghe.” “Choi bạn thì lựa người thiện mà chơi, đừng bày đặt rượu chè, hút sách, hư cả đời.” “Làm việc gì con phải nhớ đến ông bà, cha mẹ để không làm điều xấu.” “Con cố gắng học nghe con. Con học cho biết chữ nhiều để sau này làm việc, ngồi văn phòng, cho đỡ vất vả cực thân.” Ba không bao giờ dạy tôi cách cắm

câu, đặt lờ vì Ba chỉ muốn cho tôi đi học, mà phải học cho thật giỏi.

Má tôi mất khi tôi đang học lớp tám. Từ đó, Ba sống vò vĩnh một mình. Những lúc nghỉ hè về quê, tôi không báo trước để Ba không trông đợi. Bước vào nhà, bếp núc lạnh tanh, nồi cơm nguội ăn còn dang dở, tô mắm lóc còn chút nước và đĩa rau sống còn vài cọng. Ba tôi ăn uống khâm khổ, cần kiệm, không dám tiêu xài, để dành tiền cho chị em tôi. Ba sợ chị em tôi làm ăn thất bại, rồi nợ nần, vất vả cuộc đời, nên Ba dành dụm cho con. Tôi quay mặt đi để giấu những giòng lệ. Tôi sợ Ba buồn khi Ba thấy tôi khóc. Tôi hiểu và thương Ba nên cố gắng học, học giỏi và phấn đấu vươn lên.

Những lúc về thăm Ba, khi Ba còn khỏe, Ba theo tiến chân tôi đến tận cuối con đường làng. Khi tôi lên xe, quay lại nhìn, tôi thấy Ba quyết nước mắt trên gương mặt da sạm nắng, nhăn nheo theo với năm tháng tuổi đời chồng chất. Bây giờ, Ba không còn theo tôi nữa, nhưng Ba đẩy tôi đi về phía trước. “Thôi con đi đi. Con cố gắng dạy dỗ cho các cháu nên người là Ba vui rồi.” “Gắng sống cân kiêm để có tiền lo cho các con của con. Ba không cần tụi con lo lắng cho Ba. Ba cơm ngày hai buổi đủ rồi. Chỉ cần chị em con thuận thảo thương yêu nhau là Ba yên lòng, Ba vui.” Rồi Ba vội vàng quay lưng đi nơi khác. Những lúc đó, tôi không còn muốn đi xa Ba nữa, nhưng bôn phận với những đứa con của mình tôi không thể bỏ.

Từ nơi phương xa, tôi thường điện thoại thăm Ba. Ba bây giờ đôi tai nghe không còn thính như xưa, nên Ba nghe được tiếng cὸn, tiếng mắt, nhưng vẫn nhận ra được giọng nói của con. Ba tôi vui. Ba biết chúng tôi còn nhớ đến Ba. Ba không đòi hỏi gì ở chúng tôi. Ba biết chúng tôi mạnh khỏe. Chỉ cần bao nhiêu đó, Ba mừng. Bây giờ có vợ chồng người cháu về ở với Ba. Ba hài lòng với những gì Ba có được. Ba sống âm thầm, lặng lẽ và an phận. Ba như con nước đổ từ nguồn mà không bao giờ tính đếm bao nhiêu sông, rạch, làng mạc, có cây mìn đã đi qua. Ba, chúng con thương Ba. Chúng con sẽ sống theo lời dạy của Ba, giữ tròn chữ hiếu, đức. Xin Ba hãy yên tâm.

T.M.

Sao không phải là Cha mà cứ luôn là Mẹ
 Để nghĩ về trong mỗi dịp Vu Lan?
 Vẫn biết Mẹ hoài thai ta từ trứng nước
 Cha chẳng đã - từng ngày - thấp thỏm ngóng trông?
 Để “Bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn”
 Chẳng phải Cha đã miệt mài lót lá
 Đã nhóm than hồng trong những tối Đông sang!
 Mẹ miệt mài, mềm mỏng, mênh mang sông nước
 Cha bao bọc, bảo ban, bồng bèn bỉ ếc
 Dòng sữa Mẹ ngọt ngào nuôi con lớn
 Vòng tay Cha chở che bao giông bão cuộc đời
 Mẹ, cô giáo của “Công, Dung, Ngôn, Hạnh”
 Cha, người Thầy “Trí, Tin, Nghĩa, Nhân...”
 Mẹ, bát canh chua, nồi cá kho thơm ngát
 Cha, câu lục bát, bài ca dao tự tình dân tộc
 Mẹ, chắt chiu từng ngày nuôi con lớn
 Cha, đại ngàn toan tính cho cả Mẹ và con
 Đừng trách Mẹ vì những lời gay gắt
 Thì cũng đừng giận Cha trả về không đúng bữa cơm chung
 Cha là Cha, là đàn ông ngược xuôi vất vả
 Mẹ là Mẹ, là cô Tiên dịu hiền nhân ái
 Nhà Cha xây nhưng tổ ám Mẹ làm
 Mẹ thương con đặt dào thác đổ
 Cha dấu lòng mình trong ánh mắt bao dung
 Mẹ cùng Cha đưa con vào lớp học
 Cây bút chì, hộp màu tô, chiếc cặp đeo Mẹ sấp
 Lời dặn dò, câu thưa gởi, lòng tự tin Cha dạy
 Di bên Cha, con rạng ngời kiêu hãnh
 Bóng mát cuộc đời chừng toả rộng quanh con
 Ngồi cạnh mẹ, mùa Xuân đang dừng lại
 Nghe sóng suối đổ về tắm mát cả đời con...
 Ngày tháng tàn phai cho con thay màu tóc
 Tay mẹ run run vuốt từng sợi thời gian!
 Cha chẳng còn để ngắm con và Mẹ
 Nhưng trong con Cha vẫn còn nguyên vẹn
 Dáng dấp, nụ cười, lời dạy ngập yêu thương
 Dù đời con không trọn như Cha thường mong ước
 Nhưng vốn sống con mang là nhân cách của Mẹ Cha
 Là nhường nhịn, sẻ chia, thương yêu, đùm bọc
 Là trải tấm lòng trên cung bậc của Từ Tâm.



Bóng
 Mát
 Cuộn
 Đời

Cao Thanh Dung

ĐOAN NGHIÊM PHỔ ĐÀ SƠN

Nếu ai đã là người con Phật, hẳn bạn từng ngưỡng các thánh tích huyền bí, nhiệm màu của nơi huyền truyền là trụ xứ của Ngài Thánh Quán Tự Tại Quán Thế Âm. Ngài là đấng mẹ hiền luôn lắng nghe tiếng kêu cầu của chúng sanh đang lặn hụp trong bể khổ trần gian.

Phổ Đà Sơn tên cũ là Tiểu Bạch Hoa, còn gọi với nhiều tên gọi khác là Bồ Đà Lạc Già, Hải Thiên Phật Quốc, Nam Hải Thánh Cảnh, Mai Sầm Sơn.

Phổ Đà Sơn nằm trong biển Đông Nam, huyện Định Hải, tỉnh Chiết Giang, cách núi Chu Sơn khoảng 6 dặm (giáp với thành phố Hàng Châu).

Ngọn núi này dài 12 dặm, rộng 6,5 dặm. Chu vi hơn 40 dặm. Phía Đông dẫn tới đất nước Nhật Bản, phía Bắc tiếp với Đăng Lai, phía Tây thông với Ngô Hội, phía Nam trông về Mân Việt, cách mực nước biển hơn một ngàn thước, khí hậu ôn hòa, phong cảnh thanh nhã đặc biệt, là Thánh địa Phật giáo Trung Quốc. Ngọn núi này cùng với Nga Mi Sơn của Tứ Xuyên, Cửu Hoa Sơn của An Huy, Ngũ Đài Sơn của Sơn Tây hợp lại xung là Tứ Đại Danh Sơn của Trung Quốc.

Tương truyền, năm 858, thiền sư Tuệ Ngạc người Nhật đến Ngũ Đài Sơn học đạo. Khi về nước, ngài rước tượng Phật theo nhưng khi ngang qua Phổ Đà Sơn thì giông bão nổi lên. Đến khi khấn lạy, thỉnh tượng ở đây thờ phụng thì trời yên bể lặng. Thiền sư liền chọn nơi đây xây thành "Viện Quan Âm Bát Khẳng Khứ" tức "Viện Quan Âm không chịu đi". Ngôi chùa là quần thể công trình, có thể lưng tựa núi, nằm vươn ra biển. Dọc hành lang ngôi chùa cạnh biển còn đặt các bức tượng Quan Âm bằng đá với nhiều hình dáng khác nhau.

Nhưng nếu bạn chưa có dịp đặt chân đến nơi đảo biển mênh mông, u tịch này thì không sao, chúng ta sẽ có một đạo tràng trang nghiêm, trầm mặc để huân tu danh hiệu Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm.

Tổ Đình Phước Huệ, Sydney, Úc Đại Lợi, mỗi năm đều tổ chức khoá Huân tu Quán Thế Âm vào dịp Lễ Vía Đức Bồ Tát Quán Thế Âm để cho Phật tử khắp nơi tham dự.

Trong suốt thời gian tu tập, Phật tử được hướng dẫn lễ lạy, trì tụng, niệm hồng danh Đức Bồ Tát, đi kinh hành dâng hoa cúng Phật, chấp tác, tọa thiền, bằng cả ba nghiệp thanh tịnh của thân và tâm để hấp thu được năng lực nhiệm màu của Bồ Tát ban rải cho tất cả hành giả. Không những người sống mà ngay cả người mất, các vị hương linh thờ tự tại chùa và những oan hồn yêu tử lang thang không nơi nương tựa cũng có phước duyên đồng quy kính hướng về Ngài Quán Thế Âm để thấy được con đường sáng mà tu tập, sớm thoát khỏi u đờ siêu sinh Tịnh độ.

"Như một người bắn cung kiên cường, có huân luyện, khéo tay, thuận thực, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta la" các hành giả được luyện tập thói quen chiến thắng chính mình vào buổi sáng lạnh lẽo của mùa Đông, ngồi ngay dậy mà không quay nhìn cuộn mền gối âm áp và nhanh chóng hòa vào nhịp chung của đại chúng, hoàn tất việc vệ sinh cá nhân, trang nghiêm khoác lên mình chiếc áo tràng màu lam khói thanh tịnh, tiến về các bậc thang của khu nhà Hậu tổ, đứng ngay ngắn vào hàng để chờ bắt đầu khóa lễ công phu khuya vào lúc năm giờ sáng.

Giờ phút thiêng liêng khởi đầu với tiếng hô canh trầm ấm của Thầy Giáo Thợ Thích An Chí:

*Ngũ canh dĩ đáo pháp môn khai
Phổ nguyện đồng đăng bát nhã đài
Liệu triệt tam thừa dung nhị đế
Cao huyền huệ nhật kiến Như Lai.*

Dịch nghĩa: (Canh năm đã đến cửa pháp cũng mở ra, nguyện cho khắp tất cả mọi loài đều lên đài Bát nhã, rõ suốt ba thừa dung thông giữa tục đế và chơn đế, khi mặt trời trí tuệ cao vời vợi soi tỏ thì thấy được Như lai).

Tâm hồn mọi người như lắng dịu xuống để cùng chiêm nghiệm âm thanh trầm bổng và lời ân cần thức nhắc tinh tấn tiên tu của bài kệ nổi tiếng trong nhà Thiền.

Trên lề đài, trang nghiêm các tôn tượng của Bồ tát Quán Thế Âm với nhiều ứng hóa thân khác nhau. *Tôn tượng Chuẩn Đề Bồ Tát ngự trên*



một đài sen, tỏa ra vàng hào quang rực rỡ, thân màu vàng có lẵn điển quang tráng. Dựa theo kinh của Phật giáo, hai màu này biểu thị cho hai Giới và có ý nghĩa rất sâu xa. Màu vàng là biểu tượng của “Thai Tạng Giới”, còn màu trắng là biểu tượng của “Kim Cương Giới”. Sự kết hợp này có ý nghĩa là luôn có ý chí kiên định, lập trường vững vàng.

Ngài mặc thiên y trắng, đầu đội mũ có ngọc anh lạc, trên ngực khắc chữ “Vạn”, hai tay đeo hai chiếc cườm và gắn ngọc bửu trên tai trái. Trên mặt Phật Mẫu Chuẩn Đề có ba con mắt tương ứng là “Phật Nhãn”, “Pháp Nhãn” và “Tuệ Nhãn”. Mỗi con mắt đều tỏa ra ánh nhìn sắc sảo, chiếu rọi khắp nhân gian để cứu độ chúng sinh khỏi kiếp khổ nạn.

Trên người của Phật mẫu có 18 cánh tay cầm những pháp khí khác nhau. Ở những cánh tay phía bên phải cầm chày, móc, câu, búa... là những khí vật hung dữ để hàng phục chúng sinh hướng theo Phật pháp. Ngược lại, bên trái là những cánh tay cầm hoa sen, dải lụa, hộp kinh... Đây là những vật mà sau khi chúng sinh đã hướng theo Phật pháp thì được ban tặng. (Trích nguồn Thư viện Hoa Sen).

Theo kinh “Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni”, Bồ tát Chuẩn Đề là hóa thân của đức Quán Thế Âm, thị hiện vào trong sáu đường sinh tử để hóa độ chúng sinh. Ngài là vị Bồ tát có thể nguyện hộ trì Phật pháp và hộ mạng cho những chúng sinh nào trí tuệ kém cỏi, nghiệp chướng sâu dày, thân nhiều tật bệnh, thọ mạng ngắn ngủi...

Bồ tát vì thương tưởng chúng sinh vốn nhiều chướng nạn như thân đa tật bệnh, trí tuệ kém cỏi hoặc lõi đã tạo các ác nghiệp sâu dày... nên Ngài đổi trước Phật tuyên nói thần chú, để giải trừ các hoặc nghiệp cho chúng sinh.

(Trích nguồn <https://www.phatgiao-vn.com>)

Chính giữa lẽ đài là tượng Thánh Quán Tự Tại Quan Thế Âm màu trắng, tay cầm ngọc như ý, mắt hiền từ trông xuống chúng sanh với một nụ cười từ bi vô lượng. Chung quanh Ngài là những vòng hoa tươi ngũ sắc rực rỡ, thơm ngát. Khi đêm về, các ngọn nến hình tháp được thắp sáng tỏa hương thơm dịu diu, chiếu sáng cả một không gian rộng lớn ở Chánh điện. Hai tháp nước xoay tròn trang trí các dải lụa màu sắc rực rỡ, phản chiếu ánh đèn càng trở nên lung linh hơn.

Điểm đặc sắc trong chương trình huân tu lần này là đêm cử hành Lễ dâng hoa cúng dường

Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong không khí trang nghiêm, mọi hành giả nối bước nhau đi kinh hành tay cầm một ngọn nến hoa sen thủy tinh lắp lánh, miệng thành kính niệm danh hiệu Bồ Tát. Do sự sắp xếp khéo léo của Ban Tổ chức Khóa tu, nương vào từ lực của Chư Phật và chư Bồ Tát, các hành giả được dành nhiều thời gian trong các khóa lễ để trì tụng Chú Đại Bi, tọa thiền quán tưởng từ bi lực của Quan Thế Âm Bồ Tát, lễ lạy năm trăm danh hiệu của Ngài, tụng Lăng nghiêm thân chú và đánh lễ 12 lời nguyện của Bồ Tát. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn là phẩm kinh chính cho các hành giả tụng niệm suốt khóa tu.

Buổi chiều ngày thứ bảy là buổi lễ phóng sanh được chư Tăng Ni và Phật tử tham dự trước đài Quan Âm lộ thiên. Sau phần tụng kinh chú nguyện, các chú chim được thả theo cánh cửa mở rộng của các chiếc lồng mà tung cánh vào bầu trời cao rộng. Nguyên cầu cho các chúng sanh này sớm giác ngộ tu tập để tiêu dàn nghiệp chướng, thoát khỏi kiếp cầm thú, súc sanh đau khổ trầm luân.

Một buổi lễ cúng dường trai tăng cũng được trang nghiêm tổ chức tại trai đường do sự hợp sức phát tâm cúng dường của toàn thể chư tăng ni và tu sinh trong khóa tu để hồi hướng công đức trang nghiêm Tây Phương cõi Tịnh Độ, nguyện cầu quốc thái dân an, nhân loại sớm thức tỉnh hồi đầu, tiêu tai nghiệp chướng, Phật pháp mãi trường tồn, chánh pháp luôn phát triển, hàng Phật tử xuất gia cũng như tại gia, giữ vững tâm Bồ đề luôn hoan hỷ phụng sự chúng sanh và hộ trì Phật Pháp.

Quán Bảo Giới, Quán Tịnh Quang, Quán Thiện Pháp... và nhiều tên khác được trang trọng in vào tờ giới điệp gửi đến các giới tử sau buổi lễ truyền Bồ tát giới Tại gia. Đó là những bồ tát giới danh mà vị hòa thượng đàn đầu, thầy Trụ Trì Tổ Đinh Phước Huệ, đã ban cho hơn hai mươi giới tử cầu thọ Bồ Tát giới tại gia, nhân dịp Pháp hội Huân Tu Quán Thế Âm lần này. Các giới tử có duyên lành được mang tên họ của Bồ Tát. Chữ “Quán” còn mang ý nghĩa là một pháp tu vi diệu, dùng tâm thanh tịnh, tâm từ bi rộng mở để học hạnh láng nghe, nghe lại tiếng kêu của chúng sanh từ trong tâm mình, hằng quán sát tự tính để xả ly phiền não vì tất cả các pháp trên thế gian này đều là vô tướng, không và vô ngã.

Một giới tử trẻ hơi bở ngở với cái tên mới

Quán Tịnh Quang vừa được Thầy ban cho. “Cô ơi, Quán Tịnh Quang là sao hở Cô? Quang có phải là ánh sáng hay là sự quan sát ? Nhìn đôi mắt mờ to chờ đợi, vừa đầy vẻ háo hức muôn khát khao tâm ý của vị Thầy vừa ban cho mình cái tên thiêng liêng mới, vừa muôn khẳng định rằng con sẽ gắng tu tập sao cho xứng đáng với từ tâm mong đợi của Chư Phật, chư Bồ Tát và quý Thầy Cô ở chùa.

Bạn sẽ làm được vì đã từ bao lâu nay, bạn đã dành nhiều thời gian chăm sóc cha mẹ già, nuôi lớn đàn con trẻ và dành thời giờ đi khắp đó đây để giúp cho các người bệnh cần sự chữa trị. Tự trong thâm tâm, bạn đã hoan hỷ nuôi dưỡng và phát triển tâm Bồ đề vững vàng, siêng năng thực hiện các thiện pháp. Những giọt nước tuy nhỏ nhưng sẽ dâng đầy hồ công đức và làm sáng thêm đoá sen của bạn trên ao Thát bảo. Nguyện cầu cho bạn luôn được sự gia hộ của Chư Phật và Chư Bồ Tát để tiếp tục huân tu các pháp lành cho đến ngày thành Phật.

*Túr bát đoan nghiêm thân diệu tướng
Tăng kỵ quả mãn kiếp tu lai
Diện như mãn nguyệt, mục như liên,
Thiên thượng nhân gian hàm cung kính*

Bài kệ mở đầu cho mỗi thời lạy Kinh Vạn Phật trong buổi công phu khuya ở Chùa Phước Huệ làm sáng lên hình ảnh và công hạnh phung sự Chư Phật và ban vui, cứu khổ chúng sinh của Chư Phật và Bồ tát.

Này rằm tháng bảy Lê Vu Lan
Ngọn gió heo may rụng lá vàng
Từng chiếc lá bay rơi lá tả
Tôi ngồi nhớ Mẹ lệ tuôn tràn!
Mẹ đã chết đi bỏ lại tôi
Trời ơi, tôi phải sống mồ côi
Đêm đêm nhớ Mẹ, tôi ngồi khóc
Nhìn ánh sao rơi tận cuối trời
Thuở ấy tôi đâu có hiểu gì
Cuộc đời không Mẹ thật sầu bi!
Mảnh khăn tang phủ trên đầu trẻ
Khúc khuỷu đường trần tôi phải đi
Thôi thé, đời tôi chỉ khổ thôi
Tình thương của Mẹ mất tiêu rồi
Nhiều khi tôi muôn đi tìm lại
Chỉ thấy mây trời lơ lửng trôi!
Không biết bây giờ Mẹ ở đâu?
Lòng con nghĩ tới lại thêm sầu

V
u
L
a
n
V
ề
Nh
ó
M
ẹ

Năm xưa, nhờ niệm thần chú mà bảy trăm úc Đức Phật đã đắc Đạo. Ngay cả Bồ Tát Long Thọ, một trong bốn vị Bồ tát nổi tiếng trong quá trình phục hưng Phật giáo Đại thừa, hàng ngày cũng chuyên tâm niệm thần chú.

Với tâm thanh tịnh, một lòng hướng Phật, làm nhiều việc thiện, tích phúc đức, tin sâu luật nhân quả, oai lực của thần chú sẽ tỏa sáng và hộ trì cho những người con Phật chúng ta được tinh tấn trên bước đường tu tập.

Xin tri ân Tổ đình Phước Huệ đã từ bi tổ chức các khóa huân tu vào dịp lễ Vía Quán Thế Âm để hàng hậu học chúng con được chuyên tâm tu tập, trì niệm, quán tưởng, lễ lạy hồng danh của Ngài và Chư Phật. Nhờ đó chúng con được huân tập nhiều hạt giống từ bi và trí tuệ cho hiện đời và nhiều kiếp mai sau.

Bây giờ và mãi mãi về sau, hình ảnh doan nghiêm của Bồ Tát Quán Thế Âm không chỉ hiển hiện tại núi Phổ Đà hay ở khắp các ngôi già lam trên trái đất này mà công hạnh cao dày của Ngài còn là nơi nương tựa vững chắc cho nhân loại chúng sanh đang chìm ngập trong biển khổ trầm luân.

Diệu Lương



Mẹ ơi có biết con thương Mẹ ?
Đã mấy thu rồi lệ thấm bâu !

Tiếng dế nỉ non, nhớ mẹ hiền
Mẹ ơi, hồn Mẹ có linh thiêng
Xin theo phù hộ cho con trẻ
Sống được an vui hết não phiền
Tiếng quạ kêu sầu, lượn dưới trăng
Đêm thu sương lạnh nhẹn buồn giang
Tôi ngồi nhớ mẹ, lòng tan nát
Kiếp sống cô nhi quá nhọc nhằn!
Trời hời, xui chi cuộc bể dâu?
Khiến cho con, mẹ phải xa nhau
Chuông chùa văng vẳng xa đưa lại
Siêu độ linh hồn hết khổ đau .

Đồng Minh

CÓ NHỮNG BÀ MẸ...



Sáng nay, chúng tôi rời chùa trong màn sương lạnh giá của mùa Đông. Đèn đường còn mập mờ, khi lu, khi tỏ. Nhưng phố xá đã đi vào rộn rịp từ sớm. Các xe tải cồng kềnh chở nặng khôi hàng hóa đến từ các nơi. Các xe nhỏ nối đuôi nhau đi vào đường cao tốc. Thỉnh thoảng có tiếng còi báo gấp của chiếc xe cứu thương. Ai đó đang cực lực tranh đấu với ông già thân chét. Nhịp tim còn thoi thóp hay đã trôi vào hư vô ?? Có thể là một bà mẹ trẻ trong cơn đau xé ruột, chờ giờ ra đời đứa con từ lâu mong ước. Có thể là một người mẹ gầy guộc, vẻ mặt đầy lo âu, tay nắm chặt đứa con đang thiêm thiếp trên chiếc băng ca vuông vức. Con mình đã xảy ra chuyện gì? Ruột bà quặn đau, muốn gánh lấy cái đau cho con, nhưng bà không thể. Còn hai đứa nhỏ ở nhà không biết ai lo cho chúng đi học sáng nay?

Bên cạnh những nỗi lo âu thông khổ đó, vẫn có những bà mẹ khoẻ mạnh, tuổi xuân phơi phới, gia sự ám êm, con cái khoẻ mạnh, đang tận hưởng niềm vui hạnh phúc bên cạnh chồng, con. Cô đang trên đường lái xe đến chỗ làm để bắt đầu một ngày mới bận rộn. Hôm nay có một cuộc họp quan trọng đây. Rồi sẽ có một buổi training nội bộ, Cô thầm kiểm điểm lại nội dung của slide mà Cô sẽ trình bày cho nhóm “lính mới”. Bao nhiêu niềm vui và ước vọng của Cô vỡ ra trên con đường thênh thang rộng mở.

Ở nơi xa đâu đó, có những bà mẹ đang vun nắp xối những vuông cỏ lớn, chuẩn bị sẵn sàng cho đội phát cỏ thiện nguyện xói cỏ vào hộp. Hôm nay gần cả ngàn xuất cỏ phải đưa đến các chốt “cỏ 0\$” trong thành phố. Quý Cô, dù trong nhóm thức ăn đã bày ra ngăn nắp trên các dãy bàn dài, nào đậu xào cải rốt, nào món đậu phụ kho gừng thơm phứt và món canh cải xanh bốc khói.

Vị Sư cô trực ca bếp nhìn chung một vòng, mỉm cười nhẹ nhàng và hoan hỷ với tinh thần làm việc nhiệt tình và nhanh nhẹn của các Phật tử công quả. Có thức ăn đưa đến ngày nào là giúp thêm cho người dân nghèo đỡ bụng, no lòng để yên tâm tiếp tục đi tìm miếng ăn cho

gia đình. Tuy Sư Cô không có gia đình riêng, nhưng Cô có một đại gia đình lớn cần chăm lo, bảo bọc. Đó là một bà mẹ hết lòng trao trọn tình thương yêu của mình cho đàn con đông đúc. Tình thương đó ban rải đồng đều và không điều kiện gì. Chỉ mong cầu cho con mình hết khổ.

Mumy, mumy, why you are here? When you go home? Tiếng hỏi trong trẻo, đượm đầy sự lo âu của một bé gái cạnh giường bệnh của một thiếu phụ trẻ vì sự vắng mặt của mẹ đã ba hôm nay, Cô gái trẻ cố kiềm nén tiếng ho chực chờ trào ra cô họng, gắng gượng nói một cách khó khăn. *Monday, Jessy, I will back home*, câu trả lời có thể giúp cho bé tạm yên tâm. Nhưng bé có biết đâu rằng mẹ mình đang cố nuốt ngược vào lòng những giọt lệ đau thương, bàn tay gày yếu xoa xoa bờ vai nhỏ của con mà chưa biết chừng bao giờ mình sẽ rời xa vĩnh viễn.

Khổ là một sự thật ở đời. Tất cả chúng sanh đến cõi Ta Bà này để học các bài học về nhân quả, luân hồi. Có thương yêu, có cảm thọ và nhận được bài học vô thường với vòng xoay sinh tử.

Các bà mẹ trên cõi đời này chính là những người thấu hiểu sâu xa nhất về những nỗi khổ của chúng sinh qua thời gian mang nặng, đẻ đau, nuôi con khôn lớn và theo dõi từng bước trưởng thành.

Ngày con mở mắt chào đời, mẹ lắng nghe tiếng khóc để xem phổi nó có tốt không? Mẹ sờ soạng thân con để chắc chắn là con mình có đủ mắt mũi, tay chân lành lặn. Mặc dù da dẻ nó còn nhăn nhúm, nhưng mẹ chắc chắn rằng con mình sẽ khoẻ mạnh và quan trọng nhất là đã thực sự bình yên trong vòng tay mẹ. Mãi lo nghĩ cho con mà mẹ chợt quên đi nỗi đau thể xác mẹ vừa gánh chịu trên bàn sanh. Đến khi con mình an giấc rồi, mẹ mới nghe cơ thể đau đớn từng hồi. Máu tươi đỏ vẫn còn ri rỉ. Vết thương đang bắt đầu phục hoạt. Cả vùng bụng dưới nặng trĩu, các bắp thịt co siết từng hồi theo từng cử động, mẹ ráng lăn mình nhẹ nhàng

để có sức ngoại nhìn đứa bé còn đỏ hỏn nằm bên kia nôi. Ngủ ngon con nhé, thiên thần của mẹ.

Tiếng mèo cửa động đậy, Cô y tá nhanh nhảu bước vào cho biết là cô sẽ giúp bà mẹ trẻ nhồi nặn trái sữa để có nguồn sữa bỗ dưỡng cho bé. Với tiến bộ của y khoa ngày nay, các bà mẹ trẻ còn đang đi làm thường cho bé bú sữa hộp dinh dưỡng, vừa tiện lợi, vừa giúp cho việc chăm sóc bé dễ dàng hơn khi một gia đình chỉ có hai vợ chồng son. Ông bà nội ngoại, cô dì còn mãi tít ở VN.

Nhưng bệnh viện vẫn khuyến khích người mẹ trong thời gian đầu mới sanh con, nên cho con bú song song hai nguồn sữa mẹ và sữa bột dinh dưỡng vì sữa mẹ có những chất bổ dưỡng rất đặc biệt. Với sự giúp sức của chiếc máy hút sữa, cùng với động tác thành thạo, cô y tá hướng dẫn việc nặn những giọt sữa non đầu tiên. Chiếc máy hút co bóp đều đặn và tăng dần cường độ, khiến mẹ đau rát thấu xương, mẹ nghiến răng lại, tưởng như lồng ngực vỡ toang ra nhiều mảnh, tay quơ quơ như muôn đẩy chiếc máy ra khỏi bầu vú cho đến khi nhìn thấy những dòng sữa non yếu ớt xuất hiện trong máy, mẹ cảm thấy vui mừng đến nghẹt thở.

Từ nay, con mẹ sẽ có được những dòng sữa ngọt ngào, bỗ dưỡng tạo thành từ chính máu thịt của mẹ. Cô y tá còn căn dặn đi, dặn lại : “Cô nhớ cho bé bú đều thì mới có sữa đủ cho em bé. Nếu vì lí do gì ngưng ngang nửa chừng thì nguồn sữa sẽ bị tắt. Nhìn bầu vú bắt đầu căng lên trên nền da với các gân tím nhạt, chứng tỏ là các mạch sữa đang bắt đầu hoạt động. Người mẹ trẻ hơi băn khoăn một chút về việc xoay trở tư thế con như thế nào để bé có thể nút được sữa. Không lo, Cô điều dưỡng hộ sinh, sau khi xem xét kỹ bầu vú của Cô, đã hướng dẫn cẩn kẽ cách cho con bú như thế nào.

Oa...oa...breakfast time, mumy! Con đòi rồi, mẹ phải mau mau làm vị cứu tinh cho bé. Được, được, có mumy đây. Cô đón đứa bé từ tay Cô y tá và xếp gọn trên lòng ngực. Nhìn kia, con mẹ xấu chứng đói quá! Cái miệng chum chũm nhỏ xíu đang xoay xoay tìm vú mẹ “without GPS”. Mẹ nhanh nhanh đưa tay nặn nhẹ bầu vú cho sữa tiết ra, rồi nhẹ nhàng đưa vào miệng con. Dù mới lần đầu tập bú sữa mẹ, nhưng bé đã tỏ ra thành thạo, Bé trêu trao hai

hàng nướu đỏ hồng rồi chớp ngay núm vú từ tay mẹ, ra sức nút lấy, nút đê. Dòng sữa mẹ tinh khiết bắt đầu nối kết hai mẹ con với nhau thật diệu kỳ.

Ây da ! ui da ! Mẹ vừa xuýt xoa vừa nâng nâng bầu vú khi bé bắt đầu nút mạnh hơn, nhanh hơn. Mắt mẹ nhìn cẩn thận chung quanh mặt bé để chắc chắn là bé không bị bầu vú đè lên mũi. Cô y tá đứng bên mim miệng cười nhìn hạnh phúc của mẹ con người sản phụ.

Cô cũng đã từng làm mẹ nên thấu hiểu rõ cảm giác tuyệt vời này. Cô vui vẻ nói lời chúc mừng “chiến thắng to lớn” của Mẹ lẫn con từ mấy ngày qua. Mẹ sung sướng nói lời cảm ơn vì đã thực sự giải được bài toán khó.

Rồi bé lớn nhanh như trái bầu, trái bí. Hai má phúng phính đỏ hồng. Tay chân no tròn, mềm mịm. Nhìn bé ngủ say trong đêm, mẹ hãnh diện biết bao với công trình sáng tạo của mình. Dù không đêm nào, mẹ ngủ được trọn giấc, lớp thì lo con mình ướt lạnh, lớp thì sợ bé đòi vì đến cử “đổ xăng” rồi mà mẹ ngủ quên. Nhưng trời sanh cũng ngộ, mỗi khi hai bầu vú của mẹ căng cứng tức là lúc bé phải nạp năng lượng vào. Nhớ lời Cô điều dưỡng dặn, mẹ cho bú kèm đều đặn sữa mẹ để tăng chất bô dưỡng thiên nhiên cho con.

Mẹ con bé đã có nhiều phước duyên gặp nhau trên đất nước Úc, một thiên đường với nền khoa học phát triển, một xã hội có nhiều con người nhân hậu, đầy tình thương và trách nhiệm. Đó cũng là môi duyên nhân quả lành giữa Mẹ và con. Con nay đã đủ phước duyên làm người do nhân tu tập thiện từ nhiều kiếp qua. Mẹ đã đủ phước vượt cạn để được học bài học hy sinh. Mẹ nguyện với lòng là sẽ lo nuôi dưỡng con tròn vẹn cho đến ngày khôn lớn.

Trong mơ, bé vừa nhoẻn miệng cười. Hạnh phúc ở trong tầm tay chứ nào ở đâu xa.

Vạn Tường



Xin Diêm vương cho tôi làm cha nó !?

Thiền sư Thích Thanh Từ trong buổi giảng đặc biệt về ý nghĩa của Lễ Vu Lan đã dẫn một câu chuyện “hiếu thảo” thật la lảm. Kính mời quý độc giả cùng theo dõi và ngẫm nghĩ triết lý sâu sắc nằm ở phía sau câu chuyện.

...”Ngày xưa có anh chàng nợ vừa dở, vừa không gặp thời, làm ăn đâu thát bại đó. Gia đình một vợ năm bảy con, nuôi không xuể, thiếu hụt đủ thứ. Cạnh bên có người láng giềng rất hào hiệp, mỗi khi anh túng quẫn, anh qua nhà ấy vay mượn, mượn rồi không có tiền trả. Thời gian sau túng quẫn nữa anh lại qua nữa, nhưng rồi cũng không có tiền trả.

Tuy nhiên người hảo tâm kia vẫn cứ cho mượn hoài, đến khi anh nhà nghèo già và chết. Khi ấy anh bị lôi xuống Diêm vương, ngực tốt tra khảo sổ sách thì thấy anh nợ người láng giềng quá nhiều. Diêm vương liền ra lệnh

- Bây giờ chú mày phải sinh trở lại làm trâu kéo cày để đèn trả nợ trước”.

Anh chàng đó nói:

- Không được, cho làm trâu không đủ trả, xin cho tôi làm cha nó mới đủ trả.

Diêm vương ngạc nhiên quá:

- Tại sao đã thiếu nợ người ta mà còn đòi làm cha người ta nữa?

Anh chàng liền giải thích:

- Nếu làm trâu thì sống bảy tám tuổi, cao lăm mười hai tuổi là chết. Mười hai năm kéo cày trả nợ không đủ. Chỉ có làm cha là tôi lo cho đến hết đời, nuôi nấng họ đến hết đời. Hết đời tôi rồi, còn dư bao nhiêu tiền của để lại cho họ luôn. Nếu tôi còn sống dai thì nó có cháu, có chắt tôi cũng nuôi tất. Như vậy mới khả dĩ trả hết bởi nợ to quá.

Sau khi kể câu chuyện, Đại Lão Hòa Thượng nói:

“Như vậy quý vị thấy làm cha còn nặng hơn làm trâu nữa. Vì làm trâu chỉ giới hạn bảy tám năm hay chín mươi năm thôi, còn làm cha là suốt một đời, trả hoài cho đến đời cháu nữa. Và có ai chửi mắng gì mình cũng nhận chịu

luôn. Nhận hết mọi việc như vậy mới đủ trả.

Câu chuyện có tính cách khôi hài, nhưng qua đó chúng ta thấy công ơn của cha mẹ không thể kể hết, phải không? Cho nên người ta bảo kiếp làm cha mẹ đối với con còn hơn kiếp trâu ngựa nữa chó không phải là vừa. Vậy mà nhiều khi con không nhớ, không biết, còn phụ rẫy, bạc bẽo lại với cha mẹ nữa. Thật là tội lỗi biết bao!

Đã không biết ơn cha mẹ thì ơn xã hội chắc càng không biết. Nếu người không biết ơn nghĩa gì hết thì con người đó gọi là con người gì? Con người vô ơn bạc nghĩa! Đã là người vô ơn bạc nghĩa thì còn dùng được chỗ nào?

Bởi vậy muốn thành một người tốt đối với xã hội, trước hết chúng ta phải là người con hiếu thảo với cha mẹ. Do biết thương cha mẹ nên mình không đánh lộn, cãi lộn, hút thuốc, uống rượu, làm những việc hư thân khiến cha mẹ buồn. Nhờ thế mà mình thành một người tốt trong xã hội. Thế nên hiếu thảo là bước đầu để xây dựng gia đình tốt đẹp, xã hội văn minh, quốc gia cường thịnh.

V.T.
Suru tām.



Tai Hại Của Rượu

Rượu uống ham chi phải khổ đời
Gặp nhau trà nước cũng vui tươi
Lúc đâu vào tiệc còn thân thiết
Khi đã say mèm nói chẳng thôi
Buổi tiệc chưa tàn gây âu đả
Người ngồi tù tội kẻ xa chơi...!
Ai người ghen rợn xin chừa bỏ
Cứu thoát đời mình khỏi khổ thôi

Rượu uống ham chi phải khổ đời
Gặp nhau trà nước cũng vui tươi

Trong năm nguyên lý đạo đức Phật dạy người Phật tử, trong đó có nguyên lý thứ năm là Phật không cho người Phật tử uống rượu. Bởi vì: “Ý thức được những khổ đau do sự sử dụng ma túy và độc tố gây ra, con xin học cách chuyển hóa thân tâm, xây dựng sức khỏe thân thể và tâm hồn bằng cách thực tập chánh niệm trong việc ăn uống và tiêu thụ. Con nguyện chỉ tiêu thụ những gì có thể đem lại an lạc cho thân tâm con và cho thân tâm gia đình và xã hội con. Con nguyện không uống rượu, không sử dụng các chất ma túy, không ăn uống hoặc tiêu thụ những sản phẩm có độc tố trong đó có một sản phẩm truyền thanh, truyền hình, sách báo, phim ảnh và chuyện trò. Con biết rằng tàn hoại thân tâm bằng rượu và các độc tố ấy là phản bội tổ tiên, cha mẹ và cũng là phản bội các thế hệ tương lai. Con nguyện chuyển hóa bạo động, căm thù, sợ hãi và buồn giận bằng cách thực tập phép kiêng cữ cho con, cho gia đình con và cho xã hội. Con biết phép kiêng khem này rất thiết yếu để chuyển hóa tự thân, tâm thức cộng đồng và xã hội” (HT Thích Nhất Hạnh).

Rượu tuy nó không phải là chất độc hại người, nhưng nếu người ta sử dụng nó một cách thái quá, thì nó sẽ trở thành gây ra cho con người một tai hại rất lớn. Khi uống rượu quá lượng định, người ta sẽ mất hết tinh táo, không còn kiểm soát được tâm trí, lời nói và hành động. Từ đó, dễ gây ra tai hại cho mình và người. Đạo Phật chủ trương giác ngộ, tinh thức, sáng suốt, muôn thể, trước tiên chúng ta phải điêm tĩnh, minh mẫn sáng suốt. Rượu có thể gây ra tai hại rất lớn cho trí tuệ của ta. Vì khi uống rượu vào, tâm trí ta cuồng loạn, mất hết bình

tĩnh, dễ nóng nảy sân hận, và từ đó việc gì ta cũng dám làm, bất kể tội lỗi, không màng đến đạo đức lương tri.

Hậu quả của việc uống rượu quá chén này, đã gây ra biết bao nhiêu lỗi lầm sai trái. Hàng ngày, xảy ra biết bao nhiêu cảnh tượng tai nạn thương vong khủng khiếp, gây ra biết bao đau khổ cho mình và người. Và đây là một trong muôn ngàn câu chuyện đã xảy ra rất thương tâm. Vào một buổi chiều chang dạng tối, bà A (tạm gọi) có việc đi ra ngoài, bà cần thận đi trên lề đường với cây đèn pin cầm tay soi sáng. Trong khi đó, một người đàn ông lái chiếc xe honda từ phía sau chạy tới, vì say rượu lái xe loạng quạng nên ông ta đụng mạnh vào bà A, bà A chui nhủi té ngã xuống đất, bất tỉnh nhân sự không nói được. Sau đó, xe cấp cứu đưa vào bệnh viện, nhưng than ôi! Bà chỉ nằm bệnh viện điều trị được hai ngày, thì bà trút hơi thở cuối cùng! Đây là hậu quả của việc uống rượu quá chén gây chết người. Và đây cũng là một họa hại cho cá nhân và xã hội. Ngày nay, người ta thống kê những tai nạn xảy ra hàng ngày, gây nên cảnh thiệt hại cho cá nhân, gia đình và xã hội, phần lớn là do người ta uống rượu quá chén say sưa gây nên. Đó là chưa nói đến tác hại của rượu gây nên những chứng bệnh nan y thật khó trị liệu, và cuối cùng đưa đến cái chết.

Có nhiều bạn trẻ, gặp việc rắc rối khó giải quyết, hay đi tìm men rượu để giải sầu, nhưng giải sầu đâu chưa thấy, mà chỉ thấy toàn là sầu khổ thêm thôi. Vì quá say, trên đường lái xe về nhà, gây ra tai nạn giao thông bị thương tích nặng nề, phải nằm bệnh viện điều trị. Thế là, chưa giải được con sầu, thì lại tăng thêm nỗi sầu đau đớn trầm trọng hơn. Mong sao các bạn trẻ nên ý thức về vấn đề này. Đừng vì chuyện giải sầu cá nhân của mình mà làm khổ lụy cho gia đình và những người thân khác. Nếu là giải sầu, thì thiếu gì cách để giải sầu, đâu phải chỉ có uống rượu mới là giải sầu. Sầu là một tâm hành tiêu cực, chính mình phải sáng suốt tự hóa giải, chứ rượu làm sao hóa giải nó được? Mình còn tinh táo mà chưa có thể hóa giải được, huống chi uống rượu say mèm thì làm sao hóa giải? Đó chẳng qua là mượn cớ ngụy biện cho con ma men khoái cảm đó thôi. Xin

chớ mượn rượu để rồi gây nên tác hại làm khổ mình khổ người.

Vì lợi ích cho mình và người, Phật dạy, người Phật tử tuyệt đối không được uống rượu và các thứ ma túy khác, như hút chích á phiện, cần sa v.v... Vì những thứ này, một khi người ta đã nghiện ngập lâm rồi, thì hậu quả đưa đến một tai hại cho con người không thể nào lường trước được. Thế nên, vì hạnh phúc cá nhân, gia đình và xã hội, Phật cấm người Phật tử không được uống rượu và sử dụng các thứ ma túy khác. Có thể thời đại của Phật ở Ấn Độ không có các chất ma túy như cần sa, á phiện v.v... Nếu có, thì Phật cũng đã cấm và cấm nặng hơn rượu nữa, vì những thứ này có tác hại rất lớn. Vì vậy, nên Phật chỉ cấm người Phật tử không được uống rượu. Tuy nhiên, đối với thời đại 4.0 của chúng ta hiện nay, những thứ này rất thịnh hành và giết người chết dần mòn, không những tàn hại cho thân tâm mình mà còn gây ra tai hại cho gia đình và cho nhân quần xã hội nữa. Chính vì thế, nên những thứ này tuyệt đối chúng ta không nên sử dụng.

Cần nói thêm, tuy Phật cấm người Phật tử không được uống rượu, nhưng có trường hợp Phật tạm khai cho chúng ta tạm thời sử dụng mà không phạm. Đó là trường hợp khi chúng ta bị bệnh nặng hết phương cứu chữa, phải cần đến thuốc rượu để trị bệnh. Nhưng với điều kiện là phải được sự chỉ dẫn của thầy thuốc bảo phải cần đến mới được uống. Tuy nhiên, khi dùng nó mình cũng phải trình thura cho những người khác biết rồi sau đó mới được dùng. Dùng cho đến khi nào lành bệnh, thì không được tiếp tục uống nữa. Nếu tiếp tục uống thì phạm giới cấm không được uống rượu này.

Thay vì bạn bè gặp nhau dùng rượu, thì ta nên dùng trà nước để chuyện trò chẳng lợi ích hơn sao?! Tất cả đều do mình tạo ra cả. Ở đây, chúng tôi chỉ nói trong phạm vi của những người Phật tử, tức những người đã thọ trì Tam quy và Ngũ giới. Ngoài ra, chúng tôi không dám khuyên ai cả. Nếu như mọi người ý thức đến việc tai hại của rượu, thì nên quyết tâm chừa bỏ đó cũng là điều rất tốt và rất có lợi ích cho mình và người. Nhất là đối với những người thân thuộc trong gia đình.

*Lúc đầu vào tiệc còn thân thiết
Khi đã say mèm nói chẳng thôi*

Sự thật là như thế. Mới vào tiệc thì người ta còn giữ kẽ kính nể lẫn nhau, nhưng khi đã vô vài xị hoặc vài chai rồi, thì ôi thôi! mạnh ai nấy nói. Lúc đầu thì còn nhỏ tiếng, rượu vô càng nhiều thì càng to tiếng hơn. Bấy giờ chuyện xấu tốt gì cũng khui ra hết, không còn cát chúa giấu kín trong lòng. Người ta nói, hễ rượu vào thì lời ra. Ra ít thì chuyện ít, ra nhiều thì có chuyện nhiều. Từ lời ra tiếng vào dễ sanh ra cãi vã và rồi áu đả lẩn nhau. Gây đau khổ thương tích cho nhau.

*Buổi tiệc chưa tàn gây áu đả
Người ngồi tù tội kẻ xa chơi...!*

Việc áu đả chém giết nhau trong tiệc rượu đã xảy ra hàng ngày rất nhiều. Ở xóm tôi, có hai ông bạn, một người đã lập gia đình có vợ con và người kia thì còn độc thân. Tạm gọi ông A và ông B cho dễ hiểu. Ông A thì người to con thân hình lực lưỡng vạm vỡ khỏe mạnh. Còn anh B thì thân người ốm yếu lại thêm có tật ở chân, đi đứng hơi khó khăn. A và B cùng sống chung trong xóm và cũng khá thân nhau. Hôm nọ, các bạn bè trong xóm rủ nhau gầy tiệc nhau. Bởi người cùng xóm nên họ rất thân thiết với nhau. Trong lúc rượu vô ngà ngà, không biết duyên cớ gì mà anh A chửi mắng anh B. Thấy vậy, các bạn khác đều khuyên, nhưng vì men say nên anh ta không nghe mà còn được nước làm tối. Trong khi đó, anh B biết mình ốm yếu lại khuyết tật, nên cố nuốt nhục mà nhẫn nhịn cho qua. Nhưng anh B quá xấu hổ tự ái bỏ đi. Mọi người cứ tưởng anh ta về nhà. Nhưng không, anh đi tìm một chai bia lớn, rồi nấp vào bụi cây rậm, chờ anh A đi về. Tân tiệc rượu, anh A và mấy người bạn kia ra về. Lúc này, anh A đã quá say, không còn biết trời trăng mây nước gì nữa, đi không vững, ngã tới ngã lui, chân thấp chân cao, xuyên bên này, ngã bên kia. Thấy thế, anh B liền nhẹ bước theo sau, đánh chai bia thật mạnh vào sau ót anh A. Thế là anh A té ngã sấp xuống bất tỉnh, một hồi lâu mới tỉnh lại. Trong khi đó, anh B đánh xong hả dạ liền đi một mạch về nhà. Sau khi tỉnh lại, anh A đi từ từ về nhà. Về đến nhà, không kêu vợ mở cửa như mọi khi, anh chỉ đập cửa không nói tiếng nào. Bà vợ chạy ra mở cửa hỏi gì anh ta cũng không nói. Bà vợ đỡ anh ta vào giường nằm nghỉ. Bà vợ cứ nghĩ là anh say rượu như mọi khi, nên để anh ngủ nghỉ cho khỏe. Nhưng người vợ đâu có ngờ là anh ta đã ngủ một giấc ngủ triền miên, không bao giờ thức dậy. Khi biết được thì anh đã chết tự lúc nào. Anh ra đi không một

lời trăn trối, vì á khẩu không nói thành tiếng được. Sau cái chết của anh ta, chánh quyền địa phương truy nguyên, biết rõ sự việc đã xảy ra tối hôm đó, có sự hiềm khích giữa hai người, nên anh B bị chánh quyền bắt giam và lãnh án tù chung thân. Đó là hậu quả tai hại của việc uống rượu.

*Ai người ghiền rượu xin chùa bỏ
Cứu thoát đời mình khỏi khổ thoi.*

Đã biết uống rượu là một tai hại rất lớn, không những cho bản thân mình mà còn cho gia đình và xã hội nữa. Vì vậy, nếu ai đã lỡ nghiện ngập thì xin hãy vì sức khỏe của bản thân mình và hãy vì gia đình vợ con mình mà hãy mạnh dạn quyết tâm cai nghiện. Có thể, thì mới tự cứu

thoát đời mình khỏi khổ thoi. Bằng không, thì sự khổ cứ kéo dài không những có hại cho mình đời này, mà còn mất trí tuệ ở đời sau nữa. Đây là lời khuyên chân thành nhất của chúng tôi.

Thanh Trì



Ngày Vu Lan ngồi nhớ Mẹ

*Ngày rằm tháng bảy lễ Vu Lan
Xào xác rùng Thu rụng lá vàng
Mây xám sâu giăng, chiều áo nôn
Quả kêu buồn bã bay tung đòn*

*Từng giọt mưa thu rả rích rơi
Đêm thu sương lạnh thấm lòng tôi
Nỗi buồn nhớ Mẹ thêm chồng chất
Mẹ sóm bỏ tôi ở lại đời*

*Nỗi khổ chất chồng đeo đuổi luôn
Đời tôi vui ít lại nhiều buồn
Quanh năm vất vả lo đời sống
Nghĩ tủi thân mình lệ úa tuôn!*

*Tôi đã lang thang khắp néo đường
Cuộc đời không Mẹ lâm bi thương
Bát cơm Phiếu mảnh nuôi tôi lớn
Nhớ tới lòng tôi luống đoạn trường!*

*Ai đã từng xa cách mẹ già
Mãi mê sự nghiệp phải bôn ba
Mỗi lần Thu đến buồn ray rức
Nghĩ đến Mẹ hiền dạ xót xa*

*Mẹ oi mẹ cực khổ nuôi con
Vất vả quanh năm sức Mẹ mòn
Đem hết đời mình cho lũ trẻ
Công ơn của Mẹ sánh bằng non*

*Làm sao báo đáp được ân đây
Nghĩ tới lòng con thấy thẹn thay!
Con muốn đáp đèn, mẹ đã mất
Như cây muốn lặng, gió càng lay!*

*Hôm nay ngày đại lễ Vu Lan
Thành kính đến chùa thấp nén nhang
Quỳ trước Phật đài cầu phụ mẫu
Lòng con đau xót lệ tuôn tràn!*

Văn Thân



(tiếp theo)

58. Tại sao ngày 23 tháng chạp lại đưa Táo Quân về trời?

Hỏi: Kính bạch thầy, hằng năm đến ngày 23 tháng chạp, con thấy người Việt mình hay có tục lệ là cúng đưa ông Táo về trời. Thú thật là con không hiểu cái tục lệ và sự cúng kiêng này như thế nào? Kính mong thầy hoan hỷ giải thích cho con hiểu. Xin cảm ơn thầy.

Đáp: Việc thờ cúng này, đây là một tập tục đã có từ lâu. Đối với người Việt Nam chúng ta, ngoài việc thờ cúng tổ tiên ông bà ra, người mình còn có thờ cúng các vị thần linh khác nữa. Trong các vị thần linh mà người ta thờ ở trong nhà, thì thần Thổ công đã được mọi người quan tâm thờ cúng nhiều nhất. Người xưa có câu: “Đất có Thổ công, sông có Hà Bá”. Thổ công là vị thần cai quản trông coi gia cư định sự họa phúc kiết hung cho gia đình. Đây là vị thần đứng đầu của các vị thần khác. Người ta quan niệm rằng, trong nhà thờ thần Thổ công, thì không có ma quỷ nào dám xâm nhập phá phách quấy nhiễu những người trong nhà.

Sở dĩ người ta gọi là Táo Quân, tức ông vua Táo gồm có cả ba vị: Thổ công, Thổ địa và Thổ kỵ. Thổ công là thần đất cũng là thần trông coi việc bếp núc. Tục thường gọi là vua bếp. Người ta tin rằng ngày 23 tháng chạp, Thổ công lên chầu trời tâu bày mọi việc xâu tốt của trần gian. Vì vậy, người ta bày biện thức ăn chay, mặn tùy gia chủ để thiết cúng gọi là ngày tết ông Công. Vì ông đóng vai khách quan ghi chép hết mọi việc hung kiết xảy ra trong gia đình để ông về chầu Thượng đế ở trên thiên đình mà tâu hết mọi việc. Do đó, muốn được yên ổn người ta phải cúng tế như lo lót cho ông để ông chỉ tâu điều lành tốt không nên tâu điều xấu ác.

Như trên đã nói, Vua Bếp gồm có ba vị thần linh. Thế nhưng lý do nào gọi Vua Bếp mà gồm chung có ba vị thần này? Bởi người ta căn cứ vào sự tích nói về Vua Bếp mà nêu ra. Chuyện tích tuy dài, ở đây chúng tôi chỉ xin được tóm lược một cách ngắn gọn mà thôi.

Chuyện kể rằng, ngày xưa có hai vợ chồng, người chồng tên Trọng Cao, vợ là Thị Nhi.

100 Câu hỏi Phật pháp

Tập 2

PHƯỚC THÁI

Hai vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con. Một hôm, Thị Nhi bị chồng đánh rồi bỏ nhà ra đi. Trong lúc ra đi, nàng gặp một người đàn ông tên là Phạm Lang. Hai người tư tình cảm thông nhau và trở thành đôi vợ chồng. Trong khi đó, Trọng Cao sau khi vợ bỏ nhà ra đi, chàng ta hối lỗi nên quyết định đi tìm vợ để chuộc lại lỗi lầm. Trên đường lang thang tìm kiếm, bỗng một hôm, chàng ta tình cờ gặp lại Thị Nhi. Hai người rất mừng rỡ trong nỗi xúc động ngẹn ngào. Trong lúc hai người đang than vãn chuyện trò, thì Phạm Lang về gặp. Thị Nhi quá xấu hổ thẹn thùng, nên đâm đầu vào đóng lửa mà chết. Trọng Cao thấy vợ chết vì mình, nên cũng nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang thấy vậy, muốn chung thủy với vợ nên cũng chết theo luôn. (có thuyết thì nói cả ba người đều chết trong đồng rơm)

Thượng đế thấy ba người trọng tình chung thủy nên mới phong cho là Táo quân và mỗi người giữ một việc:

Phạm Lang là Thổ công trông nom việc trong bếp.

Trọng Cao là Thổ địa trông nom việc trong nhà.

Thị Nhi là Thổ kỵ trông nom việc chợ búa.

Do tích trên, nên người ta mới thờ cúng ba vị thần này gọi chung là cúng Táo quân vào ngày 23 tháng chạp hằng năm.

59. Thờ linh ảnh ở trong chùa, nhưng cúng kỵ giỗ ở nhà có được không?

Hỏi: Kính thưa thầy, ba con mất đã lâu (1999) và ảnh của ba con thì thờ ở chùa Quang Minh. Mỗi năm, đến ngày kỵ giỗ, chúng con tụ về nhà má con để cúng, còn ở Việt Nam em con cúng giỗ có thỉnh thầy đến nhà tụng kinh, nhưng không có đến chùa cúng giỗ nơi thờ hương linh. Vậy, xin hỏi gia đình chúng con cúng như vậy có được không? Kính mong thầy hoan hỷ chỉ dạy cho con.

Đáp: Theo phong tục nước ta, việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, quan trọng nhất là ngày kỵ giỗ. Ngày giỗ hay còn gọi là ngày kỵ nhật, chính là ngày kỷ niệm người đã qua đời. Sau khi an táng người đã chết, thì các thân nhân con cháu trong gia đình sự thương nhớ từ từ sẽ nguôi ngoay dần và tất cả đều trở lại đời sống sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, hàng năm khi đến ngày kỵ giỗ, con cháu dù cho có bận rộn công ăn việc làm đến đâu, thì cũng phải nhớ ngày kỵ giỗ của người chết mà quy tụ về một nơi để cúng giỗ. Nơi đó thường là nơi từ đường, tức là nơi thờ phụng người chết. Nơi cúng giỗ, chỉ có những người theo tôn giáo (mà tôn giáo đó) phải chấp nhận sự thờ cúng tổ tiên thì mới nói cúng. Ngoài ra, có những tôn giáo không chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên, thì người ta chỉ nói là làm giỗ kỷ niệm mà không nói cúng giỗ.

Trường hợp của Phật tử, việc thờ cúng người cha mâu đã lâu, trong gia đình thân nhân của Phật tử theo phong tục lễ nghi thiết cúng như thế thì không có gì là sai trái. Việc thỉnh hương linh và gởi di ảnh thờ ở trong chùa, đó là việc làm đúng theo lệ thường của người Phật tử. Mục đích của việc làm này là trong thân nhân muốn cho hương linh ở trong chùa ngày đêm lắng nghe kinh kệ để sớm thức tỉnh tu hành chóng được giải thoát. Đó là một việc làm rất tốt và rất phù hợp với lễ nghi Phật giáo. Tuy nhiên, không phải vì thờ hình ảnh hay linh cốt trong chùa mà mỗi năm các thân quyến con cháu phải về chùa cúng giỗ. Điều này, còn tùy thuộc vào hoàn cảnh sinh sống gia đình của mỗi người.

Ngày nay, có những gia đình Phật tử ở thành phố, vì nhà cửa chật chội nên họ thường cúng giỗ ở trên chùa để tiện việc mời khách và cũng đỡ vất vả cho gia đình. Trường hợp của Phật tử thì có khác, gia cảnh tương đối có đầy đủ tiện nghi, không nhứt thiết phải làm như thế. Theo tôi, đến ngày kỵ giỗ, Phật tử chỉ cần mua chút ít hoa quả nhang đèn mang đến chùa (nơi thờ linh ảnh) và hết lòng thành kính đảnh lễ dâng lên cúng đường Tam bảo. Đồng thời, cầu nguyện cho hương linh của người mất chóng được siêu sanh thoát hóa. Chỉ ngắn ấy là đủ rồi.

Sau đó, thì Phật tử và những con cháu trong gia đình tùy nghi thiết cúng tại tư gia. Điều quan trọng của việc cúng kỵ giỗ này, theo Phật dạy người Phật tử không nên vì người chết mà

sát sanh hại vật để thiết cúng. Nếu thế, thì chỉ gây thêm tội lỗi cho người sống lẫn người chết mà thôi. Do đó, muốn cho hương linh chóng được siêu thoát, thì thiết nghĩ, Phật tử nên y cứ theo lời Phật Tổ chỉ dạy nên thiết cúng đồ chay là tốt nhứt.

Đã nói là ngày kỷ niệm, tất nhiên với thâm ý là để nhắc nhở cho con cháu ghi nhớ công ơn của tổ tiên, ông bà hay cha mẹ mà con cháu nên hết lòng quy kính noi theo. Đó mới thật sự là tưởng niệm đền đáp công ơn của người đã chết. Không nên vì người chết mà tạo thêm ác nghiệp làm khổ đau cho người đã chết. Như thế, thì đó không phải là cách báo hiếu. Như Phật tử đã nói, mỗi kỵ cúng giỗ, em của Phật tử ở bên Việt Nam có thỉnh thầy đến tư gia để tụng kinh cầu siêu cho hương linh. Điều đó, thì thật là quý báu tốt đẹp. Tôi xin hết lòng hy tán dương công đức của việc làm này.

Tóm lại, việc thiết cúng kỷ niệm ngày giỗ cho thân phụ của Phật tử như thế, theo tôi, thì không có gì là sai trái đối với phong tục lễ nghi của người mình. Chỉ có điều là nên tránh sát sanh hại vật để thiết cúng, thì đây mới là điều đáng nói và tốt nhứt. Chẳng những ích lợi cho người đã chết mà còn ích lợi cho những người còn sống nữa. Kính mong Phật tử nên ghi nhớ lời Phật Tổ chỉ dạy mà thật hành theo. Được vậy, thì kẻ còn và người mất cả hai đều được ân triêm lợi lạc vậy.

60. Làm sao cho bớt cơn nóng giận?

Hỏi: Kính bạch thầy, xin thầy chỉ cho con phương cách nào để cho con bớt nóng giận. Dù con biết rằng, khi con giận và nổi nóng thì con có gắng niệm Phật nhưng thật sự trong lòng con rất là tức tối mà không biết phải làm sao cho hết tức?

Đáp: Giận là một thứ tập khí thuộc căn bản phiên não lâu đời. Nó là một trong ba thứ có gốc rễ sâu xa trải qua từ vô lượng kiếp. Nó thuộc loại câu sanh hay bản hữu chủng tử. Khi có mặt ta là đã có mặt nó. Ba thứ đó là: “**Tham, Sân, Si**”. Trong kinh thường gọi ba thứ này là “Tam độc”. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta trôi lăn xuống lên chịu nhiều đau khổ trong tam đồ lục đạo, cũng bởi ba thứ này làm tác nhân tạo nghiệp. Tuy nhiên, tùy theo tập khí sâu cạn do sự huân tu chuyển hóa của mỗi người mà cường độ hiện hành của nó có nặng nhẹ, mạnh yếu khác nhau.

Trường hợp tập khí nóng giận của Phật tử kề ra cũng khá sâu nặng. Vì thế, nên khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng, thì Phật tử liền nổi nóng lên dữ tợn. Khác nào như lửa cháy phùng bốc lên cao ngọn. Dù Phật tử đã có cố gắng chiết phục bằng cách niệm Phật, nhưng cũng không thể dần được cơn giận tức. Với tâm hành giận tức như thế, thì thật là đau khổ! Tôi rất cảm thông cho nỗi đau khổ của Phật tử, bởi do những cơn giận tức nổi lên hoành hành làm cho tâm trí của Phật tử rối loạn bất an. Tuy Phật tử đã cố gắng hết sức để khắc chế nó, nhưng cũng không thể nào khắc chế làm giảm cường độ nó được. Đây là tâm bệnh chung của chúng sanh, đâu phải chỉ riêng có mình Phật tử.

Muốn chữa cháy của ngọn lửa sân hận này, trong kinh Phật có nêu ra nhiều phương pháp chữa trị. Tùy theo trình độ nhận thức của mỗi người mà áp dụng mỗi phương cách trị liệu khác nhau. Nhưng phương pháp nào, Phật dạy chúng ta cũng phải sử dụng trí huệ quán chiếu sâu vào nội tâm. Tuyệt đối, không nên ức chế đè nén. Vì đè nén con giận tức, chỉ làm cho nó càng nặng sâu thêm. Trong đạo Phật rất tối kỵ và không chấp nhận việc đè nén dồn ép này. Bởi đó không phải là phương cách giải quyết hữu hiệu tuyệt hảo làm cho ta hết đau khổ. Càng ức chế đè nén nó chừng nào, thì lòng bức tức sân hận của ta càng tăng trưởng lớn mạnh thêm chừng này. Đến một lúc nào đó, ta không còn ức chế đè nén sức ép của nó nữa, thì chừng đó nó sẽ nổ tung lên dữ dội và tàn phá rất mãnh liệt. Đây là một hậu quả rất tai hại, mà không ai có thể lường trước được. Bằng chứng như những thảm cảnh khủng bố giết người gây nên sự tàn sát đẫm máu, không biết bao nhiêu người đã chết và bị thương tích, thật là khiếp đẫm hãi hùng!

Đạo Phật dạy ta cần phải nhận diện và chuyên hóa cơn giận. Khi ta giận ta cũng có thể biểu lộ rõ cho đối phương biết là ta đang bức tức buồn giận họ. Ta có nỗi khổ niềm đau riêng của ta. Ta nên bày tỏ nỗi khổ của ta một cách rất chân tình và thật thà với người mà ta đang giận. Ta giận họ có thể vì họ không làm cho ta vừa ý. Ta phải nói rõ lý do để cho họ hiểu và cảm thông cho ta. Hoặc cũng có thể ta có những tri giác sai lầm về họ. Ta cần phải thiết lập truyền thông để tìm hiểu cẩn kẽ kỹ càng nhau hơn. Ta không nên nuôi dưỡng chất chứa hận thù trong lòng. Vì đó không phải là thái độ khôn ngoan hành xử của ta. Ta cần phải bắt

nhịp cầu cảm thông để ta và họ có cơ hội giải tỏa những khúc mắc nội kết của vấn đề.

Khi trao đổi bàn giải với nhau, cả hai nên dùng lời ái ngữ ôn hòa và phải tỏ ra một cách hết sức thành thật cởi mở. Cả hai nên dẹp bỏ lòng tự ái kiêu căng ngã mạn. Vì lòng tự ái là con đẻ của bản ngã. Chính nó gây nên thù hận và giết chết đời ta. Một khi đã giải quyết ổn thỏa thông cảm với nhau rồi, thì ta cảm thấy lòng ta như trút đi một gánh nặng ngàn cân. Bấy giờ, tâm hồn ta trở lại tươi mát nhẹ nhàng và cảm thấy thương yêu nhau nhiều hơn. Đó mới thực sự là phương cách hóa giải hận thù một cách tuyệt hảo vậy. Bằng ngược lại, ta cứ mãi ôm ấp hận thù, chỉ làm cho ta và người đau khổ sâu thêm chứ không có ích lợi gì.

Tâm lý thường tình, khi nổi giận là ta muốn trừng phạt nặng nề đối phương làm ta giận. Đó là ta tạo cho hai bên trở thành đối nghịch thù ghét lẫn nhau. Và như thế, thì cả hai đều có những nỗi khổ niềm đau như nhau. Người trừng phạt và kẻ bị trừng phạt cả hai đều phải bị mất ăn mất ngủ. Thắng cũng khổ mà bại cũng khổ. Tốt hơn hết là ta nên buông xả cho lòng ta được an vui thanh thoát. Đại khờ gì mà ta phải ôm ấp nỗi khổ cho riêng mình!

Là Phật tử, Phật dạy ta không nên nuôi dưỡng hạt giống thù hận ganh ghét với bất cứ một ai. Đôi khi ta sai lầm mà ta vẫn cứ khu khu cố chấp bảo thủ cái định kiến của ta. Lòng tự ái của ta lúc nào cũng muốn ta phải lấn lướt hơn người. Muốn hạ nhục người mà ta căm tức thù ghét đến tận cùng đau khổ thì ta mới hả dạ. Tâm trạng đó, thật là quá ác độc! Dù cho ta có thỏa mãn vị ngọt của sân hận, nhưng lòng ta luôn luôn bất an và đau khổ. Đó là điều mà ta tự chuốc quả khổ cho ta và làm tan nát đỗ vỡ tinh thần thuộc, bạn bè thân yêu của ta mà thôi.

Ta nên biết rằng, khi người nào đó nói hoặc hành động làm cho ta đau khổ, thì trước tiên người đó đã chuốc lấy đau khổ trước rồi. Do đó, ta nên cảm thông thương xót họ hơn. Vì họ cũng có nỗi đau khổ riêng. Có thể họ chắt chúa nội kết sâu dày nhiều hơn ta. Bởi họ là người chưa từng biết chăm sóc cơn giận. Hạt giống giận hờn của họ luôn ẩn tàng sâu kín trong tâm thức. Muốn nhận diện bản chất của nó thật không phải dễ dàng. Vì nó vốn không có nơi trú ngụ. Nhưng ta nên biết rằng, muốn vô hiệu hóa cơn giận tức trước khi nó bộc phát, Phật

dạy ta nên thường xuyên quán chiếu sâu vào nội tâm và phải luôn thực tập chánh niệm. Có mặt trời ý thức chánh niệm soi sáng, thì sự nhận diện để chuyển hóa cơn giận sẽ không còn là vấn đề khó khăn nan giải nữa. Giận tức không phải là kẻ thù của ta. Mà nó chính là một phần tử của tâm thức ta. Ta và nó không phải là hai kẻ thù đối nghịch. Mà ta và nó là đôi bạn tri kỷ thân thiết với nhau. Vậy ta cần phải luôn quan tâm để ý chăm sóc vỗ về an ủi nó nhiều hơn.

Nếu ta vung vẩy những lời nói cay cú độc ác làm tổn thương cho người ta đau khổ, thì chính ta đã rước lấy nỗi đau trước rồi. Ta nên ý thức rằng, ngậm máu phun người tất phải do miệng mình trước. Như thế, thì mình và người đều đau khổ như nhau. Chỉ cần ta khéo biết vỗ về an ủi chăm sóc khi cơn giận nổi lên, thì cường độ của sự giận túc sẽ không còn cơ hội bộc phát mạnh mẽ. Nguồn tuệ giác của đạo Phật giúp cho ta tháo gỡ thoát qua những cơn si mê giận túc này. Ta chỉ cần quán chiếu thật sâu và thật kỹ ở nơi chính mình và ở nơi tha nhân. Cần lấy gương soi lại gương mặt mình khi cơn giận túc nổi lên. Nhìn thấy chắc là ta sẽ phải ghê tởm cho ta lắm! Một gương mặt hình thù thật quái dị hung tợn rất là khó coi. Cái nhân như thế, thì cái quả đòn sau chắc chắn là ta sẽ trở nên xấu xí vô cùng. Nhận thức rõ điều đó, cũng giúp cho ta bớt đi cơn giận dữ. Vì không ai muốn mình trở thành một kẻ xấu xí như quỷ Dạ Xoa, La Sát bao giờ!

Tóm lại, muốn chữa trị cơn giận túc cho có hiệu quả, theo tôi, thì ta có thể ứng dụng thực tập 4 nguyên tắc căn bản sau đây:

- * Phải thường xuyên thực tập chánh niệm bằng cách theo dõi hơi thở.
- * Lời nói và hành động phải luôn có mặt trời ý thức soi sáng.
- * Phải quán niệm thật hành lòng từ bi trải rộng tấm lòng yêu thương. Hãy mở rộng trái tim yêu thương cư xử, bao dung, tha thứ và hài hòa trong nếp sống giữa tình người với nhau.
- * Hãy quán chiếu thật sâu vào tâm thức để nhận diện thấy rõ hạt giống sân hận và nêu chuyển hóa nó ngay từ trong trứng nước.

Đại khái đó là 4 nguyên tắc chính yếu mà Phật tử nên cố gắng thực tập một cách thường xuyên. Có thể, thì thói quen giận túc của Phật tử sẽ từ từ lắng dịu lại và một ngày nào đó tự nó sẽ yếu dần không còn bộc phát mạnh bạo làm Phật tử đau khổ nữa. Mong Phật tử chịu khó thực tập thường xuyên để có được đời sống an lạc và hạnh phúc. Kính chúc Phật tử sẽ gặt hái thành công trong sự chuyển hóa tu tập này.

(còn tiếp)



Cám Ơn Người

Cám ơn người đã cho ta những lời chân thật

Là những lời xuất phát từ trái tim

Ta ghi nhớ những lời người tâm sự

Xin người chờ lo toan hay tư lự

Hãy vươn lên trong cuộc sống thăng trầm

Bến giác kia còn hãi quá xa xăm

Nhưng nếu khéo kiềm tầm không xa quá

Lời người nói tình thương là cao cả

Chớ đắm mình trong biển ái đau thương

Vì cõi đời là muôn nỗi vấn vương

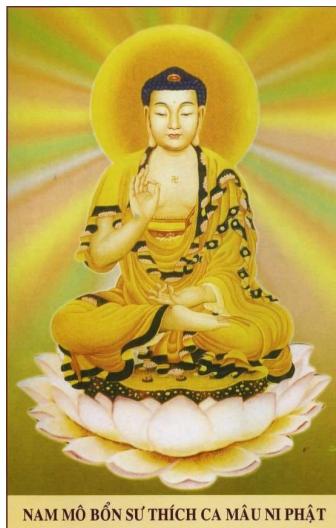
Hãy giải thoát khỏi tình trướng trong muôn thuở.

Tịnh Đức

Đạo Phật là một tôn giáo?

Nhiều người thường cho rằng Đạo Phật là một tôn giáo. Tôn giáo được định nghĩa là sự phục vụ và sùng bái Thượng đế hay diễn tả những hình thức tôn thờ, phục tùng mệnh lệnh thần thánh trong việc theo đuổi một lối sống. Nhưng nếu theo nghĩa này thì đạo Phật không được kể là một tôn giáo, mà đạo Phật là đạo Phật, hay nói cách khác là con đường sáng suốt đưa chúng sanh đến nơi giác ngộ, giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời. Bởi vì đức Phật không chủ trương có một vị Thượng đế, hay đáng tạo hóa toàn năng, cho những mệnh lệnh, bắt buộc con người phải tuyệt đối tuân theo. Chính đức Phật đã dạy: "Ta là Phật đã thành và tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành." Vì vậy, Đức Phật không cho mình là vị Thượng đế. Ngài đã thừa nhận, mình là một con người được sanh ra cách đây hơn hai ngàn rưỡi năm, vào thời xưa ở Ấn Độ. Ngài là một vị hoàng tử, đã sớm từ bỏ cung điện, để dấn thân vào con đường khổ hạnh vùi thân vào núi rừng Tuyết lanh, suốt mươi một năm trưởng ròng rã để đi tìm con đường cứu khổ cho nhân loại và đã hoàn thành sự giác ngộ dưới cội Bồ đề. Sau khi thành xong đạo cả, Ngài đi khắp xứ Ấn Độ, suốt 49 năm thuyết pháp, độ đủ tất cả hạng người, không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn, từ vua chúa đến kẻ ăn xin bần hàn. Ngài thuyết giảng hết tất cả các khám phá của Ngài về chơn lý vũ trụ và ý nghĩa thực tế của đời sống con người. Do đó, Đức Phật là một ví dụ điển hình cho những gì mà con người có thể đạt thành, khác xa với Thượng đế. Hình ảnh Đức Phật mà chúng ta thấy trong các chùa, được xem như là một kỷ niệm hay là một sự tưởng nhớ đến sự giác ngộ mà con người có thể đạt thành giống như Đức Phật. Cho nên, trước tiên, nó có ý nghĩa tôn kính hơn là sự thờ cúng, mặc dù sự thờ cúng cũng không cấm đoán.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật đã làm sáng tỏ ý nghĩa đó như sau: "Nếu kẻ nào dùng sắc tướng mà thấy ta, dùng âm thanh mà câu ta, thì người ấy tu theo đạo ta và không bao giờ thấy



được Nhu Lai."

Đức Phật đã khám phá được gì trong khi Ngài đã hoàn thành sự giác ngộ ? Để trả lời câu hỏi này chúng ta thử lấy một ví dụ như sau:

Một hôm, con éch mẹ nhảy ra khỏi ao nước, đạo đi một vòng rồi trở lại bờ ao, nó muốn kể lại cho các éch con ở dưới ao nghe những gì mà nó đã thấy biết, nhưng nó không thể nào làm cho các éch con ở dưới nước hiểu được ánh nắng ám áp và cơn gió mát nhẹ đáng yêu mà nó đang có. Nhưng éch con sẽ bất chợt nhận ra được những gì mẹ chúng muốn nói khi chúng biết dùng đôi chân dài nhảy ra khỏi nước lên tận trên bờ ao và lúc ấy, chính chúng mới cảm thấy được ánh nắng và làn gió nhẹ kia.

Đức Phật đã tìm thấy rằng ngôn ngữ loài người không đủ để diễn tả trạng thái giác ngộ. Mọi người phải tìm sự giác ngộ bằng chính những kinh nghiệm riêng của mình. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Đức Phật không nói gì hết. Sự thật, những lời dạy của Ngài rất

phong phú, bao la mà không ai có thể tóm tắt hay cô động lại trong một cuốn sách được.

Đức Phật đã dạy chúng ta hai điều khám phá cơ bản:

- Khám phá thứ nhất là: thế giới loài người đang sống chỉ là một phần rất nhỏ của toàn thể vũ trụ và nó đã hoàn thành từ lâu. Do sự lầm lẫn mà con người tiếp nhận những kiến thức lệch lạc và rất thiếu sót.

- Khám phá thứ hai là con người có khả năng khám phá đầy đủ và chính xác về vũ trụ. Do đó, con người có thể giải thoát chính mình và tất cả những nỗi khổ đau, kể cả sự chết chóc mà kết quả không sai lạc.

Trước khi đi vào vấn đề triết lý cao siêu này, chúng ta thử đặt câu hỏi: Có những thứ gì ở

trong khoảng không gian trước mắt chúng ta không? Nếu chúng ta là những người đã sống cách đây hàng trăm thế kỷ về trước, chúng ta đều trả lời là không. Không có gì, nó chỉ trông rỗng. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta lại trả lời mỗi người một cách khác nhau. Có người bảo có không khí, hơi nước, khí oxy, khí hydro, nitro dạng hơi nước. Một em bé chừng 7, 8 tuổi không ngạc nhiên cũng trả lời có làn sóng điện phát thanh bởi vì khi mở radio hay Tivi, em nghe tiếng nói, nhà y học bảo có vi trùng, vi khuẩn. Nhà vật lý học bảo có nguyên tử, điện tử, tia rayon X, tia vũ trụ và các khoa học gia khác tỏ ra bối rối trước sự tân tiến của loài người.

Như vậy, khoảng không gian có nhiều thứ và nhiều sinh vật hoạt động, nhưng mắt thường con người không bao giờ thấy hết được. Con mắt loài người không thấy được hoàn toàn vũ trụ mà chỉ thấy được thế giới rất thiêu sót và sự truyền thông đến chúng ta cũng không được đầy đủ lắm.

Một ví dụ khác, khi nhìn vào con người, phần nhiều chúng ta đều cho rằng con người là một thể xác rắn chắc, nhưng thực tế mà nói nó chỉ là một tổ hợp bao gồm nước, khoáng chất như calcium, phospho, sắt và các chất hơi khác. Nói một cách khác, cơ thể con người chỉ là một khối nước bị ô nhiễm cao thì đúng hơn là một thể xác rắn chắc. Mắt thường chúng ta không cho chúng ta thấy được cảm giác đó.

Hai ngàn năm trăm năm về trước, Đức Phật gặp rất nhiều khó khăn trong việc thuyết phục con người tin rằng mắt họ không cho họ thấy được một quan điểm về toàn thể vũ trụ và điều đó, họ đã sai lầm. Ngày nay, con người đã tiến bộ. Những năm gần đây, khoa học đã cho phô biến một sơ đồ quang phổ điện tử và theo sơ đồ này thì con mắt loài người chỉ thấy được một phần nhỏ của vũ trụ mà chúng ta gọi là vùng ánh sáng có thể thấy được. Con mắt chúng ta thấy xa còn thua cả loài chim cú ban đêm và loài chim ưng ban ngày. Không những mắt chúng ta bị giới hạn mà ngay các giác quan khác cũng thế. Theo sơ đồ tiếp nhận âm thanh, tai con người nghe còn thua cả loài chó và loài cá heo. Một con chó có thể nghe được tầng số âm thanh từ 15,000 chu kỳ trên một giây đến 50,000 chu kỳ trên 1 giây. Cá heo có thể nghe được tầng số âm thanh từ 300 chu kỳ trên một giây đến 150,000 chu kỳ trên 1 giây. Trong khi con người chỉ nghe được từ 20 chu kỳ trên

mỗi giây đến 20,000 chu kỳ trên 1 giây. Như vậy, loài chó và cá heo có biên độ âm thanh nghe cao hơn loài người. Do đó mà các loài dã thú có cơ hội tốt để sống lâu hơn loài người.

Các giác quan của con người cũng góp phần rất ít trong việc truyền thông, ngay cả khứu giác và vị giác của con người cũng rất thấp đối với loài vật. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã nói rằng: Thế giới mà loài người nhận ra chỉ là một phần nhỏ của vũ trụ và rất thiêu sót. Sự truyền thông thì hầu như bị lệch lạc và con người bị làm lẩn kinh khủng. Có người lại hỏi rằng, những điều gì đã tạo nên sự sai lầm đó?

Đức Phật đã dạy: “Nhiều thế kỷ trước, con người không có loại kiến thức về vũ trụ mà chúng ta có ngày nay. Tuy nhiên, họ có thể sống lâu hơn và đời sống có nhiều hạnh phúc hơn chúng ta”. Lập luận này có thể rất đúng, nhưng trước khi chấp nhận, chúng ta thử xét đến một câu chuyện cổ nổi tiếng ở Ấn Độ mà nhiều người đều biết. Đó là các kẻ mù rò voi.

Xưa có một ông vua cho tụ tập lại một số người mù và không có ý niệm gì về con voi cả. Nhà vua bảo đứng chung quanh con voi và mỗi người rò vào những phần khác nhau của con voi. Nhà vua nói với họ đây là một con voi. Bây giờ mỗi người hãy cho biết con voi giống như cái gì? Một người mù sờ vào sườn voi thì nói voi giống như bức tường. Một người khác ôm cái vòi rồi giựt mình sợ hãi, nói giọng run run: Ô nó giống như một con rắn khổng lồ. Người khác sờ soạng đuôi voi rồi cãi lại: Không phải, nó giống như dây thừng hoặc cây chổi cùn. Một người lùn nhất chỉ ôm được chân voi phát giác nó giống như một thân cây to hay như một cây cột đình.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy có một điểm rất quan trọng là mỗi người chỉ nhận biết được một sự thật mà họ đã sờ được, nghĩa là chỉ một phần chứ không phải toàn thể con voi. Và nếu để mỗi người khám xét hết cả phần của con voi như nhau, thì họ sẽ trả lời đúng như nhau chứ không sai. Hơn nữa, mỗi người mù lại nghĩ rằng họ đang khám xét hết toàn thể con voi, do đó sự tìm kiếm của họ trở nên sai, tất nhiên, sự trả lời của họ làm sao đúng hoàn toàn được và sự phản ứng của họ như sợ hãi một con rắn khổng lồ cũng không chính xác mấy. Cho nên giác quan chúng ta tiếp nhận một sự truyền thông lệch lạc, không đầy đủ, không chính xác, có thể rất nguy hiểm.

Một ví dụ khác. Con người không thể tránh được bệnh cúm bởi vì họ không thấy được vi khuẩn dày đặc ở trước mặt họ và họ cứ đi về phía trước để đồng hóa với chúng. Nhân loại tạo ra những vấn đề chủng tộc do sự khác biệt một ít màu da, không biết về những cơ bản mà chúng ta cùng có, đó là 65% phần trăm nước bì ô nhiễm cao. Con người tranh đấu lẫn nhau là do sự tranh giành quyền lợi giữa chủ quan tôi và khách quan anh, không biết rằng sự phân biệt giữa tôi và anh là một tư tưởng sai lầm mà các giác quan chúng ta tiếp nhận một kết quả truyền thông lệch lạc, thiếu sót do sự phiên dịch của cơ quan chỉ huy là não bộ. Để đả thông điều này, chúng ta nhận thức rằng chúng ta đã bị lừa gạt bởi các giác quan và cơ quan não bộ. Chúng ta không có may mắn để đời sống thay đổi và giải thoát được những nỗi khổ của chính chúng ta, cũng như toàn thể nhân loại, kể cả định luật tử sinh. Nhưng nếu có người lại hỏi rằng liệu con người có thể khám phá được toàn thể vũ trụ không? Đức Phật dựa trên cơ bản kinh nghiệm riêng. Ngài đã cho biết ở phần khám phá thứ hai là sự hoàn toàn giác ngộ hay Phật tánh của con người có khả năng biết được toàn thể vũ trụ bao la như Ngài đã trải qua. Con người chỉ vì bị màn vô minh che lấp cái Phật Tánh sáng suốt, cho nên không thấy được đầy đủ toàn thể vũ trụ. Một khi con người đã hoàn toàn giác ngộ, màn vô minh sai trái không còn, Phật Tánh sáng suốt hiện ra, có thể khám phá được toàn thể vũ trụ một cách dễ dàng... Vậy Phật tánh đó là gì ? Phật tánh đúng nghĩa là trạng thái giác ngộ hoàn toàn mà con người không thể nào dùng kiến thức để tìm hiểu hay ngôn ngữ để bàn cãi được. Con người chỉ có thể nhận ra được bằng những kinh nghiệm tu tập của riêng mình. Chúng ta biết rằng Đức Phật đã dạy mỗi chúng sinh đều có Phật tánh như nhau. Mỗi loài đều biết ham sống, sợ chết. Cho nên, sự sống rất cần thiết, không nên giết hại lẫn nhau. Do nền tảng này, Đức Phật đã cho chúng ta một sự lạc quan, lòng can đảm, lòng trắc ân và tình yêu nhân loại, chúng sanh.

Mặc dù Phật tánh không tìm hiểu được, nhưng Đức Phật đã dạy chúng ta biết được ít nhiều về những nét cơ bản của nó. Đó là giải thoát sự ràng buộc mọi hệ lụy hàng ngày trong đời sống chúng ta và giải thoát sự giới hạn trong không gian và thời gian.

Phật tính của con người không giới hạn trong không gian.

Chúng ta thử lấy một ví dụ về khả năng nghe của con người. Con người có thể nghe một tiếng sấm nổ di động trong mây, xa nhất là vài dặm. Nhiều thế kỷ trước, không ai nghi ngờ về sự giới hạn nghe này, ngày nay thì sự tin tưởng của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Từ môn sinh vật học, chúng ta biết rằng không có sự khác biệt cơ bản nào giữa lỗ tai con người và dụng cụ máy móc điện hay điện tử hiện nay. Vì vậy, khi phát minh ra điện thoại, thì khoảng cách nghe của con người được thay đổi và tăng lớn hơn. Chúng ta có thể nói rằng: đó là sự kết hợp giữa tai và điện thoại.

Từ khi người Mỹ đầu tiên đặt chân lên mặt trăng thì khoảng cách nghe này được nói rộng chừng một phần tư triệu dặm do sự ứng dụng các loại máy điện hay điện tử để nối rộng lỗ tai vật lý của con người. Điều này biểu hiện là con người có thể nghe mà không bị giới hạn bởi khoảng cách, nó chỉ tùy thuộc vào loại dụng cụ sử dụng và cách sử dụng.

Phật tính không bị giới hạn thời gian. Chúng ta biết từ lâu trong giác mộng chúng ta có thể thấy và nói chuyện với một vài người đã chết, nhưng chúng ta nói rằng nó chỉ là một giác mộng, không có thực trong đời sống. Tuy nhiên ngày nay, nhờ sự kích thích dòng điện vào các tế bào não bộ, con người có phản ứng hốt hoảng và không chỉ có thể nghe thấy không cần đến mắt, tai vật lý mà còn có thể bộc lộ những biến cố sống động đã xảy ra trong quá khứ. Xa hơn nữa, các tế bào não bộ hoạt động song song, cho nên một số biến cố có thể hiện ra cùng một lúc như các bóng đèn điện ghép song song cùng cháy lên một lượt khi mạch điện mở ra. Điều này đã mang lại cho con người có một sự hiểu biết tiến gần hơn những gì mà Đức Phật đã mô tả trong quá khứ, hiện tại và vị lai, có thể hiện ra trong một lúc. Do đó, Phật tính không có giới hạn thời gian.

Khoa học hiện đại đã góp phần rất lớn trong việc truyền thông, làm sáng tỏ sự khám phá của Đức Phật mà Phật tánh con người không có giới hạn và nhờ đó, con người có khả năng khám phá nhiều hơn về toàn thể vũ trụ, không cần đến sự giúp đỡ của năm giác quan và não bộ. Xa hơn nữa, khoa học hiện đại đang trên đà phát triển, mọi lý thuyết và máy móc càng lúc càng phức tạp với sự tiếp xúc của con người và sự hiểu biết về vũ trụ. Ở diện này chúng ta càng tin tưởng mãnh liệt vào lời giảng dạy của Đức Phật. Vậy trong tương lai,

sự phát triển khoa học hiện đại có thể đưa con người gần trạng thái giác ngộ để mở ra cái Phật tính của họ mà Đức Phật đã hoàn thành xuyên qua thiền định không?

Chúng ta có thể nói có và không. Nói có bởi vì kiến thức khoa học và sự phát triển kỹ thuật đã giúp cho con người hiểu biết nhiều hơn về vũ trụ. Ví dụ, ngày nay khoa học làm thí nghiệm dễ dàng, nhiều hơn là chúng ta giải thích những khám phá của Đức Phật.

Chúng ta nói không bởi vì chiều hướng của khoa học vẫn còn hoạt động trong phạm vi ràng buộc của trái đất mà con người đã nhận biết. Ví dụ: vận tốc có giới hạn. Hiện nay, không có vật gì di động nhanh hơn vận tốc của ánh sáng 186,000 dặm trong một giây. Một ví dụ khác là số zero tuyệt đối. Không có vật nào trong vũ trụ có nhiệt độ lạnh hơn dưới 459 độ F.

Những ví dụ trên cho thấy rằng sự thật mà sinh hoạt khoa học vẫn còn làm việc trong phạm vi trái đất được bộ óc con người ngự trị. Có một sự giới hạn khác mà chúng ta tin rằng nghiêm trọng hơn tất cả những giới hạn vật lý: đó là ý niệm chấp về cái ngã như một nhân tính hay chủ thể, nó là trung tâm của mỗi sinh hoạt khoa học, giống như các nhà thần học phải làm việc trong phạm vi ý niệm của thượng đế. Ngoại trừ khoa học phá vỡ xuyên qua được bức rào giới hạn. Khoa học chỉ có thể giúp chúng ta hiểu biết một cách rộng rãi những gì về một người giác ngộ như Phật đã nói nhưng nó không thể đưa chúng ta đến trạng thái giác ngộ. Chúng ta cần phải thực hành những phương pháp của Phật dạy. Tuy nhiên sự trợ giúp của kiến thức khoa học cũng giống như sự trợ giúp của chiếc thuyền máy đưa con người đến bờ đại dương mênh mông một cách dễ dàng hơn là nương tựa vào một chiếc thuyền buồm của hàng trăm năm về trước.

Vậy những phương pháp nào mà Đức Phật đã dạy?

Trong thực tế có rất nhiều phương pháp, nhưng phương pháp cơ bản là thiền định. Thiền định có nghĩa là một sự thực hành về trạng thái tập trung hoàn toàn tư tưởng. Có nhiều loại thiền định, nhưng chúng ta thử thực hành một phương pháp đơn giản nhất là đếm hơi thở. Phương pháp này gọi là số túc quán. Theo phương pháp này, chúng ta hít vào và thở ra suốt thời gian, nhưng không bao giờ để

ý đến nó. Cố gắng đếm hơi thở và chỉ đếm khi chúng ta hít vào mà thôi. Chúng ta thở đều không được vận dụng trí óc thở ra hay hít vào quá mạnh. Chúng ta đếm từ 1 tới 10 rồi bắt đầu đếm lại từ 1. Mỗi ngày tập làm trong 15 phút và lần lần nói rộng trong thời gian lâu hơn. Chúng ta có thể thực hành phương pháp này bằng nhiều tư thế khác nhau như nằm chổng hông nhưng tư thế tốt nhất là ngồi kiết già, nghĩa là gác gót bàn chân trái lên trên bắp về mặt và bàn chân mặt trên bắp về trái, giữ cho thân thể thẳng đứng, không được dựa lưng vào tường hay ghế, bàn tay mặt để trên bàn tay trái sao cho hai đầu ngón tay cái chạm vào nhau và đặt xuống chỗ chân để treo, đôi mắt mở lim dim, nhìn thẳng theo đầu mũi chúng ta.

Ở giai đoạn đầu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc đếm từ 1 đến 10, bởi vì trí óc chúng ta luôn luôn xáo trộn và nhiều khi đang đếm nửa chừng rồi bị quên mất số đếm. Trong trường hợp này, chúng ta lại đếm từ 1 trở đi. Thật khó để diễn tả những kinh nghiệm linh hoạt mà chúng ta có sau nhiều ngày tu tập, chẳng hạn như sự chi phối về cách đếm hơi thở và cảnh vật thế giới bên ngoài đều biến mất, chỉ còn lại hoàn toàn sự hiểu biết. Sự cù động nhẹ nhàng này sẽ là một kinh nghiệm phi thường cho chúng ta tràn đầy niềm vui và sự khoan khoái ở tâm hồn. Tuy nhiên, vừa khi chúng ta trở lại cái ý thức hay tri giác chính chúng ta thì chúng ta mất đi cái kinh nghiệm ấy túc khắc. Chúng ta phải mất nhiều ngày tu tập, kinh nghiệm đó mới có trở lại. Những loại kinh nghiệm này sẽ nhắc lại nhiều lần cho những giai đoạn càng lúc càng lâu hơn. Dám mây vô minh bắt đầu mỏng dần và biến mất nhường chỗ cho ánh sáng mặt trời giác ngộ lan dần khắp đó đây, một nền tảng tốt được thiết lập và chúng ta chuẩn bị cho sự đạt thành tựu chổ đại định. Sự giác ngộ có thể còn xa nhưng cơn gió thiền đã đầy nhẹ cánh buồm nghiệp chướng chúng ta lướt nhanh qua sông mê, bê khố.

Để hỗ trợ cho việc thiền định, chúng ta còn cần phải nhờ đến hai điều kiện cơ bản khác:

- **Điều cơ bản thứ nhất là Bồ thí**, nghĩa là ban cho. Trong Phật giáo có ba loại bồ thí. Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Tài thí là đem của cải, tiền bạc, quần áo, thuốc men, thức ăn và các đồ cần dùng khác giúp đỡ cho những người thiều thốn, đói khô.

Pháp thí là đem sự hiểu biết về Phật pháp hay kiến thức mình có, giúp đỡ người khác làm cho họ thoát khỏi sự ngu dốt, ràng buộc.

Vô úy thí là làm cho người khác thoát khỏi sự sợ hãi của bất cứ sinh vật nào.

Chìa khóa của sự bồ thí là KHÔNG. Nghĩa là không phải mình cho kẻ khác những gì mà mình đòi sự đền ơn hay phần thưởng cho cá nhân mình. Đối với người giác ngộ, bồ thí là một hành động tự nhiên được phát khởi từ lòng từ bi. Đối với người thường như chúng ta thì bồ thí là sự huân luyện cái ngã nhầm giảm bớt cái ý niệm lừa dối, chấp ngã mà nó làm gốc rễ của tất cả sự đau khổ của con người. Như Đức Phật đã nói: Chúng ta bị màn vô minh che lấp Phật tính và ý niệm chấp ngã xấu nhất đã đâm rẽ chằng chịt cho nên lòng vị kỷ là điều cản trở xấu nhất đối với sự giải thoát. Bồ thí là luồng gurom sắc bén giết chết lòng vị kỷ ấy. Thành thật mà nói thì mỗi chúng ta đều có một lần đại bồ thí xảy ra trong cuộc đời mình, nghĩa là khi chúng ta chết, lúc ấy, chúng ta từ bỏ hết tất cả, không mang theo một thứ gì, dù là tình thương yêu nhỏ mọn đi nữa, nhưng rất có ít người nhận ra sự thực này. Do đó, sự đại bồ thí này là một sự bắt buộc và đau lòng. Nếu chúng ta tập làm hạnh bồ thí trong đời sống hằng ngày thì chúng ta cảm thấy rằng sự bắt buộc và đau lòng kia sẽ giảm bớt đi nhiều.

- Điều cơ bản thứ hai là chính chúng ta phải tự giải thoát mọi sự ràng buộc vật chất hằng ngày. Để hiểu rõ điều này, chúng ta sẽ lấy một ví dụ về câu chuyện cổ xảy ra ở Trung Hoa hàng ngàn năm về trước. Trong thời kỳ này, xã hội Trung Hoa bị ràng buộc bởi những luật lệ phong kiến khắc khe về luân lý giữa nam và nữ. Những người con gái ít khi đi ra khỏi nhà của họ trước khi lấy chồng và cộng thêm giới luật nghiêm khắc của Phật Giáo. Giới cấm của Phật không cho phép được cưới giốn hay đụng chạm vào thân thể đàn bà, hoặc phơi bày ngực, chân trước người nữ. Nếu phạm vào các điều này gọi là phạm giới cấm.

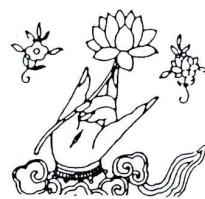
Có hai nhà sư trẻ tuổi, mỗi người đều trải qua những năm tu hành giới luật và đã am hiểu rành về giới luật. Một ngày nọ, cả hai cùng du ngoạn. Khi đến một khúc sông thì trời đã về chiều, lại không có thuyền bè gì để qua sông cả. Sông không sâu, có thể lội qua được, nên hai vị cùng lội qua. Bỗng có một cô gái trẻ

cũng cố gắng lội qua nhưng thật khó khăn, nhiều lần suýt ngã và có thể bị nước cuốn. Lúc ấy thì một trong hai vị sư tiến lại gần và đưa lưng cõng nàng kia lội qua sông. Vị sư kia trông thấy hết sức ngạc nhiên về hành động của bạn. Ông ta cảm thấy bức bối và chán nản tột độ khi phải đi theo sau vị sư nọ. Sau khi đến bờ, vị sư để cô gái xuống, rồi tiếp tục đi, còn cô gái thì ở lại.

Trong cuộc hành trình, nhà sư kia không quên được hành động của bạn mình vừa qua, làm sao mà không phạm vào điều giới cấm mà mình đã thọ từ nhiều năm qua và nếu không có mình thì ông bạn mình sẽ phạm vào những tội khác nặng hơn nữa. Trời đã tối, họ gặp một ngôi chùa hoang, quá mệt mỏi, họ cùng vào chùa ngủ đêm. Nhà sư thứ nhất, vừa nằm xuống là ngủ ngay, riêng nhà sư thứ hai thì không sao ngủ được. Trước tiên, ông bức mình và cảm thấy xấu hổ cho sự đệ của mình đã phạm vào trọng tội, ông cố cầu nguyện cho sự đệ mình bớt tội và vì vậy ông không tài nào ngủ được. Trời gần sáng, nhưng ông vẫn còn nghe tiếng ngáy của vị sư kia nên giận dữ lay mạnh để đánh thức. Vị sư kia giật mình hỏi: “Cái gì vậy sư huynh? Tại sao sư huynh không ngủ?” Vị sư kia gắt: “Ông biết tôi đang làm gì không? Giới luật của chúng ta là gì? Làm thế nào mà ông lại có thể cõng cô gái qua sông? Tôi không thể ngủ được, tôi cầu nguyện cho ông mong ông giảm bớt tội lỗi, nhưng ông nào có để ý gì đâu?” Vị sư kia nói ngay: “Ô hay, sư huynh đang nghĩ về người con gái hôm qua à? Tôi đã bỏ cô ta từ khi chúng ta đến bờ sông rồi, sao sư huynh cứ còn mang cô ta trên lưng hoài vậy?”

Như vậy, rõ ràng Đạo Phật không phải là một tôn giáo, mà là một con đường sáng đưa chúng sanh từ chỗ u tối, mê lầm chấp trước khổ đau đến nơi giác ngộ giải thoát yên vui. Lúc nào cũng từ bi hỉ xả đối với mọi loài. Mỗi khi có một chúng sinh biết thực hành lời Phật dạy phá vỡ được màn vô minh phiền não, nhận ra được Phật tính của mình, sẽ giác ngộ thành Phật như Đức Phật vậy.

Đồng Minh



Tai Hại Của Việc Bài Bạc

Bài bạc ham chi phải khổ thân
Người xưa thường nói bác thằng bần
Khi thua nỗi nóng không cần biết
Xách súng bắn nhau chỉ một lần
Cả mấy mạng người trong nháy mắt
Ăn, thua cũng chết bởi tham, sân
Vợ con nheo nhóc trong buồn tủi
Cha mẹ thương con chẳng phước phần

Bài bạc ham chi phải khổ thân
Người xưa thường nói bác thằng bần

Từ xưa, cờ bạc cũng là một cách tiêu khiển giải trí của con người. Lúc đầu, người ta chơi để giải trí trong lúc nhàn rỗi. Nhưng về sau, thì cờ bạc lại trở thành ăn thua với nhau. Cờ cũng có nhiều loại và nhiều cách chơi. Choi cờ cũng là một cái thú tiêu khiển có sự tính toán cao thấp của nó. Ở đây, tôi không muốn nói đến việc đánh cờ, mà tôi chỉ muốn nói đến tai hại của việc đam mê bài bạc mà thôi. Bài bạc là trò đỏ đen mà nhiều người rất đam mê say đắm. Có nhiều loại đánh bạc, tùy theo sở thích của mỗi người. Bài bạc cũng có sự toan tính thấp cao và thỉnh thoảng cũng xảy ra việc gian lận. Tùy theo mỗi sòng bài lớn nhỏ, và hợp pháp hay không hợp pháp. Hợp pháp là sòng bài có được phép của chánh phủ sở tại chấp thuận. Họ có giấy phép hành nghề. Họ mở ra những sòng bạc lớn như Casino chẳng hạn. Nhiều người ghiền bài, trở thành tân gia bại sản. Bởi thế, mà người xưa mới nói: “bài bạc là bác thằng bần”. Không có ai theo nghiệp đỏ đen mà làm giàu cả. Sạch túi, nhà cửa tài sản tiêu tan thì có. Chung quy, cũng chỉ vì lòng tham muốn hốt hết tiền bạc của người ta. Mình hốt của người ta không được, thì người ta hốt hết lại của mình. Ban đầu vào sòng bài ai cũng muốn thử vận may. Có người may mắn lần đầu hốt được một mớ tiền. Ăn quen bắt bén, lần sau thì người ta hốt lại. Ăn thua là chuyện bình thường, có gì mà phải sợ. Vì không sợ nên thường xuyên đến Casino. Từ đó, bao nhiêu tiền bạc lần đến tài sản đều tiêu tan hết. Thế mới biết ông cha mình nói không sai: “bài với bạc là nhân nạn khổ, bài xô người vào chỗ u minh. Mê bài chẳng nghĩ đến tình, khi thua sạch hết gia đình tiêu tan”. Đã trắng tay rồi, thì nghĩ đến tiền vay bạc hỏi nợ nần chòng chát, lãi mẹ sanh ra lãi con, lãi con sanh ra lãi cháu chát. Đến đổi không còn phương cách nào trả nổi, dù có bán hết tài sản cũng không trang trải hết nợ nần. Từ xưa tới nay, chưa từng nghe và

chồng chát, hết phương trả nổi. Đã có lắm người lâm vào hoàn cảnh ở bước đường cùng như thế. Nếu ai đã lỡ ghiền bài, thì nên nghe theo lời khuyên của người xưa mà sớm mau từ bỏ. Vì cờ bạc là một tai hại rất lớn, chẳng những cho bản thân mình mà còn liên lụy đến gia đình vợ con mình và xã hội nữa.

Khi thua nỗi nóng không cần biết
Xách súng bắn nhau chỉ một lần

Bài thơ này tôi viết, khi nghe vụ việc xảy ra bắn giết nhau tại sòng bài ở trong vườn nhẵn, tại ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi - Việt Nam. Sự việc xảy ra vào lúc 1 giờ chiều ngày 29/1/2020. Đánh bài, lúc thua nhiều, người ta hay dễ nổi nóng, khó kèm chế được cảm xúc nóng giận sân hận của mình. Từ đó dễ gây ra chuyện xảy ra chẳng lành. Chuyện xảy ra rất thương tâm, đã gây xôn xao trong cộng đồng mạng. Số là, anh Lê Quốc Tuấn (còn gọi Tuấn Khi) là một thượng sĩ công an ở Việt Nam vì thua bài nên dùng súng AK bắn chết 5 mạng người và hai người khác bị trọng thương. Đây là một hậu quả tai họa rất lớn của việc bài bạc.

Cả mấy mạng người trong nháy mắt
Ăn, thua cũng chết bởi tham, sân

Đối với những kẻ ham mê bài bạc, cũng do lòng dục vọng tham lam muốn ăn thua mà ra. Ăn thì vui, thua thì buồn. Đây là trạng thái tâm lý bình thường của con người. Họ bị con ma tham lam sai sứ, thúc giục họ bước chân vào sòng bài. Khi chơi, ai cũng đều khởi niệm muốn ăn thua với nhau cả. Nhất là những người có máu nóng đỏ đen, thì càng thua, họ lại càng đánh lớn. Người nào cũng khởi lòng tham, muốn lấy sạch túi của người khác. Có ai vào sòng bài mà không muốn ăn thua bao giờ. Chính niệm tham lam hơn thua này, khi đã thua trắng tay, thì lại sanh ra nhiều tật xấu. Như náo là gian lận, tranh cãi, đánh đập, đâm chém, bắn giết nhau v.v... Có người vì thua quá phải tiền vay bạc hỏi nợ nần chòng chát, lãi mẹ sanh ra lãi con, lãi con sanh ra lãi cháu chát. Đến đổi không còn phương cách nào trả nổi, dù có bán hết tài sản cũng không trang trải hết nợ nần. Từ xưa tới nay, chưa từng nghe và

cũng chưa từng thấy ai chơi bài bạc mà làm giàu cả. Nghèo sạt nghiệp tiền khô cháy túi thì có. Chỉ làm khỗ cho vợ con thôi. Cha mẹ vô phước có những đứa con bất trị đam mê bài bạc. Thật là tủi nhục! Đã giết người thì làm sao thoát khỏi cái chết? Cuối cùng, Tuấn Khi cũng phải trả cái quả báo đã gây, là bị công an bao vây bắn chết. Đó là hậu quả lầm tang thương bi đát của việc đam mê bài bạc.

*Vợ con nheo nhóc trong buồn tủi
Cha mẹ thương con chẳng phước phần.*

Ngày nay, quốc gia nào cũng có tổ chức những sòng bài lớn công khai. Họ trang bị cảnh trí thật hấp dẫn lôi cuốn, để cho dân chúng đến chơi. Tiếng Anh gọi những sòng bài bạc này là Casino. Có biết bao người chết dài dài vì những sòng bài này. Dù là những tay chuyên nghiệp, sành điệu tú đốt tường, cũng phải bỏ mạng sa trường, khó thoát khỏi bàn tay hung thần đỏ đen. Biết bao gia đình tan nát cũng vì nó.

*Casino thần kỳ quyến rũ
Vào trong đây bày đủ trò chơi
Thứ may thời vận đổi đời
Đổi đâu chưa thấytoi bời nát tan
Biết bao kẻ khóc người than!
Bao nhiêu tài sản tiêu tan chẳng còn
Cả đời cực khổ mỏi mòn
Mà nay nướng sạch chẳng còn thứ chi!
Thua nhiều nỗi nóng sân si
Gây nên bắn giết khổ thi chòng thêm
Bởi do mê đắm tạo nên
Đồng tiền phi nghĩa có bèn được đâu
Bài bạc đau ốm buồn rầu
Tán gia bại sản còn đâu sống đời
Thở than ngược mặt kêu trời!
Trời nào cứu giúp khổ thời phải mang
Muốn cho hết khổ hết than
Quyết tâm từ bỏ cả làng vui tươi
Từ đây chẳng sợ người cười
Cải tà quy chánh trời người đều thương*

Lê Văn

Sám An Cư

*Cúi đầu lạy Phật mười phương
Tổ đình Phước Huệ lệ thường an cư
Nhớ lời chỉ giáo Tôn Sư
Giữ gìn ba nghiệp tịnh như gương dài
Công phu lễ bái hàng ngày
Bền lòng tinh tấn miệt mài học tu
Vô minh đau khổ ngục tù
Con nguyên thoát khỏi chẳng ưu phiền hà
Chí thành niêm Phật thiết tha
Tới lui chánh niêm Phật đà để tâm
Vọng niệm nhận rõ chẳng làm
Giác mê, mê diệt chẳng tam đau xa
Noi gương Phật Tổ Thích Ca
Làm lành lanh dũ vị tha muôn loài
Nguyện lòng giữ giới trì trai
Bước đi an lạc thăng ngay một đường
Huynh đệ vui sống tình thương
Nội quy gìn giữ hổ tương nhau làm
Sắc tài danh lợi chẳng ham
Thị phi phui sạch luận đàm mặc ai
Lục hòa nhó giữ hàng ngày
Thường hằng quán chiếu sáng soi lại mình
Trải qua nhiều kiếp điêu linh
Luân hồi sanh tử vọng tình chìm sâu
Nay nhờ Phật pháp nhiệm màu
Gắng công tu học bền lâu tháng ngày
Bao nhiêu nghiệp chướng nạn tai
Chuyên cần niệm Phật ngày ngày an vui*

P.T.



Tìm hiểu bí pháp trong Kinh Pháp Hoa

PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC 21



Thế nào là Như Lai thần lực ? Như Lai là như như bất động không sanh, không diệt, chỉ cho Phật. Thần lực là sức mạnh không thể lường được. Vậy Như Lai thần lực là sức thần thông của Phật không thể nghĩ bàn được. Đó là Đức Phật và các hóa thân đều thè lưỡi dài đến cõi trời Phạm Thiên và các lỗ chân lông của Phật phóng ra ánh sáng đủ màu, soi khắp mười phương thế giới, đồng thời tảng hắng và khảy móng tay làm vang khắp các cõi nước trong mười phương, đất đều sáu điệu vang động khiến chúng sanh ở các cõi đó đều vui mừng thấy suốt cõi Ta Bà và Đức Thích Ca, Phật Đa Bảo và các Hóa Phật cùng đại chúng đang cung kính vây quanh.

Theo Thiền sư Minh Chánh trong Pháp Hoa cương yếu thì trước khi nói Kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nhập định Vô lượng nghĩa xứ và phóng quang soi suốt một muôn tám ngàn cõi nước ở phương Đông từ cõi trời Hữu Đánh đến ngục A Tỳ đê làm tỏ cái kiến tánh nhân căn, khiến chúng sanh quay cái kiến tánh của mình mà nhìn lại cái bản tâm mình hầu biết được và đi vào con đường tri kiến Phật. Sau đó, Phật lần lượt mở bày cho thấy tâm với căn vốn là một, tri kiến chúng sanh và Phật giống nhau, thể và dụng không khác, cho đến sáu căn cũng đều là ứng dụng của tâm bốn lai thanh tịnh và tâm ấy rất quan trọng của tri kiến Phật. Mặc dù các đệ tử đã biết như vậy nhưng trong sáu căn họ không biết phải chọn căn nào để vào Phật tri kiến. Do đó, đến phẩm này Phật lại phóng quang rồi thè lưỡi dài tiêu biểu cho việc sắp nói đại pháp chưa từng có, đồng thời cho thấy khả năng của lưỡi diễn thuyết tiếng pháp đại thừa làm cho người nghe tâm liền tỏ ngộ, bởi vì lưỡi là mẹ của tâm vậy.

Tiếp theo đó, Phật tảng hắng và khảy móng tay tạo ra tiếng động, tức là cách chạm mặt tự thân giao phó đạo pháp. Nói cách khác, dùng tiếng đê làm tỏ cái tánh nghe của nhĩ căn. Nhĩ căn thì thường chiểu hoán toàn hơn hẳn các căn khác, cho nên mật khiến mỗi người tự tinh theo nhĩ căn nhập Phật tri kiến.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy phương pháp này là lối dạy chân chính về thể thanh tịnh, nằm tại chỗ nghe tiếng. Muốn giữ được chánh định thì phải thực hành theo cái nghe mới được. Ngoài ra Đức Phật còn dạy tiếp chỉ dùng nhĩ căn này từ cái viên thông vượt khỏi hữu dư niết bàn, nhưng Phật không dùng pháp âm để làm rõ nhĩ căn, tiêu biểu cho tướng ly ngôn thuyết túc là lìa lời nói, văn tự. Hơn nữa, dùng tiếng tảng hắng và khảy móng tay, làm sáng tỏ nhĩ căn, tiêu biểu cho cái tướng ly tâm duyên túc là lìa suy nghĩ. Như thế là chỉ cho thấy cái sáng suốt tròn đầy tánh nghe của nhĩ căn mà thôi.

Vậy thì việc các đức Phật đồng phóng quang cho đến cùng tảng hắng và khảy móng tay đều biểu trưng cho tất cả chư Phật mười phương cùng đồng thể một đạo và đồng thời cũng để làm tỏ cái tánh “kiến văn giác tri” rất linh thiêng sáng sủa của đệ tử đang nghe pháp đều cùng một lúc bùa kháp mười phương thế giới Chư Phật mà không chướng ngại. Do đó, trong Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo ông La Hầu La đánh chuông để hiển tánh nghe của nhĩ căn, còn ở đây Phật tảng hắng và khảy móng tay, cũng đều nói lên ý đó vậy. Hơn nữa trong câu: Chư Phật tảng hắng và khảy móng tay, tiếng ấy vòng quanh mười phương quốc độ đều nghe thấy.. cho thấy sự quan trọng của hai chử chu văn túc nghe vòng quanh và chữ tảng hắng ở đây còn có nghĩa là khiến mọi người biết rằng mình đã quay đầu. Khảy móng tay, ý nói quét sạch tất cả bởi vì ở chỗ Phổ quang minh trí thì không có pháp nào để nói cả.

Vậy thì đi ngay vào chỗ linh thiêng nghe tiếng động vòng quanh mười phương của nhĩ căn là đi ngay vào tự tánh bốn lai thanh tịnh của mình và người nghe theo đó mới thấy rõ mà ngộ nhập Phật tri kiến vậy.

Trong bài Thị Tịch Thiền sư Cửu Chỉ cũng đã nói lên ý đó như sau:

*Tỉnh thức thân tâm mãi lặng yên,
Thần thông biến hóa tướng nhiều thêm
Hữu, vô các pháp từ đây có,*

Thế giới hà sa khó biết liền
 Tuy cõi hư không đầy khắp cả,
 Xem ra mọi thứ không hình nguyên
 Muôn đời chưa dễ đến nơi ấy,
 Đến được, khắp nơi tỏa đạo thiền
 Đồng Minh dịch

Theo ý bài kệ thì thiền sư cho rằng thân tâm của người giác ngộ chỉ là nơi kết tụ sự vắng lặng, từ đó phát sanh phép màu biến hóa đủ mọi tướng. Các pháp hữu và vô cũng từ đó mà ra. Một khi mình đã giác ngộ thì dù thế giới này đầy cõi hư không, nhiều như cát sông Hằng không thể lường được, nhưng tự mình xem ra đều không có hình trạng gì cả. Từ nhiều đời đến giờ, khó có ai đến được, nhưng nếu đã đến được nơi đó thì bất cứ chỗ nào cũng đều là sáng sủa cả.

Theo ông Mai Tho Truyền trong Pháp Hoa huyền nghĩa cho rằng ở đây có hai hạng Bồ Tát: Một là từ đất vọt lên, hai là đương cơ, tức các vị đang nghe Phật thuyết pháp. Hạng từ đất vọt lên biểu trưng cho những đức tướng trong tâm của mỗi chúng sanh và bạch Phật trong câu mở đầu có nghĩa như sau: Trong tâm nào mà ánh sáng giác ngộ bị vô minh che lấp thì người tu muôn được thanh tịnh phải thọ trì, đọc tụng... kinh Pháp Hoa để gieo trồng đức tướng và có đức tướng là có thanh tịnh.

Hơn nữa, lưỡi rộng dài tiêu biểu cho tiếng pháp túc tiếng của lương tâm. Một khi nghe được tiếng pháp sẽ trở thành sáng suốt túc là phóng quang. Vì vậy, chỉ có những người cột tâm, trói ý hay nhập định mới nghe được tiếng pháp ấy mà thôi. Một khi nghe được rồi thì sức nghe thấy phát triển lạ lùng, đến nỗi nghe được những tiếng nhỏ nhất của cõi lòng như tảng hăng và khảy móng tay hoặc nghe lớn như trời gầm, đất lở lan khắp vũ trụ vô biên làm rung rinh quả đất, Đó là cái nghe, còn cái thấy thì thế nào ?

Đối với cái thấy thì cũng thần thông lạ lùng. Thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Thấy tâm nào cũng đều chứa đựng ánh sáng giác ngộ và hăng sa đức tướng. Lại thấy vô số chúng sanh đang tiến về ánh sáng giác ngộ túc Đức Phật Thích Ca, trước sau theo thứ bậc Bồ Tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam nữ. Vậy thì mỗi khi đã được nghe thấy rồi mới sinh tâm kính tin, như trong hư không có tiếng thúc giục rồi tự nhiên niệm Phật, quy ngưỡng cũng dường có nghĩa là khi hiến trọn đời mình cho

Phật thì sự giác ngộ noi mình trở thành rộng lớn soi thấy mươi phương thế giới thông suốt vậy. Như thế thì ở phẩm này ngoài việc đức Phật làm tỏ cái tánh nghe của nhĩ căn đề các đệ tử dựa vào nhĩ căn viên thông tu tập sớm được nhập vào tri kiến Phật, như tiếng tăng hăng và khảy móng tay, đồng thời Đức Phật cũng hiện bày cái tánh thấy thông suốt của nhĩ căn bằng cách phóng quang toàn thân và thè lưỡi dài cho thấy sự quan trọng của lưỡi, có khả năng nói đại pháp. Hơn nữa, tâm nói túc là lưỡi nói bởi vì tâm ta có nghĩ gì thì lưỡi ta theo đó mà phát ra lời, cho nên người xưa cũng đã dạy:

*Lời nói không mất tiền mua
 Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

Ý nghĩa phẩm kinh có thể như vậy. Nay giờ chúng ta hãy tìm bí pháp trong đó để áp dụng vào đời. Phẩm kinh này có những bí pháp như sau:

1. Thần lực của Như Lai hơn cả thần lực của Trời, rồng, quỷ thần.

Khi Đức Phật thè lưỡi ra, tảng hăng và khảy móng tay, ánh sáng và âm thanh đó đi xa đến tám mươi ngàn năm ánh sáng. Muốn hồi phục nơi phát xuất phải đợi đủ tám mươi ngàn năm ánh sáng. Cho nên chúng ta nói lời gì ra nó không mất và muôn bỗ lời đó phải đợi đủ tám mươi ngàn năm ánh sáng nó trở lại mới xóa đi được. Đó là thần lực của Phật, còn thần lực của chúng ta thì ít nhất cũng phải mất tám trăm năm ánh sáng. Như nguyên tố chất ngọt của trái vú sữa bị khô đi thì nguyên tố chất ngọt của nó đi vào không gian mãi tới 80.000 năm ánh sáng khi có một cây vú sữa khác được trồng và ra trái, nguyên tố chất ngọt sẽ trở vào trái vú sữa mới này. Nguyên tố chất ngọt của trái vú sữa đã trải qua tám mươi ngàn năm ánh sáng, hay ít nhất cũng phải tám trăm năm ánh sáng và nó quay trở lại theo vòng chu vi túc theo vòng trái đất hoặc vòng vũ trụ, cho nên trong kinh nói “Chu văn thập phương giới” nghĩa là nghe vòng quanh khắp mươi phương cõi hay mươi phương giới. Hơn nữa, các lỗ chân lông, cái lưỡi của Phật thè ra và tiếng tăng hăng, tiếng khảy móng tay của Phật, tỏa ra ánh sáng và âm thanh đã trải qua tám mươi ngàn năm ánh sáng và các chúng sanh ở các cõi đó nương theo ánh sáng này nhìn về cõi Ta Bà thấy hàng triệu Phật hóa thân đang ngồi tòa sư tử dưới cây báu, thấy Đức Phật Thích Ca đang ngồi chung tòa với Phật Đa Bảo trong tháp báu, cùng thấy vô số Bồ Tát và tú chúng

quay quanh, Lúc ấy hàng chư thiên ở giữa hư không của các cõi xa đó hướng về cõi Ta Bà xưng danh hiệu Phật Thích Ca và đem hoa hương, các vật báu với rải vào cõi Ta Bà để cúng dường đức Phật Thích Ca, Phật Đa Bảo và chư hóa Phật. bây giờ mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật, cho thấy không gian vô biên vậy.

2. Thần lực của Chư Phật trong mười phương đều như nhau.

Đức Phật Thích Ca đã nói rất rõ chư Phật trong mười phương vô lượng, vô biên. Thần lực của các Ngài cũng bất khả tư nghị. Dù đem thần lực vô biên bất khả tư nghị của trăm ngàn muôn ức vô số kiếp để truyền trao phó chúc mà nói công đức của kinh này thì cũng chẳng hết được. Vì vậy việc gì trải qua trước mắt thì chúng ta làm và làm cho tròn trách nhiệm, không nên đi tìm công việc để làm, bởi vì các việc đó đều giả. Nhưng phải làm những cái giả đó để lập công bồi đức. Như mình đi giữa đường gặp người nghèo, mình có tiền thì giúp cho họ. Không nên đi rêu rao ai nghèo khó đến tôi giúp cho. Việc gì hiểu được bao nhiêu thì hiểu và luôn luôn hiểu tới nữa khi nào thành Phật rồi mới thôi. Hơn nữa, cái nghe theo thần lực của Như Lai thì phải nghe theo vòng tròn, dù là âm thanh khảy móng tay hay âm thanh tầng hắng và vòng tròn này phải rộng ra khắp mười phương đồng thời nghe được đát sáu nhịp rung động theo tinh thần của Bát Nhã tâm kinh ; “ Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.” Và đát cũng rung động sáu nhịp theo vòng tròn. Như gió thổi vào cây rung động khiến rẽ cây rung động làm đát rung động sáu nhịp trong lòng đất. Vậy một khi ta nghe được đát sáu nhịp rung động thì ta tiến dần đắc Bát nhã rồi đi vào hạnh nguyện Bồ Tát và đắc thành quả vị Bồ Tát rồi cuối cùng thành Phật. Tóm lại, phẩm kinh này tuy rất khó nhưng nó mở ra một chân trời thật mới lạ bởi vì:

a/ Nghe theo vòng tròn sáu nhịp:

Hồi nào đến giờ, chúng ta chỉ nghe thăng ra hoặc nghe thu vào, chỉ nghe có hai nhịp thôi. Bây giờ chúng ta được nghe theo vòng tròn và nghe sáu nhịp rung động như hơi thở có sáu nhịp:

1. Hít hơi vào chậm chậm,
2. Thở dưới rún thật sâu
3. Giữ hơi lại lâu lâu
4. Thở hơi ra nhẹ nhẹ

5. Ngung hơi ngoài khe khẽ
6. Rồi mới hít hơi vào.

Làm bất cứ việc gì cũng phải theo sáu nhịp, như nghe thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý đều nghe.

b/ Âm thanh, sắc tướng không bao giờ mất. Nguyên tố vũ trụ như nguyên tố của quả cam hay một cái hoa khi bị khô đi nó sẽ đi vào không gian, không bao giờ mất và nó cũng di chuyển theo vòng tròn, khi cần nó đến liền trong tích tắc. Vậy thì sắc của cái lưỡi, lỗ chân lông và âm thanh của tiếng tầng hắng, khảy móng tay đều vang đi xa một thời gian dài rồi mới trở lại nơi xuất phát, cho nên phải suy nghĩ mới nói.

c/ Không phải chỉ có một Phật Thích Ca mà có nhiều Phật do Ngài phân thân ra và chúng ta cũng phân thân ra thành nhiều thân vậy.

Đồng Minh



Vân Đề Khen Và Chê

A tu la là một thiện nam sống ở Xá Vệ cùng với một nhóm bạn năm trăm Phật tử. Một hôm, ông cùng với nhóm bạn này đến tinh xá nghe pháp. Đầu tiên, ông đến gần bên Tôn giả Ly bà đa, nhưng Tôn giả lặng thính không nói một lời. Họ thất vọng, mới cùng nhau đến Tôn giả Xá lợi Phát, cung kính trình bày về việc họ đã bắt mãn khi đến gặp ngài Ly bà đa không giảng nói một lời nào cả.

Khi ấy, Ngài Xá lợi Phát bảo họ ngồi xuống và Ngài thuyết giảng cho họ nghe về giáo lý A tỳ đàm. Ngài thuyết giảng thao thao bất tuyệt tràng giang đại hải, A tu la và cả bọn họ nghe không hiểu chi cả, nên bức mình liền kéo đến hội kiến với Tôn giả A nan. Sau khi cung kính chào hỏi, A tu la liền trình bày những việc đã xảy ra khi gặp Ly bà đa và Tôn giả Xá lợi Phát cho Ngài A Nan nghe.

Ngài A nan liền giảng một bài pháp ngắn gọn cho họ nghe, nhưng họ vẫn không hài lòng, bức tức liền kéo đến gặp Phật. Sau khi đánh lễ Phật, họ liền bày tỏ cho Phật biết những việc bất bình của họ. Họ chê Ngài Ly bà Đa chỉ biết lặng thính, Tôn giả Xá lợi Phát thì nói quá đong dài, Ngài A nan thì quá ngắn gọn.

Nghe xong, Phật quở trách bọn họ rằng, trên đời này từ xưa tới nay, không ai mà không bị khen chê, kể cả Như Lai cũng vẫn bị người ta khen chê. Phật dạy tiếp: “*Lời khen của người ngu không quan trọng. Nhưng khi người học thực, thông minh khen hay chê, đó mới là đích thực*”.

Qua câu chuyện dẫn chứng và những lời Phật dạy trên, cho chúng ta một bài học quý giá về việc thị phi khen chê của người đời. Quả thật:

Ở sao cho vừa lòng người
Ở rông người cười, ở hẹp người chê
Cao chê ngõng, thấp chê lùn
Béo chê béo mập béo tròn
Gầy chê xương sống xương sườn lời ra
(Ca dao)

Chê người không nghĩ lại ta
Luron mà chê lịch cũng là giống nhau
Chân mình bùn lấm xiết bao
Không lo tẩy rửa cho mau sạch bùn
Nhà mình rách rến lung tung
Mà đi lo quét nhà cùng kẻ bên

Chúng ta lo liệu cho nên
Mặc ai xuyên xỏ vũng kiền ba chân.

Đến như trời đất vô tự, không hề thiên vị một ai, vậy mà con mưa nắng cũng có kẻ ưa người ghét thay! Trời đất mặc nhiên tĩnh lặng không nói gì, và cũng không biết tỏ ra thương hay ghét, dèm pha hay ninh bợ với bất cứ một ai, thế mà vẫn còn không tránh khỏi cái miệng chê khen của người đời, nói chi đến con người đầy dày nghiệp chướng, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi cái luận điệu khen chê.

Trời là cao mà miệng thế còn bia
Con mưa nắng kẻ ưa người trách
Đời trăm tuổi đó ai giữ sạch?
Không thánh còn bị đạo chích chê bai
Kẻ thù ưa tiếng ngắn tiếng dài
Người thì chịu lời chân lời thật
Ai nhẫn nhục bằng Tiên bằng Phật
Mà Đè đạt đa hại rất nhiều phen
Ai hiền lành bằng nhẫn nhục Tiên
Mà vua Ca Lợi chặt tan thân thể
Trang hiền đức Châu Văn Vương ai chẳng nể
Mà còn mang câu vũ lý chí từ
Xét ở đời có kẻ trí với người ngu
Cũng khó nổi lấy ngao mà lường biển
Nín thời đại, nói ra thời nhiều chuyện
Gãm con người cái miệng rất nhiều lời
Cơ hàn quần áo tả tai
Thì họ cho rằng đồ thát nghiệp
Giàu có đủ trên dù dưới dép
Thì họ cho rằng làm phách kiêu căng
Thấy kẻ nghèo đáng bác gọi thẳng
Xem người giàu có đáng con mà kêu cậu
Gãm con người hữu nhân vô châu...

Lặng thính như Tôn giả Ly bà đa cũng bị bọn A tu la chê cười. Nói nhiều như Tôn giả Xá lợi Phát, cũng bị bọn họ không thích. Nói ngắn gọn hay nói ít như Tôn giả A nan, cũng bị bọn họ không vui. Thế thì làm sao cho họ vừa lòng hết đây? Những vị này là những bậc Thày đáng kính, phần lớn, các Ngài đã không còn phiền não ghét thương, thiên vị, như thói đời. Thế mà, các Ngài cũng vẫn còn bị người ta không ưa thích nói xấu. Thậm chí đến như đức Phật, Ngài đã hoàn toàn không còn chút xíu vị tế vô minh phiền não, ấy thế mà, Ngài cũng vẫn còn bị kẻ thương, người ghét.

Những ai phi báng nhạo cười chê
Phải trái nào ai tránh khỏi hè!

*Khổng thánh kia còn bao kẻ biếm
Phật đà bị hại xiết bao ghê!
Khi thương trái áu cho tròn trija
Lúc ghét bồ hòn vẫn méo chê
Thế sự tình đời sao nói hết
Xét mình vui đạo chẳng buồn tê!*

(Thích Phước Thái)

Nghĩ đến các Ngài còn bị tiếng dư luận khen chê của người đời, còn đối với chúng ta là những con người phàm tục, phiền não nhiều nhương còn dãy đây, thế mà chúng ta muốn không có sự khen chê, thử hỏi như thế có được không? Hắn chúng ta sẽ không bao giờ có được ý muốn hoàn toàn như thế.

Thế mới biết, khen chê là chuyện thường tình của thế nhân. Từ ngàn xưa mãi đến ngàn sau, bất luận thời nào và bất luận con người nào, không ai hoàn toàn được khen hay hoàn toàn bị chê cả. Do đó Phật khuyên chúng ta khi bị chê không nên khởi tâm bức tức giận hờn. Chúng ta cần phải học cho được cái hạnh nhẫn nhục của trời đất. Có nhẫn nhục, thì mọi việc sẽ được an ổn. Ngược lại, khi chúng ta được khen, cũng không nên lấy đó làm hanh diện, để cao thêm bản ngã. Càng được người khen, ta phải biết hạ mình và cẩn trọng xét lại việc ta làm. Không nên vì tiếng khen mà ta thay đổi tâm tính, tự cao, tự đại, khinh người. Đó là một họa hại cho ta. Có đôi khi, ta không chết vì tiếng chê, mà ta lại chết vì tiếng khen. Người ta chết vì thuận cảnh nhiều hơn là chết vì nghịch cảnh. Trên bước đường tu học hành đạo, ta cần phải lưu ý đến những cái thuận duyên xảy ra cho ta.

Ta cần noi gương Phật Tổ, cứ an nhẫn tu hành. Ta không nên nặng lòng vì việc khen chê của thiên hạ. Nếu mình tu không ra gì, mà dẫu thiên hạ có khen, thử hỏi mình có xứng đáng với tiếng khen của họ không? Ngược lại, mình tu hành đàng hoàng, dẫu cho có bị thiên hạ chê cười nói xấu đủ điều đi chăng nữa, mình cũng vẫn cảm thấy an nhiên không có gì là buồn giận xấu hổ. Và coi những lời chê bai phê bình chỉ trích của họ, là những lời cảnh giác thúc nhắc cho mình tránh những điều xấu ác đó thôi. Nghĩ thế, lòng mình cảm thấy an thoát nhẹ nhàng, không có gì phải tức giận khó chịu. Không ai biết rõ mình bằng chính mình tự biết mình. Người ta có khen thì mình cũng không tăng thêm ký lô thịt nào, mà người ta có chê thì mình cũng không bị giám sát một miếng thịt nào. Người xưa nói: “Ai khen ta mà khen phải

là thầy ta. Ai chê ta mà chê phải đó là bạn ta”.

Vâng! Chỉ có người bạn tốt hết lòng trung thực với mình, thì họ mới thật tình dám nói lỗi phê bình những khuyết điểm của mình. Cả hai hạng người khen và chê nói trên, mình đều cảm ơn họ. Vì nhờ họ mà mình mới thăng tiến trên bước đường hành xử tu niệm. Ngoài ra, những kẻ vuốt ve nịnh bợ mình, hãy nên đề phòng coi chừng hạng người đó. Minh có làm sai, họ cũng nói mình phải. Minh có dở thảm tệ, họ cũng cho mình hay. Đó là hạng người chỉ biết ton hót tảng bốc nịnh bợ mình, vì họ đã có một ý đồ tư lợi riêng. Đó là hạng người mà ta cần phải tránh. Họ sẽ là người giết chết mình bằng những lời ngon ngọt mà không cần đến vũ khí, một khi mình không còn gì để họ tảng bốc lợi dụng.

Thường người ta thích nghe tiếng khen, chứ không ai chịu nghe tiếng chê. Vì lời nói thẳng bao giờ nghe cũng trái với lỗ tai. Nhưng ta nên nhớ rằng, ruồi chết vì mật ngọt, chim chết vì mồi ngon, người chết vì lời khen. Lời chê, tuy nó có bọc chất đắng thiệt, nhưng chính nó lại làm cho mình chóng mau hết bệnh. Nhưng ở đời, có mấy ai thích đắng đau, toàn là thích ngọt cả. Ấy thế mới chêt!

Cứ ôn lại chuyện xưa, tích cũ, từ cổ chí kim, có ông vua nào chết vì tay trung thần can gián hay không? Hay là phần nhiều họ chết vì những tay nịnh thần. Những ông quan nịnh thần, lúc nào cũng tỏ ra khéo biết nịnh bợ chiều chuộng để được lòng vua. Cứ một bê cong lưng uốn gối vâng vâng dạ dạ, thì thử hỏi có ông vua nào mà lại không thích? Nhưng chúng ta đừng quên rằng, cái ngai vàng bị mất là chính do những ông quan lại nịnh thần này. Lịch sử xưa nay, đã chứng minh rất nhiều, nhưng rất tiếc, người ta vẫn chưa sáng mắt học thuộc lòng bài học này.

Đối với người tu hành, Phật dạy, chúng ta phải vượt lên trên hai thứ khen chê này. Vì hễ còn dính kẹt vào thứ nào, thì lòng ta cũng vẫn bất an, cũng vẫn đau khổ cả. Ta nên nhớ rằng:

*Có tài phải chịu cái tai
Nếu mình ngu dại có ai nói gì
Ngày nào chẳng có thị phi
Tai không nghe đến cũng thì như không
Nhiều nước thì mới thành sông
Nhiều người phi báng mới nên công tu hành.*

Tịnh Đức

Chúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan Thắng Hội này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tòng lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.

Thư Cảm Tạ

Danh sách quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Vu Lan Thắng Hội Pl. 2567

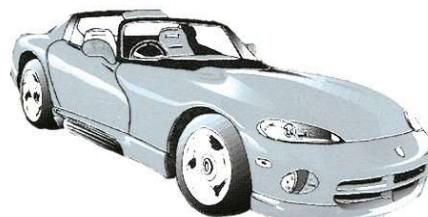
Thầy Phước Viên	50	Hl. Nguyễn Thị Ba	50	Hl. Nguyễn Văn Sơn	50
Thầy Phước Quảng	50	Hl. Hoàng Thu Dung	50	Hl. Trần Kim Hồ	50
Sư cô Phước Ngọc	50	Hl. Hứa Thị Miêng	50	Hl. Dương Thị Sen	50
Minh Quang & Diệu Huệ	50	Hl. Quách Di Hiếu	50	Hl. Trần Văn Hưng	50
Hội hướng cầu siêu chư hương linh:		Hl. Vũ Thị Xum	50	Hl. Huỳnh Thị Thom	50
		Hl. Trần Quang Diệu	50	Hl. Nguyễn Thị Nữ	50
		Hl. Hứa Thị Miêng	50	Hl. Nguyễn Văn Sơn	50
Hl. Tôn Liên Hoa	50	Hl. Ôn Thị Ba	50		

Danh sách ủng hộ Đại Tòng Lâm Phật Giáo

Gđ.Hl.Lý Huệ Tiên - Pd.Nhật Huệ 100, Gđ.hl. Quảng
Thanh & Quảng Trân 100, Gđ. Sư cô Phước Hòa
1000, Diệu Hải 100, Nha sỹ Thảo 200, Kim Nga
Nguyễn 200, Gđ.hl. Bùi Thị Én – Diệu Thiện 180,
Gđ.Hl. Phùng Lê Bình – Pd. Diệu An 300, Gđ.hl.
Swin Syi Myint 100, Gđ.hl.Nguyễn Thanh Vân 200,
Diệu Phước 20, Gđ.Hl. Nguyễn Thị Là 150, Gđ. Trần
Thị Dung 100, Gđ.hl. Sư cô Phước Hải 200, Gđ.hl.
Trần Kim Hồ – Pd. Thiện Phách 200 , Gđ.hl. Hứa Thị
Miêng – Pd. Thủy Ngọc 200, Diệu Liên – Chùa Thiên
Thai 500, Gđ.hl.Trần Văn Sơn – Pd. Tâm Hà 400,

Chơn Chất 100, Gđ.hl Quách Di Hiếu – Pd.Phổ Thuận
500, Phan Sại 28, Quý Phật tử hộ trì Đại Tòng Lâm
Phật giáo trọn năm 3070, Gđ.hl. Vũ Thị Xum 400, Sư
cô Phước Chiểu 200.

VU LAN THẮNG HỘI HUYEN MOTOR REPAIR



HUYEN MOTOR REPAIRS

VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673